

LAW
ON ENTERPRISES
(LUẬT
***Doanh nghiệp*)**

*Pursuant to Constitution of Socialist Republic of Vietnam;
Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*The National Assembly promulgates the Law on enterprises.
Quốc hội ban hành Luật Doanh nghiệp.*

Chapter I GENERAL PROVISIONS
(NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG)

Article 1. Scope
(Phạm vi điều chỉnh)

This Law deals with the establishment, organization, restructuring, dissolution, and relevant activities of enterprises, including limited liability companies, joint-stock companies, partnerships, sole proprietorships, and groups of enterprises.

(Luật này quy định về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp, bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân; quy định về nhóm công ty.)

Article 2. Regulated entities
(Đối tượng áp dụng)

1. Enterprises
(Các doanh nghiệp)

2. Agencies, organizations, and individuals involved in the establishment, organization, restructuring, dissolution, and relevant activities of enterprises.

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.)

Article 3. Application of the Law on Enterprises and specialized laws
(Áp dụng Luật doanh nghiệp và các luật chuyên ngành)

If specialized laws contain regulations on establishment, organization, restructuring, dissolution, and relevant activities of enterprises, such regulations shall apply.



(Trường hợp luật chuyên ngành có quy định đặc thù về việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp thì áp dụng quy định của Luật đó.)

Article 4. Interpretation of terms

(Giải thích từ ngữ)

In this Law, the terms below are construed as follows:

(Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:)

1. *Foreigner* means any person who does not have Vietnamese nationality

(Cá nhân nước ngoài là người không có quốc tịch Việt Nam.)

2. *Shareholder* means any individual or organization that owns at least a share of a joint-stock company.

Founding shareholder means any shareholder that owns at least an ordinary share and whose signature is on the list of founding shareholders of the joint-stock company.

(Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.)

3. *Dividend* means a net profit paid to each share in cash or other assets from the residual profit of the joint-stock company after all financial obligations are fulfilled.

(Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.)

4. *Limited liability companies* include single-member limited liability companies and multi-member limited liability companies

(Công ty trách nhiệm hữu hạn bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.)

5. *National business registration portal* means a website used for online business registration and access of information about business registration.

(Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là cổng thông tin điện tử được sử dụng để đăng ký doanh nghiệp qua mạng, truy cập thông tin về đăng ký doanh nghiệp.)

6. *National Enterprise Registration Database* means a collection of data about business registration nationwide.

(Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp là tập hợp dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp trên phạm vi toàn quốc.)

7. *Enterprise* means an organization that has its own name, assets, office, and is registered in accordance with law to do business.

(Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.)

8. *State-owned company* means any enterprise of which 100% charter capital is held by the State.

(Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.)



9. *Vietnamese company* means any enterprise that is established or registered under Vietnam's law and has its headquarter located in Vietnam.

(Doanh nghiệp Việt Nam là doanh nghiệp được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo pháp luật Việt Nam và có trụ sở chính tại Việt Nam.)

10. *Permanent residence* means the address of the organization's headquarter or address of the individual's permanent residence, workplace, or another location that is registered by such person with the enterprise as contact.

(Địa chỉ thường trú là địa chỉ đăng ký trụ sở chính, đối với tổ chức; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc địa chỉ nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.)

11. *Market price of a stake or share* means the highest price on the market on the previous day, the price agreed between the seller and the buyer, or the price determined by a professional valuation organization.

(Giá thị trường của phần vốn góp hoặc cổ phần là giá giao dịch trên thị trường cao nhất ngày hôm trước, giá thỏa thuận giữa người bán và người mua, hoặc giá do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp xác định.)

12. *Certificate of Business registration* means a paper or electronic file issued by the business registration authority to the enterprise which contains information about business registration.

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là văn bản hoặc bản điện tử mà Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp ghi lại những thông tin về đăng ký doanh nghiệp.)

13. *Capital contribution* means the contribution of assets to form the company's charter capital. Capital contribution is either contribution of capital to establish a new enterprise or contribution of additional capital to an existing enterprise.

(Góp vốn là việc góp tài sản để tạo thành vốn điều lệ của công ty. Góp vốn bao gồm góp vốn để thành lập doanh nghiệp hoặc góp thêm vốn điều lệ của doanh nghiệp đã được thành lập.)

14. *National business registration information system* comprises the National Enterprise Registration Database, national business registration portal, and the system infrastructure.

(Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp bao gồm Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và hạ tầng kỹ thuật hệ thống.)

15. *Valid application* means an application that contains adequate documents as prescribed in this Law, and information on which are declared sufficiently as prescribed by law.

(Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của Luật này và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.)

16. *Business* means the continuous execution of one, some, or all of stages of the investment process such as manufacturing, selling products or services on the market to earn profit.

(Kinh doanh là việc thực hiện liên tục một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình, đầu tư, từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lợi.)

17. *Related person* means any organization or individual that has a direct or indirect relationship with the enterprise, including the following cases:



(Người có liên quan là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:)

a) The parent company, the manager of the parent company, and the person competent to designate such manager are related persons of subsidiaries in the same group;

(Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;)

b) Subsidiaries are related person of the parent company in the same group;

(Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;)

c) The person or a group of people who can influence the decision making and operation of the enterprise via a managerial body;

(Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;)

d) The enterprise manager;

(Người quản lý doanh nghiệp;)

dd) Spouse, parents, adoptive parents, children, adopted children, brothers-in-law, sisters-in-law of the enterprise manager or the members/partners/shareholders who have the controlling stake or shares;

(Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của nhân viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;)

e) Any person authorized to represent one of the persons or companies mentioned in Points a, b, c, d, and dd of this Clause;

(Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản này;)

g) The enterprise in which the persons or companies mentioned in Points a, b, c, d, dd, e, and h of this Clause have enough holding to influence the decision making of the managerial bodies of such enterprise;

(Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và h khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;)

h) A group of people who have an agreement to acquire stakes, shares, or interests of the company to have influence over the decision making of the company.

(Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để đầu tư phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.)

18. *Enterprise managers* is the manager of the company or manager of sole proprietorship, who is either an owner of a sole proprietorship, a general partner, the Chairpersons of the Board of members, a member of the Board of members, the company's President, the Chairperson of the Board of Directors, a member of the Board of Directors, the Director/General Director, or a person holding another managerial position who is entitled to enter into the company's transactions on behalf of the company according to the company's charter.

(Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty và người quản lý doanh nghiệp tư nhân, bao gồm chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty.)

19. *Founder* means any organization or individual that establishes or contributes capital to establish an enterprise.

(Người thành lập doanh nghiệp là tổ chức, cá nhân thành lập hoặc góp vốn để thành lập doanh nghiệp.)

20. *Foreign investor* means any organization or individual that is defined as a foreign investor according to the Law on Investment.

(Nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức, cá nhân được hiểu là nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.)

21. *Stake* means the total value of assets that a member/partner contributes or promises to contribute to a limited liability company or partnership. Stake holding means the ratio of a member/partner's stake to charter capital of the limited liability company or partnership.

(Phần vốn góp là tổng giá trị tài sản của một thành viên đã góp hoặc cam kết góp vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh. Tỷ lệ phần vốn góp là tỷ lệ giữa phần vốn góp của một thành viên và vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh.)

22. *Public services/products* are services/products necessary for life and socio-economic conditions of the country or communities of certain areas that the State must provide to ensure common interests or National defense and security; the investment in manufacturing and supply of such services/products under market mechanism is not likely to be recouped.

(Sản phẩm, dịch vụ công ích là sản phẩm, dịch vụ thiết yếu đối với đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, cộng đồng dân cư của một khu vực lãnh thổ mà Nhà nước cần bảo đảm vì lợi ích chung hoặc bảo đảm quốc phòng, an ninh và việc sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ này theo cơ chế thị trường khó có khả năng bù đắp chi phí.)

23. *Company member* means any individual or organization that holds part or all of charter capital of a limited liability company or partnership.

(Thành viên công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty hợp danh.)

24. *Members of a partnership* include general partners and capital contributors

(Thành viên công ty hợp danh bao gồm thành viên hợp danh và thành viên góp vốn.)

25. *Enterprise restructuring* is either a total division, partial division, consolidation, acquisition of an enterprise, or conversion of the type of business entity.

(Tổ chức lại doanh nghiệp là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.)

26. *Foreign organization* means any organization that is established overseas under another country's law.

(Tổ chức nước ngoài là tổ chức thành lập ở nước ngoài theo pháp luật nước ngoài)



27. *Foreign investors' holding* means the total holding of voting capital of all foreign investors in a Vietnamese company.

(Tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài là tổng tỷ lệ sở hữu vốn có quyền biểu quyết của tất cả nhà đầu tư nước ngoài trong một doanh nghiệp Việt Nam.)

28. *Voting capital means* the stake or shares under the ownership of a person who has the right to vote on the issues within the competence to decide the Board of members or the General Meeting of Shareholders.

(Vốn có quyền biểu quyết là phần vốn góp hoặc cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông.)

29. *Charter capital means* the total value of assets that are contributed or promised to be contributed by members/partners when establishing a limited liability company or partnership; or the total face value of shares that are sold or registered when establishing a joint-stock company.

(Vốn điều lệ là tổng giá trị tài sản do các thành viên đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp đối với công ty cổ phần.)

Article 5. State assurance about enterprises and owners of enterprises

(Bảo đảm của Nhà nước đối với doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp)

1. The State recognizes the continued existence and development of types of business entities defined in this Law; ensures the legal equality of enterprises regardless of their forms and economic sectors; and acknowledges the legitimate profitability of business.

(Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và phát triển của các loại hình doanh nghiệp được quy định tại Luật này; bảo đảm bình đẳng trước pháp luật của các doanh nghiệp không phân biệt hình thức sở hữu và thành phần kinh tế; thừa nhận tính sinh lợi hợp pháp của hoạt động kinh doanh.)

2. The State recognizes and protects the ownership of assets, capital, income, other lawful rights and interests of enterprises and owners of enterprises.

(Nhà nước công nhận và bảo hộ quyền sở hữu tài sản, vốn đầu tư, thu nhập, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp.)

3. Legitimate assets and capital of enterprises and enterprise owners shall not be nationalized and shall not be administratively confiscated.

(Tài sản và vốn đầu tư hợp pháp của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp không bị quốc hữu hóa, không bị tịch thu bằng biện pháp hành chính.)

The State shall purchase or requisition enterprises' assets for reasons of National defense and security, national interests, state of emergency, natural disaster response, and pay enterprises according to market prices at such times. The payment or compensation must ensure enterprises' interests without discrimination between types of business entities.

(Trường hợp thật cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh hoặc vì lợi ích quốc gia, tình trạng khẩn cấp, phòng, chống thiên tai, Nhà nước trưng mua hoặc trưng dụng có bồi thường tài sản của doanh nghiệp; trường hợp trưng mua thì doanh nghiệp được thanh toán, trường hợp trưng dụng thì doanh nghiệp được bồi thường theo giá thị trường tại thời điểm trưng mua hoặc trưng dụng. Việc thanh toán hoặc



bồi thường phải bảo đảm lợi ích của doanh nghiệp và không phân biệt đối xử giữa các loại hình doanh nghiệp.)

Article 6. Political organizations and socio-political organizations within enterprises

(Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp)

1. Political organizations and socio-political organizations within enterprises shall operate in accordance with Constitution, law, and the organization's charter.

(Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ tổ chức.)

2. Enterprises must not obstruct the establishment of intramural political organizations or socio-political organizations and must not obstruct employees to participate in such organizations.

(Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.)

Article 7. Rights of enterprises

(Quyền của doanh nghiệp)

1. Engage in the business lines that are not prohibited by law.

(Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.)

2. Exercise business autonomy; decide on organizational structure, business lines, and location; change the scale and business lines.

(Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.)

3. Decide on the method of raising and using capital.

(Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.)

4. Find markets, customers, and sign contracts proactively.

(Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.)

5. Engage in export and import.

(Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.)

6. Hire employees to serve the business.

(Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.)

7. Apply science and technologies to improve business efficiency and competitiveness.

(Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.)

8. Own, use, and dispose of assets of the enterprise.

(Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp)

9. Refuse to provide resources against the law.



(Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật)

10. Lodge complaints and denunciations in accordance with regulations of law on complaints and denunciations.

(Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.)

11. Participating in proceedings in accordance with laws.

(Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.)

12. Other rights prescribed by relevant laws.

(Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.)

Article 8. Obligations of enterprises

(Nghĩa vụ của doanh nghiệp)

1. Satisfy the conditions when engaging in the business lines subject to business conditions as prescribed by the Law on Investment; maintain the fulfillment of such conditions throughout the business operation.

(Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.)

2. Do accounting, make and submit truthful financial statements in a timely manner according to regulations of law on accounting and statistics.

(Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.)

3. Declare, pay taxes and fulfill other financial obligation as prescribed by law

(Kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.)

4. Ensure the lawful rights and interests of employees according to regulations of law on employment; do not show discriminatory behaviors or insult employees in the enterprise; do not employ children and forced labour; provide support for and enable employees to have professional training; buy social insurance, unemployment insurance, health insurance, and other types of insurance for employees.

(Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.)

5. Ensure and take responsibility for quality of goods/services according to standards prescribed by law or registered/announced standards.

(Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.)

6. Fulfill obligations pertaining to business registration, changes of business registration information, disclosure of information about the enterprise establishment and operation, and other obligations prescribed in this Law and relevant laws.

(Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.)

7. Take responsibility for the truthfulness and accuracy of information in the application for business registration and reports; rectify incorrect information.

(Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.)

8. Comply with regulations of law on national defense and security, social order and safety, gender equality, protection of natural resources, the environment, historic sites and natural monuments.

(Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử-văn hóa và danh lam thắng cảnh.)

9. Exercise the obligations pertaining to business ethics to protect the lawful rights and interests of customers and consumers.

(Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.)

Article 9. Rights and obligations of enterprises providing public services/products

(Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích)

1. The rights and obligations specified in Article 7, Article 8, and relevant regulations of this Law.

(Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 7, Điều 8 và quy định khác có liên quan của Luật này.)

2. Get reimbursed for the costs in accordance with regulations of law on bidding, or collect service charges in accordance with regulations of competent authorities.

(Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá do pháp luật về đấu thầu quy định hoặc thu phí sử dụng dịch vụ theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.)

3. Provide products/services for a period of time sufficient to recoup investment and earn a reasonable amount of profit.

(Được bảo đảm thời hạn cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.)

4. Provide products/services according to agreed quantity, quality, and time limits at the prices or charges decided by competent authorities.

(Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.)

5. Ensure equitability and equally convenience of customers.

(Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi như nhau cho các khách hàng.)

6. Take legal responsibility for the quantity, quality, conditions, prices/charges of the products/services provided.



(Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.)

Article 10. Criteria, rights and obligations of social enterprises

(Tiêu chí, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp xã hội)

1. Every social enterprise must satisfy the following criteria:

(Doanh nghiệp xã hội phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:)

a) The enterprise is registered in accordance with this Law;

(Là doanh nghiệp được đăng ký thành lập theo quy định của Luật này;)

b) The enterprise's objective is to resolve social, environmental problems, or to serve public interests;

(Mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng;)

c) At least 51% of annual profit is used for reinvestment in order to serve the social, environmental purposes as registered.

(Sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường như đã đăng ký.)

2. Apart from the rights and obligations of enterprises prescribed in this Law, social enterprises also have the following rights and obligations:

(Ngoài các quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của Luật này, doanh nghiệp xã hội có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Maintain the objectives and conditions prescribed in Point b and Point c Clause 1 of this Article throughout the operation; any operating enterprise that wishes to convert into a social enterprise, and any social enterprise that wishes to stop operating as a social enterprise shall notify the competent authority to complete necessary procedures;

(Duy trì mục tiêu và điều kiện quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này trong suốt quá trình hoạt động; trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động muốn chuyển thành doanh nghiệp xã hội hoặc doanh nghiệp xã hội muốn từ bỏ mục tiêu xã hội, môi trường, không sử dụng lợi nhuận để tái đầu tư thì doanh nghiệp phải thông báo với cơ quan có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục theo quy định của pháp luật;)

b) Owners and managers of social enterprises shall be enabled to obtain licenses and relevant certificates as prescribed by law.

(Chủ sở hữu doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp xã hội được xem xét, tạo thuận lợi và hỗ trợ trong việc cấp giấy phép, chứng chỉ và giấy chứng nhận có liên quan theo quy định của pháp luật;)

c) Seek and receive sponsorships from other individuals, enterprises, non-governmental organizations, other Vietnamese and foreign organizations to cover administrative expense and operating costs of the enterprise;

(Được huy động và nhận tài trợ dưới các hình thức khác nhau từ các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ và các tổ chức khác của Việt Nam và nước ngoài để bù đắp chi phí quản lý và chi phí hoạt động của doanh nghiệp;)

d) Do not use the sponsorships for purposes other than covering administrative expense and operating costs or resolving social, environmental issues registered by the enterprise;
(Không được sử dụng các khoản tài trợ huy động được cho mục đích khác ngoài bù đắp chi phí quản lý và chi phí hoạt động để giải quyết vấn đề xã hội, môi trường mà doanh nghiệp đã đăng ký;)

dd) Submit annual reports on the enterprise's operation to the competent authority when receiving incentives or support.
(Trường hợp được nhận các ưu đãi, hỗ trợ, doanh nghiệp xã hội phải định kỳ hằng năm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình hoạt động của doanh nghiệp.)

3. The State shall introduce policies to encourage, support, and boosts the development of social enterprises.
(Nhà nước có chính sách khuyến khích, hỗ trợ và thúc đẩy phát triển doanh nghiệp xã hội.)

4. The Government shall elaborate this Article.
(Chính phủ quy định chi tiết Điều này.)

Article 11. Retention of enterprise's documents *(Chế độ lưu giữ tài liệu của doanh nghiệp)*

1. Depending on the form, the enterprise must retain the following documents:
(Tùy theo loại hình, doanh nghiệp phải lưu giữ các tài liệu sau đây:)

a) The company's charter; internal rules and regulations; member register or shareholder register;
(Điều lệ công ty; quy chế quản lý nội bộ của công ty; sổ đăng ký thành viên hoặc sổ đăng ký cổ đông;)

b) Certificate of industrial property rights; Certificate of product quality registration; other licenses and certificates;
(Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; giấy phép và giấy chứng nhận khác;)

c) Documents proving the company's ownership of its assets;
(Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của công ty;)

d) Minutes of meetings of the Board of members, the General Meeting of Shareholders, the Board of Directors; the enterprise's decisions;
(Biên bản họp Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các quyết định của doanh nghiệp;)

dd) The prospectus for securities issuance;
(Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;)

e) Reports made by the Control Board; conclusions of inspection authorities; conclusions of audit organizations;
(Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán;)

g) Accounting books, accounting documents, and annual financial statements.
(Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm.)



2. The documents mentioned in Clause 1 of this Article must be kept at the headquarter or another location prescribed in the company's charter. The retention duration shall comply with relevant regulations of law.

(Doanh nghiệp phải lưu giữ các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính hoặc địa điểm khác được quy định trong Điều lệ công ty; thời hạn lưu giữ thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.)

Article 12. Reporting changes to information about the enterprise's manager.

(Báo cáo thay đổi thông tin của người quản lý doanh nghiệp)

The enterprise must notify the business registration authority of the changes to the name, address, nationality, ID number, passport number or other ID papers of the following persons within 05 days from the day on which such changes are made:

(Doanh nghiệp phải báo cáo Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày có thay đổi thông tin về họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của những người sau đây:)

1. Members of the Board of Directors of the joint-stock company;

(Thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần;)

2. Members of the Control Board or controllers;

(Thành viên Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;)

3. The Director or General Director.

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)

Article 13. Legal representative

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp)

1. The legal representative of an enterprise is the individual that exercises the rights and fulfills the obligations on when making transactions on behalf of the enterprise, represents the enterprise as the plaintiff, defendant, and person with relevant interests and duties before the arbitral tribunal, the court, exercises other rights and fulfills other obligations as prescribed by law.

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.)

2. A limited liability company or joint-stock company may have one or multiple legal representatives. The quantity, titles, rights and obligations of legal representative of the enterprise shall be specified in the company's charter.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.)



3. There must always be at least one legal representative that resides in Vietnam. If the enterprise has only one legal representative, such person must reside in Vietnam and authorizes another person in writing to perform the legal representative's right and obligations when leaving Vietnam. In this case, the legal representative is still responsible for the performance of delegated rights and obligations.

(Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.)

4. In case the legal representative does not return to Vietnam at the end of the authorization period and does not give another authorization:

(Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:)

a) The authorized person of the sole proprietorship shall keep performing the legal representative's rights and obligations within the scope of authorization until the legal representative goes back to work at the enterprise;

(Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;)

b) The authorized person of the limited liability company, joint-stock company, or partnership shall keep performing the legal representative's rights and obligations within the scope of authorization until the legal representative goes back to work at the enterprise, or until the company owner, the Board of members, or the Board of Directors decides to designate another person as the legal representative of the enterprise.

(Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.)

5. If the enterprise has only one legal representative and such person is not present in Vietnam for more than 30 days without authorizing another person to act as the legal representative, or such person is dead, missing, detained, sentenced to imprisonment, or legally incompetent, then the company owner, the Board of members, or the Board of Directors shall designate another person as the legal representative.

(Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.)

6. With regard to a limited liability company with two members, if the member who is the legal representative of the company is detained or sentenced to imprisonment, makes a getaway, is missing or legally incompetent, or is banned from practicing by the court for smuggling, producing counterfeits, running illegal businesses, tax evasion, fraud, or another crime defined by Criminal Code, the other

member is naturally the company's legal representative until the Board of members makes a decision on company's legal representatives.

(Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên, nếu có thành viên là cá nhân làm người đại diện theo pháp luật của công ty bị tạm giam, kết án tù, trốn khỏi nơi cư trú, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề vì phạm tội buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, trốn thuế, lừa dối khách hàng và tội khác theo quy định của Bộ luật hình sự thì thành viên còn lại đương nhiên làm người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên về người đại diện theo pháp luật của công ty.)

7. In some special cases, the Court is entitled to appoint the legal representative during the proceedings.
(Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án)

Article 14. Responsibilities of the enterprise's legal representative *(Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp)*

1. The enterprise's legal representative has the following responsibilities:
(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:)

a) Perform the given rights and obligations in a truthful, careful manner to ensure the enterprise's lawful interests;

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;)

b) Act in the best interest of the enterprise; do not use information, secrets, business opportunities of the enterprise; do not misuse the position, power, or property of the enterprise for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

(Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;)

c) Notify the enterprise of the representative and his/her related persons owning or having the controlling stake or shares in other enterprises.

(Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.)

2. The legal representative of the enterprise is personally responsible for the damage caused by his/her violations against the obligations mentioned in Clause 1 of this Article.

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này.)

Article 15. Authorized representatives of owners, members, shareholders being organizations *(Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là tổ chức)*

1. The authorized representatives of owners, members, shareholders being organizations must be individuals authorized in writing to perform their rights and obligations prescribed in this Law on behalf of such owners, members, shareholders.

(Người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật này.)

2. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the authorized representative shall be appointed as follows:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:)

a) A multi-member limited liability company that holds at least 35% of charter capital may appoint up to 03 representatives;

(Tổ chức là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có sở hữu ít nhất 35% vốn điều lệ có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện;)

b) A joint-stock company that holds at least 10% of ordinary shares may appoint up to 03 representatives.

(Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện.)

3. If the owner, member, or shareholder being an organization appoints multiple authorized representatives, the stake/shares of each representative must be determined. If the owner, member, or shareholder fails to determine the stake/shares of each authorized representative, the stake/shares shall be split equally among the representatives.

(Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.)

4. Authorized representatives must be appointed in writing; the appointment of authorized representative must be notified to the company and is only effective when the company receives the notification. The letter of authorization must contain:

(Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Full name, enterprise identification number, address of the headquarter of the owner, member, shareholder;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;)

b) The quantity of authorized representatives and their corresponding holding of shares/stake;

(Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;)

c) Full name, permanent residence, nationality, ID number, passport number of each authorized representative;

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;)



d) The duration of authorization of each representative, including the beginning date;
(Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền;)

dd) Full names, signatures of legal representatives, owners, members, shareholders, and authorized representatives.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.)

5. Authorized representatives must satisfy the conditions below:

(Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:)

a) The authorized representative is legally competent;

(Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;)

b) The authorized representative is not prohibited from establishing and managing enterprises;

(Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;)

c) Members, shareholders being companies of whom >50% of charter capital is held by the State in the form of stake or shares must not appoint their spouses, parents, adoptive parents, children, adopted children, siblings of the manager or the person competent to appoint the company manager as authorized representatives of other companies;

(Thành viên, cổ đông là công ty có phần vốn góp hay cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ không được cử vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại công ty khác;)

d) The authorized representative satisfies other conditions prescribed by the company's charter.

(Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.)

Article 16. Responsibilities of authorized representative of owners, members, shareholders being organizations

(Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông là tổ chức)

1. The authorized representatives of owners, members, shareholders being organizations shall perform the rights and obligations of owners, members, and shareholders on their behalf at the Board of members or the General Meeting of Shareholders in accordance with this Law. All restrictions imposed by owners, members, shareholders upon the authorized representative's performance of the rights and obligations of being owners, members, and shareholders shall not apply to any third party.

(Người đại diện theo ủy quyền nhân danh chủ sở hữu, thành viên, cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Mọi hạn chế của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông tương ứng tại Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.)

2. Authorized representatives must attend every meeting of the Board of members or the General Meeting of Shareholders; perform given rights and obligations in a truthful and careful manner to protect the lawful interests of the authorizing owners, members and shareholders

(Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của Hội đồng thành viên, Đại hội đồng cổ đông; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông ủy quyền)

3. Authorized representatives are responsible to owners, members, shareholders being organizations for failure to fulfill the obligations prescribed in this Article. The authorizing owners, members, and shareholders are responsible to the third party for the responsibility pertaining the rights and obligations performed by the authorized representatives.

(Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu, thành viên, cổ đông ủy quyền do vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều này. Chủ sở hữu, thành viên, cổ đông ủy quyền chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.)

Article 17. Prohibited acts

(Các hành vi bị nghiêm cấm)

1. Issuing or refusing to issue the Certificate of Business registration; requesting business founders to submit additional documents against this Law; delaying, obstructing, harassing business founders or enterprises' operation.

(Cấp hoặc từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ khác trái với quy định của Luật này; gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu người thành lập doanh nghiệp và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.)

2. Obstructing owners, members, shareholders of enterprises performing the obligations and rights prescribed in this Law and the company's charter.

(Ngăn cản chủ sở hữu, thành viên, cổ đông của doanh nghiệp thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

3. Doing business as an enterprise without registration; carrying on doing business after the Certificate of Business registration has been revoked.

(Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

4. Providing untruthful information in the application for enterprise registration or application for adjustments to business registration.

(Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và nội dung hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp.)

5. Declaring false charter capital; failure to contribute sufficient charter capital as registered; deliberately determining inaccurate values of contributed assets.

(Kê khai không vốn điều lệ, không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký; cố ý định giá tài sản góp vốn không đúng giá trị.)

6. Engaging in prohibited business lines; engaging in business lines subject to conditions without satisfying all of the conditions as prescribed in the Law on Investment, or failing to maintain fulfillment of such conditions throughout the business operation.

(Kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.)

7. Money laundering, fraud.

(Rửa tiền, lừa đảo.)

Chapter II ENTERPRISE ESTABLISHMENT ***(THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP)***

Article 18. The right to establish enterprises, contribute capital, purchase shares/stakes, and manage enterprises

(Quyền thành lập, góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp và quản lý doanh nghiệp)

1. Every organization and individual is entitled to establish and manage enterprises in Vietnam in accordance with this Law, except for the cases in Clause 2 of this Article.

(Tổ chức, cá nhân có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định của Luật này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.)

2. The following entities are not permitted to establish and manage enterprises in Vietnam:

(Tổ chức, cá nhân sau đây không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:)

a) Government agencies, armed force units using state-owned property to establish enterprises for self-seeking purposes.

(Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước để thành lập doanh nghiệp kinh doanh thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;)

b) Officials and civil servants defined by regulations of law on officials and civil servants;

(Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức;)

c) Commissioned officers, non-commissioned officers, workers and civil servants working at units of the army; commissioned officers, non-commissioned officers working at police units, except for those appointed as authorized representatives to manage state capital contributed to other enterprises;

(Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp;)

d) Executive officers of state-owned companies, except for those appointed as authorized representatives to manage state capital contributed to other enterprises;

(Cán bộ lãnh đạo, quản lý nghiệp vụ trong doanh nghiệp nhà nước, trừ những người được cử làm đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác;)

dd) Minors; people that are legally incompetent; organizations without legal status;



(Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; tổ chức không có tư cách pháp nhân;)

e) Any person facing criminal prosecution, serving a prison sentence, undergoing drug rehabilitation, sent to a reform school; or banned from doing business, holding a certain title or doing a certain job by the court; and other cases prescribed by regulations of law on bankruptcy and anti-corruption.

(Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành hình phạt tù, quyết định xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị cấm hành nghề kinh doanh, đảm nhiệm chức vụ hoặc làm công việc nhất định, liên quan đến kinh doanh theo quyết định của Tòa án; các trường hợp khác theo quy định của pháp luật về phá sản, phòng, chống tham nhũng.)

The applicant for enterprise registration must submit the criminal record to the business registration authority at its request.

(Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh có yêu cầu, người đăng ký thành lập doanh nghiệp phải nộp Phiếu lý lịch tư pháp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.)

3. Every organization and individual is entitled to contribute capital, buy shares/stakes in joint-stock companies, limited liability companies, and partnerships in accordance with this Law, except in the following cases:

(Tổ chức, cá nhân có quyền góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh theo quy định của Luật này, trừ trường hợp sau đây:)

a) Government agencies, armed force units using state-owned property to establish enterprises for self-seeking purposes;

(Cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân sử dụng tài sản nhà nước góp vốn vào doanh nghiệp để thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình;)

b) The entities banned prohibited from contributing capital to enterprises as prescribed by regulations of law on officials and civil servants.

(Các đối tượng không được góp vốn vào doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.)

4. Self-seeking purpose mentioned in Point a Clause 2 and Point a Clause 3 of this Article means the use of income, in any shape or form, earned from doing business, capital contribution, purchase of shares/stakes for any of the purposes below:

(Thu lợi riêng cho cơ quan, đơn vị mình theo điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này là việc sử dụng thu nhập dưới mọi hình thức có được từ hoạt động kinh doanh, từ góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp vào một trong các mục đích sau đây:)

a) The income is distributed, in any shape or form, among some or all of the persons mentioned in Point b and Point c Clause 2 of this Article;

(Chia dưới mọi hình thức cho một số hoặc tất cả những người quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều này;)

b) The income is used to increase the budget of the organization/unit against regulations of law on government budget;

(Bổ sung vào ngân sách hoạt động của cơ quan, đơn vị trái với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước;)



c) The income is added to a fund serving private interests of the organization/unit.
(Lập quỹ hoặc bổ sung vào quỹ phục vụ lợi ích riêng của cơ quan, đơn vị.)

Article 19. Contracts prior to business registration *(Hợp đồng trước đăng ký doanh nghiệp)*

1. The founder of the enterprise may sign contracts serving the establishment and operation of the enterprise before and during the process of business registration.

(Người thành lập doanh nghiệp được ký các loại hợp đồng phục vụ cho việc thành lập và hoạt động của doanh nghiệp trước và trong quá trình đăng ký doanh nghiệp)

2. If the enterprise establishment is permitted, the enterprise shall keep performing the duties and rights under the concluded contracts, unless otherwise agreed by the parties.

(Trường hợp doanh nghiệp được thành lập thì doanh nghiệp phải tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng đã ký kết quy định tại khoản 1 Điều này, trừ trường hợp các bên hợp đồng có thỏa thuận khác.)

3. If the enterprise registration is not granted, the person who enters into the contract prescribed in Clause 1 of this Article shall take responsibility, or the founder of the enterprise shall take joint responsibility for the implementation of the contract.

(Trường hợp doanh nghiệp không được đăng ký thành lập thì người ký kết hợp đồng theo quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm hoặc người thành lập doanh nghiệp liên đới chịu trách nhiệm thực hiện hợp đồng đó.)

Article 20. Application for registration of a sole proprietorship *(Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp tư nhân)*

1. An application form for business registration.

(Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.)

2. Copies of the ID card or other ID papers of the owner of the sole proprietorship.

(Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân.)

Article 21. Application for registration of a partnership *(Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty hợp danh)*

1. An application form for business registration.

(Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.)

2. The company's charter.

(Điều lệ công ty.)

3. A list of partners.

(Danh sách thành viên.)

4. Copies of the ID card or other ID papers of the partners.

(Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên.)

5. A copy of the Certificate of Investment registration of the foreign investors as prescribed by the Law on Investment.

(Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.)

Article 22. Application for registration of a limited liability company ***(Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty trách nhiệm hữu hạn)***

1. An application form for business registration.

(Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp.)

2. The company's charter.

(Điều lệ công ty.)

3. A list of members.

(Danh sách thành viên.)

4. Copies of:

(Bản sao các giấy tờ sau đây:)

a) Copies of the ID card or other ID papers of members being individuals;

(Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các thành viên là cá nhân;)

b) Decision on Establishment, Certificate of Business registration, or an equivalent document of the organization and the letter of authorization; the ID card or other ID papers of the authorized representatives of members being organizations. If a member is a foreign organization, the copy of the Certificate of Business registration or an equivalent document must be consularly legalized.

(Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức. Đối với thành viên là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;)

c) The Certificate of Investment registration of the foreign investors as prescribed by the Law on Investment.

(Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.)

Article 23. Application for registration of a joint-stock company ***(Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của công ty cổ phần)***

1. An application form for business registration.

(Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)

2. The company's charter.



(Điều lệ công ty.)

3. A list of founding shareholders and shareholders being foreign investors.

(Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài.)

4. Copies of:

(Bản sao các giấy tờ sau đây:)

a) Copies of the ID card or other ID papers of founding shareholders and foreign investors being individuals;

(Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của các cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân;)

b) Decision on Establishment, Certificate of Business registration, or an equivalent document of the organization and the letter of authorization; the ID card or other ID papers of the authorized representatives of founding shareholders and foreign investors being organizations. If shareholders are foreign organizations, the copy of the Certificate of Business registration or an equivalent document must be consularly legalized.

(Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức và văn bản ủy quyền; Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức. Đối với cổ đông là tổ chức nước ngoài thì bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu tương đương phải được hợp pháp hóa lãnh sự;)

c) The Certificate of Investment registration of the foreign investors as prescribed by the Law on Investment.

(Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.)

Article 24. Contents of the application form for business registration

(Nội dung giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp)

1. Name of the enterprise.

(Tên doanh nghiệp.)

2. Address of the enterprise's headquarter; phone number, tax number, and email address (if any).

(Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; số điện thoại, số fax, thư điện tử (nếu có).)

3. Business lines.

(Ngành, nghề kinh doanh.)

4. Charter capital; capital invested by the owner of the sole proprietorship.

(Vốn điều lệ; vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.)

5. Types of shares, face value of each type of shares and total authorized shares of each type if the enterprise is a joint-stock company.

(Các loại cổ phần, mệnh giá mỗi loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần.)



6. Tax registration information

(Thông tin đăng ký thuế.)

7. Number of employees

(Số lượng lao động.)

8. Full name, signature, permanent residence, nationality, number of the ID card, passport, or another ID paper of the owner if the enterprise is a sole proprietorship, or those of the partners if the enterprise is a partnership.

(Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của chủ doanh nghiệp tư nhân và thành viên hợp danh.)

9. Full name, signature, permanent residence, nationality, number of the ID card, passport, or another ID paper of the legal representative if the enterprise is a limited liability company or joint-stock company.

(Họ, tên, chữ ký, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần.)

Article 25. The company's charter.

(Điều lệ công ty)

1. The company's charter consists of the charter upon registration and amendments made to the charter throughout the enterprise's operation. Main contents of the company's charter:

(Điều lệ công ty bao gồm Điều lệ khi đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ được sửa đổi, bổ sung trong quá trình hoạt động. Điều lệ công ty có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Name, address of the headquarter of the enterprise; names, addresses of its branches and representative office (if any);

(Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; tên, địa chỉ chi nhánh và văn phòng đại diện (nếu có);)

b) Business lines;

(Ngành, nghề kinh doanh;)

c) Charter capital; total shares, types of shares, and nominal values of each type of shares if the enterprise is a joint-stock company;

(Vốn điều lệ; tổng số cổ phần, loại cổ phần và mệnh giá từng loại cổ phần đối với công ty cổ phần;)

d) Full names, addresses, nationalities, and other information of general partners if the enterprise is a partnership; of the owners or members if the enterprise is a limited liability company; of founding shareholders if the enterprise is a joint-stock company; stakes of each member if the enterprise is a limited liability company or partnership; the quantity of shares, types of shares, and nominal value of each type of the founding shareholders;

(Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch và các đặc điểm cơ bản khác của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ sở hữu công ty, thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần; phần vốn góp và giá trị vốn góp của mỗi thành viên đối với công ty trách



nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; số cổ phần, loại cổ phần, mệnh giá cổ phần từng loại của cổ đông sáng lập;)

dd) Rights and obligations of members/partners if the enterprise is a limited liability company/partnership; of shareholders if the enterprise is a joint-stock company;

(Quyền và nghĩa vụ của thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; của cổ đông đối với công ty cổ phần;)

e) Organizational structure;

(Cơ cấu tổ chức quản lý;)

g) The legal representative if the enterprise is a limited liability company or a joint-stock company;

(Người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần;)

h) Method for ratifying the enterprise's decisions; rules for resolution of internal dispute;

(Thế thức thông qua quyết định của công ty; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;)

i) Bases and methods for determination of wages and bonus for managers and controllers;

(Căn cứ và phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý và Kiểm soát viên;)

k) Cases in which a member is entitled to request the enterprise to buy his/her stake (if the enterprise is a limited liability company) or shares (if the enterprise is a joint-stock company);

(Những trường hợp thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc cổ phần đối với công ty cổ phần;)

l) Rules for distribution of post-tax profit and handling of business loss;

(Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh;)

m) Cases of dissolution; procedures for dissolution and asset liquidation;

(Các trường hợp giải thể, trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản công ty;)

n) Rules for making amendments to the company's charter.

(Thế thức sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.)

2. When applying for business registration, the charter must bear the full names and signatures of the following persons:

(Điều lệ khi đăng ký doanh nghiệp phải có họ, tên và chữ ký của những người sau đây:)

a) General partners if the enterprise is a partnership;

(Các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh;)

b) The enterprise's owner being an individual or the legal representative of the enterprise's owner being an organization (if the enterprise is a single-member limited liability company);

(Chủ sở hữu công ty là cá nhân hoặc người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu công ty là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;)

c) Members being individuals or legal representatives or authorized representatives of the members who are organizations (if the enterprise is a multi-member limited liability company);

(Thành viên là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;)

c) Founding shareholders being individuals and legal representative or authorized representative of founding shareholders being organizations if the enterprise is a joint-stock company.

(Cổ đông sáng lập là cá nhân và người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập là tổ chức đối với công ty cổ phần.)

3. The amended charter must bear the full names and signatures of the following persons:

(Điều lệ được sửa đổi, bổ sung phải có họ, tên và chữ ký của những người sau đây:)

a) The President of the Member assembly if the enterprise is a partnership;

(Chủ tịch Hội đồng thành viên đối với công ty hợp danh;)

b) The owner, legal representative of the owner, or the legal representative if the enterprise is a single-member limited liability company;

(Chủ sở hữu, người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu hoặc người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;)

c) The legal representative if the enterprise is a multi-member limited liability company or joint-stock company.

(Người đại diện theo pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty cổ phần.)

Article 26. List of members of a limited liability company, general partners of a partnership, founding shareholders of a joint-stock company

(Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sách cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần)

The list of members of a limited liability company, general partners of a partnership, founding shareholders of a joint-stock company must have the following information:

(Danh sách thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần được lập phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

1. Full names, signatures, addresses, nationalities, permanent residence, and other information about members/general partners being individuals if the enterprise is a limited liability company or partnership; of founding shareholders and foreign investors being individuals if the enterprise is a joint-stock company;

(Họ, tên, chữ ký, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ thường trú và các đặc điểm cơ bản khác của thành viên là cá nhân đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là cá nhân đối với công ty cổ phần;)

2. Names, enterprise identification number, and addresses of members/general partners being organizations if the enterprise is a limited liability company or partnership; of founding shareholders and foreign investors being organizations if the enterprise is a joint-stock company;

(Tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh; của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đối với công ty cổ phần;)



3. Full names, signatures, addresses, nationalities, permanent residences of authorized representatives or legal representatives of members being organizations if the enterprise is a limited liability company; of founding shareholders and foreign investors being organizations if the enterprise is a joint-stock company;

(Họ, tên, chữ ký, địa chỉ, quốc tịch, địa chỉ thường trú của người đại diện theo ủy quyền hoặc đại diện theo pháp luật của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; của cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài là tổ chức đối với công ty cổ phần;)

4. Stakes, types, quantity and value of each type of contributed assets, time limit for making capital contribution of each member/general partner if the enterprise is a limited liability company or partnership; quantity of shares, types of shares, types, quantity and value of each type of assets contributed by each founding shareholders and shareholders being foreign investors if the enterprise is a joint-stock company.

(Phần vốn góp, giá trị vốn góp, loại tài sản, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn, thời hạn góp vốn phần vốn góp của từng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh; số lượng cổ phần, loại cổ phần, loại tài sản, số lượng tài sản, giá trị của từng loại tài sản góp vốn cổ phần của từng cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.)

Article 27. Procedures for business registration

(Trình tự, thủ tục đăng ký doanh nghiệp)

1. The founder of the enterprise or an authorized person shall submit the application for enterprise registration prescribed in this Law to the business registration authority

(Người thành lập doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp theo quy định tại Luật này cho Cơ quan đăng ký kinh doanh.)

2. The business registration authority shall consider the legitimacy of the application for enterprise registration and issue the Certificate of Business registration within 03 working days from the day on which the application is received. If the application is rejected, a written notification must be sent to the founder. The notification must provide explanation and necessary adjustments or additions.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.)

3. The Government shall specify the procedures and documents for business registration, cooperation among regulatory bodies in issuance of Certificate of Business registration, employment registration, social insurance, and online business registration.

(Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, sự phối hợp liên thông giữa các cơ quan trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội và đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử.)

Article 28. Issuance of the Certificate of Business registration

(Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)



1. The enterprise shall be granted the Certificate of Business registration when the following conditions are satisfied:

(Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:)

a) The registered business lines are not banned;

(Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh;)

b) The enterprise's name is conformable with regulations in Articles 38, 39, 40, and 42 of this Law;

(Tên của doanh nghiệp được đặt theo đúng quy định tại các Điều 38, 39, 40 và 42 của Luật này;)

c) The application for business registration is satisfactory;

(Có hồ sơ đăng ký doanh nghiệp hợp lệ;)

d) The fee for enterprise registration is fully paid as prescribed by regulations of law on fees and charges.

(Nộp đủ lệ phí đăng ký doanh nghiệp theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.)

2. If the Certificate of Business registration is lost or damaged or otherwise destroyed, the enterprise shall have it reissued and pay fees as prescribed by law.

(Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, doanh nghiệp được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và phải trả lệ phí theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.)

Article 29. Contents of the Certificate of Business registration

(Nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

1. Name and identification number of the enterprise.

(Tên doanh nghiệp và mã số doanh nghiệp.)

2. Address of the enterprise's headquarter.

(Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp.)

3. Full name, signature, permanent residence, nationality, number of the ID card, passport, or another ID paper of the legal representative if the enterprise is a limited liability company or joint-stock company; or general partners if the enterprise is a partnership; of the owner if the enterprise is a sole proprietorship; full names, permanent residences, nationalities, ID/passport numbers of members being individuals, or names, enterprise identification numbers and addresses of headquarters of members being organizations if the enterprise is a limited liability company.

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần; của các thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh; của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp và địa chỉ trụ sở chính của thành viên là tổ chức đối với công ty trách nhiệm hữu hạn.)

4. Charter capital.

(Vốn điều lệ.)



Article 30. Enterprise identification number

(Mã số doanh nghiệp)

1. Enterprise identification number is a series of number created by the National Business Registration Information System which is issued to the enterprise when it is established and written on the Certificate of Business registration. Each enterprise has a sole enterprise identification number and it shall not be issued to any other enterprise.

(Mã số doanh nghiệp là dãy số được tạo bởi Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, được cấp cho doanh nghiệp khi thành lập và được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Mỗi doanh nghiệp có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho doanh nghiệp khác.)

2. The enterprise identification number is used when fulfilling tax obligations, following administrative procedures, and performing other rights and obligations.

(Mã số doanh nghiệp được dùng để thực hiện các nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác.)

Article 31. Registration of changes to the Certificate of Business registration

(Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

1. The enterprise must register with the business registration authority when contents of its Certificate of Business registration are changed as prescribed in Article 29 of Law.

(Doanh nghiệp phải đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại Điều 29 của Luật này.)

2. The legal representative of the enterprise must register the changes to the Certificate of Business registration within 10 days from the day on which such changes are made.

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi.)

3. The business registration authority shall consider the legitimacy of the documents and issue a new Certificate of Business registration within 03 working days from the day on which the application is received. If the application is rejected, a written notification must be sent to the applicant. The notification must provide explanation and necessary adjustments or additions.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).)

4. Changes to the Certificate of Business registration according to a decision of the court or arbitration shall be registered following the procedures below:

(Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:)

a) The applicant for changes to the Certificate of Business registration shall submit the application to the business registration authority within 15 working days from the effective date of the judgment or decision. The application must be enclosed with a copy of the effective judgment or decision;



(Người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp gửi đề nghị đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày bản án hoặc quyết định có hiệu lực thi hành. Kèm theo đăng ký phải có bản sao bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành;)

b) The business registration authority shall consider and issue a new Certificate of Business registration according to the effective judgment or decision within 03 working days from the day on which the application is received. If the application is rejected, a written notification must be sent to the applicant. The notification must provide explanation and necessary adjustments and additions.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới theo nội dung bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị đăng ký. Trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản cho người đề nghị đăng ký thay đổi biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).)

Article 32. Notification of changes to the business registration information

(Thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp)

1. The enterprise must notify the business registration authority when making any of the changes below:

(Doanh nghiệp phải thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh khi thay đổi về một trong những nội dung sau đây:)

a) Changing the business lines;

(Thay đổi ngành, nghề kinh doanh;)

b) Changing the founding shareholders if the enterprise is a joint-stock company and shareholders being foreign investors, unless the enterprise is a listed company;

(Thay đổi cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, trừ trường hợp đối với công ty niêm yết;)

c) Making other changes to the application for enterprise registration.

(Thay đổi những nội dung khác trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.)

2. The legal representative of the enterprise shall notify changes to business registration information within 10 days from the day on which such changes are made.

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi.)

3. The company must send a written notification to the business registration authority of the administration division where the enterprise's headquarter is located from the day on which shareholders being foreign investors, whose names are in the enterprise's shareholder register, are changed. The notification must specify:

(Công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty đặt trụ sở chính trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài được đăng ký trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty. Thông báo phải có nội dung sau đây:)

a) The enterprise's name, enterprise identification number, address of the headquarter.

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính:)



b) With regard to shareholders being foreign investors who transfer their shares (the transferors): Names and addresses of foreign shareholders being organizations; full name, nationalities, addresses of shareholders being individuals; their holdings and quantity of shares, types of shares; quantity and types of transferred shares;

(Đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài chuyển nhượng cổ phần: tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông nước ngoài là tổ chức; họ, tên, quốc tịch, địa chỉ của cổ đông là cá nhân; số cổ phần, loại cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ trong công ty; số cổ phần và loại cổ phần chuyển nhượng;)

c) With regard to shareholders being foreign investors who receive shares transfer (the transferees): Names and addresses of foreign shareholders being organizations; full name, nationalities, addresses of shareholders being individuals; quantity and types of shares received; quantity of shares and corresponding holdings in the company;

(Đối với cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng: tên, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông nước ngoài là tổ chức; họ, tên, quốc tịch, địa chỉ của cổ đông là cá nhân; số cổ phần và loại cổ phần nhận chuyển nhượng; số cổ phần, loại cổ phần và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của họ trong công ty;)

d) Full name and signature of the company's legal representative.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.)

4. The business registration authority shall consider the legitimacy of the documents and change business registration information within 03 working days from the day on which the notification is received. If the changes are rejected, a written notification must be sent to the applicant. The notification must provide explanation and necessary adjustments and additions (if any).

(Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp từ chối bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp thì thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).)

5. Changes to business registration information according to a decision of the court or arbitration shall be registered following the procedures below:

(Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:)

a) The applicant for changes to business registration information shall submit the notification of changes to a competent business registration authority within 10 working days from the effective date of the judgment or decision. The notification must be enclosed with a copy of the effective judgment or decision;

(Người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp gửi Thông báo đăng ký thay đổi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày bản án hoặc quyết định có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo, phải có bản sao bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành;)

b) The business registration authority shall consider and change the business registration information according to the effective judgment or decision within 03 working days from the day on which the

notification is received. If the changes are rejected, a written notification must be sent to the requester. The notification must provide explanation and necessary adjustments and additions.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp theo nội dung bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực thi hành trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp từ chối bổ sung, sửa đổi thông tin theo nội dung thông báo thay đổi đăng ký doanh nghiệp thì thông báo bằng văn bản cho người đề nghị đăng ký thay đổi biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có).)

Article 33. Announcing business registration information

(Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp)

1. After being granted the Certificate of Business registration, the enterprise must make an announcement on the National Business Registration Portal and pay the fee as prescribed. The announcement shall contain the information on the Certificate of Business registration and the following information:

(Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin sau đây:)

a) The business lines;

(Ngành, nghề kinh doanh;)

b) A list of founding shareholders and shareholders being foreign investors if the enterprise is a joint-stock company.

(Danh sách cổ đông sáng lập và cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài đối với công ty cổ phần.)

2. If business registration information is changed, the changes must be announced on National Business Registration Portal by the deadline prescribed in Clause 3 of this Article.

(Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này.)

3. Announcement of the information prescribed in Clause 1 and Clause 2 of this Article must be announced within 30 days from the day on which it is disclosed.

(Thời hạn thông báo công khai các thông tin về doanh nghiệp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này là 30 ngày, kể từ ngày được công khai.)

Article 34. Provision of business registration information

(Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký doanh nghiệp)

1. Within 05 working days from the day on which the Certificate of Business registration is issued or business registration information is changed, the business registration authority shall send the business registration information or the changes to business registration information to the tax authority, statistical agency, labor authority, and social insurance authority; periodically send business registration information and changes to business registration information to another regulatory body of the same level, the People's Committee of the district where the enterprise's headquarter is located.



(Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đó cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê, cơ quan quản lý lao động, cơ quan bảo hiểm xã hội; định kỳ gửi thông tin đăng ký doanh nghiệp và thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác cùng cấp, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính.)

2. Every organization or individual is entitled to request business registration authorities to provide information that must be announced by enterprises as prescribed by law.

(Tổ chức, cá nhân có quyền đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh cung cấp các thông tin mà doanh nghiệp phải công khai theo quy định của pháp luật.)

3. Business registration authorities must provide information sufficiently and in a timely manner as prescribed in Clause 2 of this Article.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này)

4. The Government shall elaborate this Article.

(Chính phủ quy định chi tiết Điều này.)

Article 35. Contributed assets

(Tài sản góp vốn)

1. Contributed assets may be Vietnam Dong (VND), convertible foreign currencies, gold, value rights to use land, value of intellectual property rights, technologies, technical secrets, and other assets that can be assessed in VND.

(Tài sản góp vốn có thể là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác có thể định giá được bằng Đồng Việt Nam.)

2. Intellectual property rights contributed as capital include copyrights and relevant rights, industrial property rights, plant variety rights, and other intellectual property rights prescribed by regulations of law on intellectual property. Only the organizations and individuals who are legitimate owners of the aforementioned rights may contribute such assets as capital.

(Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền nói trên mới có quyền sử dụng các tài sản đó để góp vốn.)

Article 36. Transfer of ownership of contributed assets

(Chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn)

1. Members of limited liability companies, general partners of partnerships, and shareholders of joint-stock companies must transfer the right to ownership of assets contributed as capital as follows:

(Thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và cổ đông công ty cổ phần phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho công ty theo quy định sau đây:)



a) If asset ownership registration is mandatory or the asset is land use right, the capital contributor must follow procedures for transferring the ownership of such asset or land use right to the company at a competent authority. The transfer of ownership of contributed assets shall not incur registration fee;

(Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc giá trị quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho công ty tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc chuyển quyền sở hữu đối với tài sản góp vốn không phải chịu lệ phí trước bạ;)

b) If asset ownership registration is not mandatory, the capital contribution shall be recorded in writing. The transfer record must specify the name and headquarter address of the company; Full name, permanent residence, ID/passport number, establishment decision number or registration number of the contributor; the types and quantity of assets contributed; total value of contributed assets and ratio of contributed assets to the company's charter capital; the date of transfer; signatures of the contributor or the contributor's authorized representative and the legal representative of the company;

(Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản. Biên bản giao nhận phải ghi rõ tên và địa chỉ trụ sở chính của công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, số quyết định thành lập hoặc đăng ký của người góp vốn; loại tài sản và số đơn vị tài sản góp vốn; tổng giá trị tài sản góp vốn và tỷ lệ của tổng giá trị tài sản đó trong vốn điều lệ của công ty; ngày giao nhận; chữ ký của người góp vốn hoặc đại diện theo ủy quyền của người góp vốn và người đại diện theo pháp luật của công ty;)

c) Shares or stakes in the form of assets other than VND, convertible foreign currency, and gold are considered transferred after the legal ownership of such assets is transferred to the company.

(Cổ phần hoặc phần vốn góp bằng tài sản không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng chỉ được coi là thanh toán xong khi quyền sở hữu hợp pháp đối với tài sản góp vốn đã chuyển sang công ty.)

2. Contributed assets used for the sole proprietorship's operation is exempt from procedures for ownership transfer.

(Tài sản được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của chủ doanh nghiệp tư nhân không phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu cho doanh nghiệp.)

3. Payments for transfer of shares/stakes, and receipt of dividends of foreign investors must be made through their capital accounts opened at banks in Vietnam, except for payment with assets.

(Thanh toán mọi hoạt động mua, bán, chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp và nhận cổ tức của nhà đầu tư nước ngoài đều phải được thực hiện thông qua tài khoản vốn của nhà đầu tư đó mở tại ngân hàng ở Việt Nam, trừ trường hợp thanh toán bằng tài sản.)

Article 37. Assessing contributed assets

(Định giá tài sản góp vốn)

1. Contributed assets other than VND, convertible foreign currencies, gold, must be assessed by members/general partners, founding shareholders, or professional valuation organizations, and expressed in VND.

(Tài sản góp vốn không phải là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng phải được các thành viên, cổ đông sáng lập hoặc tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá và được thể hiện thành Đồng Việt Nam.)

2. Assets contributed upon the enterprise establishment must be unanimously assessed by members or founding shareholders, or assessed by a professional valuation organization. If assets are assessed by a professional valuation organization, the value of contributed assessed must be concurred with by the majority of members or founding shareholders. If a contributed asset is assessed at a higher value than its true value at the time of contribution, the members or founding shareholders shall contribute an additional amount which is equal to the difference between the assessed value and true value when the valuation is done; and are jointly responsible for the damage caused by deliberate assessment of assets higher values than their actual values.

(Tài sản góp vốn khi thành lập doanh nghiệp phải được các thành viên, cổ đông sáng lập định giá theo nguyên tắc nhất trí hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được đa số các thành viên, cổ đông sáng lập chấp thuận. Trường hợp tài sản góp vốn được định giá cao hơn so với giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì các thành viên, cổ đông sáng lập cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.)

3. Assets contributed during the operation shall be assessed by the owner, the Board of members (if the enterprise is a limited liability company or partnership), or the Board of Directors (if the enterprise is a joint-stock company) and the contributor or a professional valuation organization. If the asset is assessed by a professional valuation organization, its assessed value must be concurred with by the contributor and the enterprise. If the assessed value is higher than the true value of the asset at the time of contribution, the contributor, the owner, members of the Board of members (if the enterprise is a limited liability company or partnership), or members of the Board of Directors (if the enterprise is a joint-stock company) shall contribute an additional amount which is equal to the difference between the assessed value and true value when the valuation is done; and are jointly responsible for the damage caused by deliberate assessment of assets higher values than their actual values.

(Tài sản góp vốn trong quá trình hoạt động do chủ sở hữu, Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần và người góp vốn thỏa thuận định giá hoặc do một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Trường hợp tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá thì giá trị tài sản góp vốn phải được người góp vốn và doanh nghiệp chấp thuận. Trường hợp nếu tài sản góp vốn được định giá cao hơn giá trị thực tế tại thời điểm góp vốn thì người góp vốn, chủ sở hữu, thành viên Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty hợp danh, thành viên Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần cùng liên đới góp thêm bằng số chênh lệch giữa giá trị được định giá và giá trị thực tế của tài sản góp vốn tại thời điểm kết thúc định giá; đồng thời, liên đới chịu trách nhiệm đối với thiệt hại do việc cố ý định giá tài sản góp vốn cao hơn giá trị thực tế.)

Article 38. Enterprise's name

(Tên doanh nghiệp)

1. The Vietnamese name of an enterprise consists of two elements:

(Tên tiếng Việt của doanh nghiệp bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:)

a) The type of business entity. The type of business entity is written as “công ty trách nhiệm hữu hạn” or “công ty TNHH” (limited liability company); “công ty cổ phần” or “công ty CP” (joint-stock

company); “công ty hợp danh” or “công ty HD” (partnership); “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” or “doanh nghiệp TN” (sole proprietorship);

(Loại hình doanh nghiệp. Tên loại hình doanh nghiệp được viết là “công ty trách nhiệm hữu hạn” hoặc “công ty TNHH” đối với công ty trách nhiệm hữu hạn; được viết là “công ty cổ phần” hoặc “công ty CP” đối với công ty cổ phần; được viết là “công ty hợp danh” hoặc “công ty HD” đối với công ty hợp danh; được viết là “doanh nghiệp tư nhân”, “DNTN” hoặc “doanh nghiệp TN” đối với doanh nghiệp tư nhân;)

b) The proper name is written using the Vietnamese alphabet, the letters, F, J, Z, W, digits, and symbols.

(Tên riêng. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.)

2. The enterprise’s name must be post up at the headquarter, branches, representative offices, and other business locations of the enterprise. The enterprise’s name must be printed or written on transaction documents, materials, and publications published by the enterprise.

(Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành)

3. Business registration authorities are entitled to refuse to grant approval for enterprises’ names pursuant to Articles 39, 40, 42, and this Article.

(Căn cứ vào quy định tại Điều này và các Điều 39, 40 và 42 của Luật này, Cơ quan đăng ký kinh doanh có quyền từ chối chấp thuận tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp.)

Article 39. Prohibitions when naming enterprises

(Những điều cấm trong đặt tên doanh nghiệp)

1. Picking a name that is the same as or confused with another enterprise’s name which has been registered as prescribed in Article 42 of this Law.

(Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký được quy định tại Điều 42 của Luật này.)

2. Using names of regulatory bodies, the armed forces, political organizations, socio-political organizations, socio-political-professional organizations, social organizations, socio-professional organizations as the whole or part of the enterprise’s proper name, unless otherwise permitted by the organization.

(Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó.)

3. Using words or symbols that offend the history, tradition, culture of Vietnam.

(Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.)

Article 40. Enterprise’s name in foreign language and abbreviated name

(Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt của doanh nghiệp)



1. Enterprise's name in foreign language means the name translated from the Vietnamese name into a foreign language that uses the Latin alphabet. When translated into a foreign language, the enterprise's name may be kept unchanged or translated into a word or phrase with a corresponding meaning.

(Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La-tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài)

2. If the enterprise has a foreign name, it size must be smaller than the enterprise's Vietnamese name at the headquarter, branches, representative offices, business locations of the enterprise, on the enterprise's documents and publications.

(Trường hợp doanh nghiệp có tên bằng tiếng nước ngoài, tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành.)

3. Abbreviated name of a enterprise may derived from the Vietnamese name or the foreign language name.

(Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.)

Article 41. Names of branches, representative offices, and business locations

(Tên chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh)

1. Names of branches, representative offices, and business locations must be written using the Vietnamese alphabet, the letters F, J, Z, W, digits, and symbols.

(Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ cái F, J, Z, W, chữ số và các ký hiệu.)

2. The name of each branch or representative office must bear the enterprise's name and the word "Chi nhánh" ("Branch of") or "Văn phòng đại diện" ("Representative office")

(Tên chi nhánh, văn phòng đại diện phải mang tên doanh nghiệp kèm theo cụm từ "Chi nhánh" đối với chi nhánh, cụm từ "Văn phòng đại diện" đối với văn phòng đại diện.)

3. Names of branches, representative offices, and business locations must be put up at the branches, representative office, and business locations. The name of the branch or representative office must be smaller than the enterprise's name on the documents issued by the branch or representative office.

(Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải được viết hoặc gắn tại trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do chi nhánh, văn phòng đại diện phát hành.)

Article 42. Used names and confusing names

(Tên trùng và tên gây nhầm lẫn)

1. A used name means a Vietnamese name chosen by a enterprise which is exactly the same as the name of another registered enterprise.

(Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.)



2. A name is considered confusing in the following cases:

(Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:)

a) The Vietnamese name chosen by the enterprise is pronounced similarly to the name of a registered enterprise;

(Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;)

b) The abbreviated name chosen by the enterprise is the same as the abbreviated name of a registered enterprise;

(Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;)

c) The foreign language name chosen by the enterprise is the same as the foreign language name of a registered enterprise;

(Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;)

d) The proper name chosen by the enterprise is different from that of a registered enterprise of the same type by only a digit or a letter (in the Vietnamese alphabet, or the letter F, J, Z, W) right after the chosen proper name;

(Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó;)

dd) The proper name chosen by the enterprise is different from that of a registered enterprise of the same type by only a symbol “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;

(Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_”;

e) The proper name chosen by the enterprise is different from that of a registered enterprise of the same type by only a the word “tân” (“new”) before or “mới” after the proper name;

(Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký;)

g) The proper name chosen by the enterprise is different from that of a registered enterprise of the same type by only a word “miền Bắc” (“Northern”), “miền Nam” (“Southern”), “miền Trung” (“Central”), “miền Tây” (“Western”), “miền Đông” (“Eastern”), or a word with similar meanings.

Regulations in Points d, dd, e, and g of this Clause do not apply to subsidiaries of a registered enterprise.

((Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự.

Các trường hợp quy định tại các điểm d, đ, e và g của khoản này không áp dụng đối với trường hợp công ty con của công ty đã đăng ký.)

Article 43. Headquarter

(Trụ sở chính của doanh nghiệp)



The headquarter of a enterprise is a location in Vietnam with an address, which consists of the house number, street, commune, district, province, phone number, fax number, and email address (if any).

(Trụ sở chính của doanh nghiệp là địa điểm liên lạc của doanh nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam, có địa chỉ được xác định gồm số nhà, ngách, hẻm, ngõ phố, phố, đường hoặc thôn, xóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).)

Article 44. Enterprise's seal *(Con dấu của doanh nghiệp)*

1. Every enterprise is entitled to decide the form, quantity, and contents of its seal. A seal must specify:
(Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:)

a) The enterprise's name;
(Tên doanh nghiệp;)

b) The enterprise's ID number.
(Mã số doanh nghiệp.)

2. Before using the seal, the enterprise must send the seal design to the business registration authority in order for the business registration authority to post it on the National Business Registration Portal.

(Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

3. The management, use, and retention of the seal shall comply with the company's charter.
(Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty.)

4. The seal shall be used in the cases prescribed by law or agreed by the parties.

(Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.)

5. The Government shall elaborate this Article.
(Chính phủ quy định chi tiết Điều này.)

Article 45. Branches, representative offices, and business locations of the enterprise *(Chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp)*

1. A branch is a unit dependent on the enterprise and obliged to perform part or all of the enterprise's functions, including representation under authorization. The business lines of the branch must be consistent with those of the enterprise.

(Chi nhánh, là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của doanh nghiệp kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.)

2. A representative office is a unit dependent on the enterprise and obliged to represent the enterprise's interests under authorization and protect such interests.

(Văn phòng đại diện là đơn vị phụ thuộc của doanh nghiệp, có nhiệm vụ đại diện theo ủy quyền cho lợi ích của doanh nghiệp và bảo vệ các lợi ích đó.)

3. Business location is a place where the enterprise does some particular business activities.

(Địa điểm kinh doanh là nơi mà doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.)

Article 46. Establishment of branches, representative offices

(Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp)

1. Every enterprise is entitled to establish a branch or representative office, whether at home or overseas. A enterprise may establish one or multiple branches/representative offices in an administrative division.

(Doanh nghiệp có quyền lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài. Doanh nghiệp có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới hành chính.)

2. When establishing a branch/representative office in Vietnam, the enterprise shall submit an application for establishment of the branch/representative office to a competent business registration authority in charge of the administrative division where the branch/representative office is situated. The application consists of:

(Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện đến Cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền nơi doanh nghiệp đặt chi nhánh, văn phòng đại diện. Hồ sơ bao gồm:)

a) A notification of the branch/representative office establishment;

(Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện;)

b) A copy of the Establishment Decision and minutes of the meeting about the branch/representative office establishment; a copy of the ID card/passport or ID paper of the head of the branch/representative office.

(Bản sao quyết định thành lập và bản sao biên bản họp về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp; bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.)

3. The business registration authority shall examine the validity of the application and issue the Certificate of Branch/Representative Office Registration within 03 working days from the day on which the application is received. If the application is rejected, the enterprise must be notified in writing. The notification must provide explanation and necessary adjustments/supplementation (if any)

(Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; nếu từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thì thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do; các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).)

4. The business registration authority that issues the Certificate of branch/representative office registration shall inform the business registration authority in charge of the administrative division where the enterprise's headquarter is situated, send information about registration of the branch/representative office to the tax authority, statistics authority within 05 working days from the

issuance date of the Certificate of branch/representative office registration; periodically send information to the People's Committee of the district where the branch/representative office is situated.
(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện phải gửi thông tin cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính và gửi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện cho cơ quan thuế, cơ quan thống kê trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; định kỳ gửi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác cùng cấp, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện.)

5. The legal representative of the enterprise shall register changes to the Certificate of Branch/Representative Office Registration within 10 days from the day on which such changes are made.

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày có thay đổi.)

6. The Government shall elaborate this Article.

(Chính phủ quy định chi tiết Điều này.)

Chapter III LIMITED LIABILITY COMPANY ***(CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN)***

Section 1: MULTI-MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY ***(CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN)***

Article 47. Multi-member limited liability company

(Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên)

1. Multi-member limited liability company is a enterprise where:

(Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên là doanh nghiệp, trong đó:)

a) Members are organizations and/or individuals; the number of members does not exceed 50;

(Thành viên có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá 50;)

b) Members are liable for debts and other liabilities of the enterprise up to the value of capital they contribute to the enterprise, except for the case in Clause 4 Article 48 of this Law.

(Thành viên chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 48 của Luật này;)

c) Stakes of members shall be transferred in accordance with Articles 52, 53, and 54 of this Law.

(Phần vốn góp của thành viên chỉ được chuyển nhượng theo quy định tại các Điều 52, 53 và 54 của Luật này.)

2. A multi-member limited liability company has a legal status from the issuance date of the Certificate of Business registration.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)



3. Multi-member limited liability companies must not issue shares.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên không được quyền phát hành cổ phần.)

Article 48. Capital contribution to company establishment and issuance of certificate of capital contribution

(Thực hiện góp vốn thành lập công ty và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp)

1. Charter capital of a multi-member limited liability company upon business registration is the total value of capital contribution to the company promised by the members.

(Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên khi đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị phần vốn góp các thành viên cam kết góp vào công ty.)

2. Every member must contribute capital properly in terms of sufficiency and type of assets as agreed within 90 days from the day on which the Certificate of Business registration is issued. Company's members may only contribute assets other than the promised assets if such assets are approved by the majority of other members. After the said deadline, each member has the rights and obligations proportional to their promised capital contribution.

(Thành viên phải góp vốn phần vốn góp cho công ty đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Thành viên công ty chỉ được góp vốn phần vốn góp cho công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản đã cam kết nếu được sự tán thành của đa số thành viên còn lại. Trong thời hạn này, thành viên có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp như đã cam kết góp.)

3. In case a member fails to contribute capital or fails to fully contribute capital by the deadline mentioned in Clause 2 of this Article:

(Sau thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này mà vẫn có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết thì được xử lý như sau:)

a) The member who fails to contribute capital as promised is obviously no longer a company's member;

(Thành viên chưa góp vốn theo cam kết đương nhiên không còn là thành viên của công ty;)

b) The member who fails to fully contribute capital as promised shall have the rights proportional to his/her contributed capital;

(Thành viên chưa góp vốn đủ phần vốn góp như đã cam kết có các quyền tương ứng với phần vốn góp đã góp;)

c) The right to contribute capital of the member who fails to contribute capital shall be offered under a decision of the Board of members.

(Phần vốn góp chưa góp của các thành viên được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên.)

4. If a member fails to contribute capital or fails to fully contribute capital as agreed, the company shall register a change to charter capital and the member's stake holding within 60 days from the deadline for making sufficient capital contribution prescribed in Clause 2 of this Article. Any member who fails to contribute capital or fails to fully contribute capital as agreed shall take responsibility up to the value of promised capital contribution for the company's financial obligations incurred before the day on which the company registers the changes to the charter capital and its members' stakes.

(Trường hợp có thành viên chưa góp hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết, công ty phải đăng ký điều chỉnh, vốn điều lệ, tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp vốn đủ phần vốn góp theo khoản 2 Điều này. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và phần vốn góp của thành viên.)

5. When a member fully contributes capital, the company shall issue a Certificate of capital contribution to such member. The certificate of capital contribution shall contains:

(Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, công ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên tương ứng với giá trị phần vốn đã góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) The enterprise's name, ID number, and headquarter address;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;)

b) The enterprise's charter capital;

(Vốn điều lệ của công ty;)

c) Full name, permanent residence, nationality, ID/passport number if the member is an individual; name, establishment decision number or company ID number, headquarter address if the member is an organization;

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức;)

d) The member's stake and value thereof;

(Phần vốn góp, giá trị vốn góp của thành viên;)

dd) Number and date of issue of certificate of capital contribution;

(Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;)

e) Full name and signature of the company's legal representative.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty.)

6. In case a certificate of capital contribution is lost, damaged, or otherwise destroyed, its holder shall has it reissued in accordance with the procedures provided for by the company's charter.

(Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thành viên được công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 49. Member register

(Sổ đăng ký thành viên)

1. The company shall make a member register as soon as the Certificate of Business Registration is issued. The member register shall contain:



(Công ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) The enterprise's name, ID number, and headquarter address;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;)

b) Full names, permanent residences, nationalities, ID/passport numbers of members being individuals; names, establishment decision numbers or company ID numbers, headquarter addresses of members being organizations;

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức;)

c) Stakes and values thereof; date of capital contribution, types of contributed assets; quantity and value of each type of assets contributed by each member;

(Phần vốn góp, giá trị vốn đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên;)

d) Signatures of members being individuals or legal representatives of members being organizations;

(Chữ ký của thành viên là cá nhân hoặc của người đại diện theo pháp luật của thành viên là tổ chức;)

dd) Numbers and dates of issue of certificates of capital contribution of every member.

(Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên.)

2. The member register shall be kept at the company's headquarter.

(Sổ đăng ký thành viên được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.)

Article 50. Rights of members

(Quyền của thành viên)

1. Participate in meetings of the Board of members; discuss, propose, votes for the issues within the competence of the Board of members.

(Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.)

2. Cast a number of votes that is proportional to the member's stake, except for the case in Clause 2 Article 48 of this Law.

(Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật này.)

3. Receive a proportion of profits that is proportional to the member's stake after the company has settled all taxes and fulfilled other financial obligations as prescribed by law.

(Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.)

4. Receive a proportion of remaining assets that is proportional to the member's stake after the company is dissolved or goes bankrupt.

(Được chia giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với phần vốn góp khi công ty giải thể hoặc phá sản.)

5. Has the preemptive right to contribute additional capital when the company's charter capital is increased.

(Được ưu tiên góp thêm vốn vào công ty khi công ty tăng vốn điều lệ.)

6. Dispose of his/her own stake by transfer part or all of it, give, donate or otherwise in accordance with law and the company's charter.

(Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và cách khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

7. File a lawsuit against the President of the Member assembly, Director/General Director, legal representative, or another manager in accordance with Article 72 of this Law, whether single-handedly or on behalf of the company.

(Tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và cán bộ quản lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật này.)

8. Except for the case in Clause 9 of this Article, any member or group of members that owns at least 10% of the charter capital (or a smaller amount prescribed by the company's charter) shall have the additional rights below:

(Trừ trường hợp quy định tại khoản 9 Điều này, thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định còn có thêm các quyền sau đây:)

a) Request meetings of the Board of members to resolve issues within its competence;

(Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;)

b) Inspect, examine books and monitors transactions, accounting books, and annual financial statements;

(Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;)

c) Inspect, examine, copy the member register, meeting minutes, Resolutions of the Board of members, and other documents of the company.

(Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp và nghị quyết của Hội đồng thành viên và các hồ sơ khác của công ty;)

d) Request the Court to annul the resolution of the Board of members within 90 days from the ending date of the meeting if the procedures, conditions for meeting, or contents of such resolution are not correct or not conformable with this Law and the company's charter.

(Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng thành viên trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)



9. If a company's member owns more than 90% of charter capital and the company's charter does not provide for a smaller rate as prescribed in Clause 8 of this Article, the group of other members shall naturally have the rights prescribed in Clause 8 of this Article.

(Trường hợp công ty có một thành viên sở hữu trên 90% vốn điều lệ và Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại khoản 8 Điều này thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này.)

10. Other rights prescribed by this Law and the company's charter.

(Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 51. Obligations of member

(Nghĩa vụ của thành viên)

1. Contribute capital fully and punctually; take liability for the debts and other liabilities of the company up to the value of capital contributed, except for the cases in Clause 2 and Clause 4 Article 48 of this Law.

(Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 48 của Luật này.)

2. Do not withdraw contributed capital in any shape or form, except for the cases in Articles 52, 53, 54, and 68 of this Law.

(Không được rút vốn đã góp ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 52, 53, 54 và 68 của Luật này.)

3. Comply with the company's charter.

(Tuân thủ Điều lệ công ty.)

4. Comply with resolutions and decisions of the Board of members.

(Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.)

5. Take personal responsibility when committing the following acts on behalf of the company:

(Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty để thực hiện các hành vi sau đây:)

a) Violations of law;

(Vi phạm pháp luật;)

b) Business operations or transactions that do not serve the company's interests and cause damage for other persons;

(Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;)

c) Payment of undue debts while the company is facing financial risk.

(Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.)

6. Fulfill other obligations prescribed by this Law.

(Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này.)

Article 52. Repurchasing stakes ***(Mua lại phần vốn góp)***

1. Every member is entitled to request the company to repurchase his/her stake if such member votes against the resolution of the Board of members on:

(Thành viên có quyền yêu cầu công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết của Hội đồng thành viên về vấn đề sau đây:)

a) Amendments to the company's charter that are related to rights and obligations of members and/or the Board of members;

(Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ công ty liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên, Hội đồng thành viên;)

b) Company restructuring;

(Tổ chức lại công ty;)

c) Other cases prescribed by the company's charter.

The request for repurchase of a stake must be made in writing and sent to the company within 15 days from the day on which the Resolution is ratified as prescribed in this Clause.

(Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty. Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết quy định tại khoản này.)

2. When such a request is made as prescribed in Clause 1 of this Article, if an agreement on the price is not reached, the company shall repurchase the member's stake at the market price or at a price determined according to the company's charter within 15 days from the day on which the request is received. The payment shall only be made if the company is still able to repay its debts and settle other liabilities after paying for the stake.

(Khi có yêu cầu của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này, nếu không thỏa thuận được về giá thì công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường hoặc giá được định theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.)

3. If the company does not repurchase the stake as prescribed in Clause 2 of this Article, the member is entitled to transfer his/her stake to another member or a person other than members.

(Trường hợp công ty không mua lại phần vốn góp theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc người khác không phải là thành viên)

Article 53. Transferring stakes ***(Chuyển nhượng phần vốn góp)***

1. Except for the case in Clause 3 Article 52, Clause 5 and Clause 6 Article 54 of this Law, every member of multi-member limited liability company are entitled to transfer part or all of his/her stake to another person as follows:



(Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 52, khoản 5 và khoản 6 Điều 54 của Luật này, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:)

a) Offer the stakes to other members in proportion to their stakes in the company under the same conditions;

(Phải chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện;)

b) Only transfer the stake under the same conditions applied other members prescribed in Point a of this Clause to persons other than members if the members do not buy or do not buy completely within 30 days from the offering date.

(Chỉ được chuyển nhượng với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại quy định tại điểm a khoản này cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chào bán.)

2. The transferring member still has the rights and obligations to the company in proportion to his/her stake until information about the buy mentioned in Points b, c and d Clause 1 Article 49 of this Law is written on the member register.

(Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 49 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên.)

3. If the transfer or change of the stake causes the company to have only one member, the company shall be converted into a single-member limited liability company and register the business registration changes within 15 days from the day on which the transferred is finished.

(Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên trong công ty, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.)

Article 54. Settlement of stakes in some special cases

(Xử lý phần vốn góp trong một số trường hợp đặc biệt)

1. If a member being an individual dies, his/her inheritor according to the will or law shall be the company's member. If a member being an individual is declared missing by court, his/her asset management according to civil law shall be the company's member.

(Trường hợp thành viên là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên của công ty. Trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích thì người quản lý tài sản của thành viên đó theo quy định của pháp luật về dân sự là thành viên của công ty.)

2. If a member becomes legally incompetent, his/her rights and obligations shall be performed by his/her guardian.

(Trường hợp có thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.)

3. A member's stake shall be transferred or repurchased by the company in accordance with Article 52 and Article 53 of this Law in the following cases:

(Phần vốn góp của thành viên được công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Luật này trong các trường hợp sau đây:)

a) The inheritor does not wish to become a member;

(Người thừa kế không muốn trở thành thành viên;)

b) The recipient mentioned in Clause 5 of this Article is not accepted by the Board of members as a member;

(Người được tặng cho theo quy định tại khoản 5 Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên;)

c) The member is an organization that has been dissolved or bankrupt.

(Thành viên là tổ chức đã giải thể hoặc phá sản.)

4. If a member being an individual dies without an inheritor, the inheritor renounces the inheritance or is disinherited, such stake shall be settled in accordance with civil law.

(Trường hợp phần vốn góp của thành viên là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.)

5. A member is entitled to give part or all of his/her stake to another person.

The recipient is the member's spouse, parent, child, or a person within three ranks of inheritance, is naturally the company's member. If the recipient being another person shall only become the company's member if accepted by the Board of members.

(Thành viên có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác.

Trường hợp người được tặng cho là vợ, chồng, cha, mẹ, con, người có quan hệ họ hàng đến hàng thừa kế thứ ba thì đương nhiên là thành viên của công ty. Trường hợp người được tặng cho là người khác thì chỉ trở thành thành viên của công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.)

6. If the member uses his/her stake to pay debts, the recipient is entitled to use such stake to:

(Trường hợp thành viên sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai hình thức sau đây:)

a) Become a company's member if accepted by the Board of members; or

(Trở thành thành viên của công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận;)

b) Offer and transfer it in accordance with Article 53 of this Law.

(Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 53 của Luật này.)

Article 55. Organizational structure

(Cơ cấu tổ chức quản lý công ty)

A multi-member limited liability company has a the Board of members, a the Chairperson of the Board of members, a Director/General Director. Every multi-member limited liability company that has 11 members or more shall establish a the Control Board; a company with fewer than 11 members may also



establish a the Control Board if necessary for the business administration. Rights, obligations, standards, requirements, and conditions of the Control Board and Chief of the Control Board shall be provided for in the company's charter.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Công ty trách nhiệm hữu hạn có từ 11 thành viên trở lên phải thành lập Ban kiểm soát; trường hợp có ít hơn 11 thành viên, có thể thành lập Ban kiểm soát phù hợp với yêu cầu quản trị công ty. Quyền, nghĩa vụ, tiêu chuẩn, điều kiện và chế độ làm việc của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.)

Article 56. The Board of members ***(Hội đồng thành viên)***

1. The Board of members consists of all company's members and is the supreme decision-making body of the company. The frequency of meetings of the Board of members shall be specified by the company's charter. Nevertheless, there must be at least one meeting per year.

(Hội đồng thành viên gồm tất cả các thành viên công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Điều lệ công ty quy định định kỳ họp Hội đồng thành viên, nhưng ít nhất mỗi năm phải họp một lần.)

2. The Board of members has the following rights and obligations:

(Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Decide the annual business plan and development strategy of the company;

(Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;)

b) Decide the increase or decrease of charter capital; decide the time method for raising additional capital;

(Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;)

c) Decide development investment projects of the company;

(Quyết định dự án đầu tư phát triển của công ty;)

d) Decide solutions for market development; marketing, technology transfers; ratifying contracts for taking loans, granting loans, selling assets of which the value is equal to or higher than 50% of total asset value written in the latest financial statement (or a smaller rate or value prescribed by the company's charter);

(Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ; thông qua hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;)

dd) Elect, dismiss the Chairperson of the Board of members; decide the designation of, dismissal of, conclusion and termination of contracts with the Director/General Director, Chief accountant, and other managers prescribed by the company's charter;

(Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;)

e) Decide the salaries, bonuses, and other benefits for the Chairperson of the Board of members, Director/General Director, Chief accountant, and other managers prescribed by the company's charter;
(Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác quy định tại Điều lệ công ty;)

g) Ratify annual financial statements, plans for use and distribution of profit, or plans for loss settlement of the company;
(Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của công ty;)

h) Decide the company's organizational structure
(Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty;)

i) Decide establishment of subsidiaries, branches, and representative offices;
(Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện;)

k) Amend the company's charter;
(Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;)

l) Decide the company restructuring;
(Quyết định tổ chức lại công ty;)

m) Decide the dissolution or petition for bankruptcy of the company;
(Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;)

n) Other rights and obligations prescribed by this Law and the company's charter.
(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

3. If an individual being a member of a limited liability company is detained, imprisoned, or deprived for the right to practice by the Court as prescribed by Criminal Code, such member may authorize another person to participate in the Board of members of the company.
(Trường hợp cá nhân là thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của Bộ luật hình sự, thành viên đó ủy quyền cho người khác tham gia Hội đồng thành viên công ty.)

Article 57. Chairperson of the Board of members ***(Chủ tịch Hội đồng thành viên)***

1. The Board of members shall elect a member as the Chairperson. The Chairperson of the Board of members may concurrently hold the position of the company's Director/General Director.
(Hội đồng thành viên bầu một thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty.)

2. The Chairperson of the Board of members has the following rights and obligations:
(Chủ tịch Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Prepare the agenda and operation plan of the Board of members;
(Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;)



b) Prepare the agenda, contents, documents of meetings of the Board of members or for absentee voting;

(Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến các thành viên;)

c) Convene and chair meetings of the Board of members or organize the absentee voting;

(Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến các thành viên;)

d) Carry out or organize supervision of implementation of Resolutions of the Board of members;

(Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;)

dd) Sign Resolutions of the Board of members on behalf of the Board of members;

(Thay mặt Hội đồng thành viên ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;)

e) Other rights and obligations prescribed by this Law and the company's charter.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

3. The term of office of a the Chairperson of the Board of members shall not exceed 05 years. The Chairperson of the Board of members may be re-elected without term limit.

(Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.)

4. If the Chairperson of the Board of members is absent or incapable of performing his/her rights and obligations, he/she may authorize another member in writing to perform rights and obligations of the Chairperson of the Board of members in accordance with the company's charter. If no member is authorized, one of the members of the Board of members shall convene a meeting to elect one of the members to temporarily perform rights and obligations of the Chairperson of the Board of members under the majority rule.

(Trường hợp vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, thì Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số quá bán.)

Article 58. Meetings of the Board of members

(Triệu tập họp Hội đồng thành viên)

1. The Board of members shall be convened at the request of the Chairperson of the Board of members or a member or group of member prescribed in Clause 8 and Clause 9 Article 50 of this Article. Every meeting of the Board of members must be held at the company's headquarter, unless otherwise prescribed by the company's charter.

The Chairperson of the Board of members shall prepare the agenda, documents, and convene meetings of the Board of members. Members may propose additional contents to the agenda in writing. The proposal must contain:

(Hội đồng thành viên được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 50 của Luật này. Cuộc



hợp của Hội đồng thành viên phải được tổ chức tại trụ sở chính của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Chủ tịch Hội đồng thành viên chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) The full name, permanent residence, nationality, ID/passport number of if the member is an individual; name, establishment decision number or company ID number, headquarter address if the member is an organization; full name, signature of the member or the member's authorized representative;

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, chữ ký của thành viên hoặc người đại diện theo ủy quyền;)

b) Proportion of stake, number and date of issue of the certificate of capital contribution;

(Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;)

c) Additional contents;

(Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp;)

d) Reasons. The Chairperson of the Board of members must accept the proposal and change the agenda if such proposal is valid and sent to the company's headquarter at least 01 working day before the meeting date; if a proposal is put forward right before the meeting, it shall be accepted if the majority of the attending members approve.

(Lý do kiến nghị. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định được gửi đến trụ sở chính của công ty chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.)

2. Invitations to meetings of the Board of members may be made in writing, by phone, fax, or another electronic medium as prescribed by the company's charter, and sent directly to each member of the Board of members. The invitation must specify the time, location, and contents of the meeting. The agenda and documents must be sent to the company's members before the meeting takes place. Documents related to amendments to the company's charter, approval of the company's development orientation, approval of annual financial statements, restructuring or dissolution of the company must be sent to the members at least 07 days before the meeting date. Time limits for sending other documents shall be prescribed by the company's charter.

(Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc phương tiện điện tử khác do Điều lệ công ty quy định và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác do Điều lệ công ty quy định.)

3. In case the Chairperson of the Board of members fails to convene a meeting of the Board of members at the request of a member/group of member prescribed in Clause 8 and Clause 9 Article 50 of this Law within 15 days from the day on which the request is received, such member/group of member shall convene the meeting.

(Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên theo quy định tại khoản 8 và khoản 9 Điều 50 của Luật này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên.)

4. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the convention of a meeting of the Board of members prescribed in Clause 3 of this Article must be made in writing and contain the following information:

(Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Full names, permanent residences, nationalities, ID/passport numbers of members being individuals; names, establishment decision numbers or company ID numbers, headquarter addresses of members being organizations; proportion of stake, number and date of issue of the certificate of capital contribution of each member that makes the request;

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu;)

b) Reasons for convening the meeting and issues that need solving;

(Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;)

c) Intended agenda;

(Dự kiến chương trình họp;)

d) Full names and signatures of every member that makes the request or their authorized representatives.

(Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ.)

5. If the request for convention of a meeting of the Board of members does not contain sufficient information as prescribed in Clause 4 of this Article, the Chairperson of the Board of members shall send a written notification to the member/group of member within 07 working days from the day on which the request is received. In other cases, the Chairperson of the Board of members shall convene a meeting of the Board of members within 15 days from the day on which the request is received. In case the Chairperson of the Board of members fails to convene a meeting of the Board of members as prescribed, the Chairperson shall be personally responsible for the damage to the company and relevant members. In this case, the member/group of members that makes the request is entitled to convene a meeting of the Board of members. Reasonable expenditures for the convention and organization of the meeting of the Board of members shall be reimbursed by the company.

(Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn



15 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định thì phải chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về thiệt hại xảy ra đối với công ty và thành viên có liên quan của công ty. Trường hợp này, thành viên hoặc nhóm thành viên đã yêu cầu có quyền triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được công ty hoàn lại.)

Article 59. Conditions and formalities of meetings of the Board of members

(Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên)

1. A meeting of the Board of members shall be convened when it is attended by a number of members that hold at least 65% of charter capital; the specific ratio shall be prescribed by the company's charter.

(Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu ít nhất 65% vốn điều lệ; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.)

2. If the conditions for holding a meeting of the Board of members prescribed in Clause 1 of this Article are not satisfied, the second meeting shall be held as follows unless otherwise prescribed by the company's charter:

(Trường hợp Điều lệ không quy định hoặc không có quy định khác, triệu tập họp Hội đồng thành viên trong trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được thực hiện như sau:)

a) The second meeting shall be held within 15 days from the intended date of the first meeting. The second meeting shall be held when it is attended by a number of members that hold at least 50% of example;

(Triệu tập họp lần thứ hai phải được thực hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu ít nhất 50% vốn điều lệ;)

b) If the conditions for holding the second meeting of the Board of members prescribed in Point a Clause 2 of this Article are not satisfied, the third meeting shall be held within 10 working days from the intended date of the second meeting. In this case, the meeting of the Board of members shall be held regardless of the number of attending members and the amount of charter capital held by the attending members.

(Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.)

3. Members, authorized representatives of members shall attend and casts votes at meetings of the Board of members. Meeting formalities and voting methods shall be prescribed by the company's charter.

(Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên. Thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên, hình thức biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.)

4. The duration of a meeting session may be extended where necessary to complete the agenda. Nevertheless, the duration must not exceed 30 days from the beginning date.



(Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến, thì có thể kéo dài phiên họp; thời hạn kéo dài không được quá 30 ngày, kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.)

Article 60. Resolutions of the Board of members

(Nghị quyết của Hội đồng thành viên)

1. The Board of members shall ratify the Resolutions within its competence through voting at the meeting, absentee voting, or another voting method prescribed by the company's charter.

(Hội đồng thành viên thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định.)

2. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the following issues shall be resolved through voting at the meeting of the Board of members:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:)

a) Amendments to the company's charter prescribed in Article 25 of this Law;

(Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty quy định tại Điều 25 của Luật này;)

b) The company's development orientation;

(Quyết định phương hướng phát triển công ty;)

c) Election, dismissal of the Chairperson of the Board of members; designation, dismissal of Director/General Director;

(Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;)

d) Approval for the annual financial statement;

(Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;)

dd) Restructuring or dissolution of the company.

(Tổ chức lại hoặc giải thể công ty.)

3. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the Resolution of the Board of members shall be ratified at the meeting in the following cases:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong các trường hợp sau đây:)

a) It receives a number of votes that represents at least 65% of total stakes of attending members, except for the case in Point b of this Clause;

(Được số phiếu đại diện ít nhất 65% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;)

b) In case of a decision to sell assets of which the value is $\geq 50\%$ of total asset value according to the latest financial statement (or a smaller ratio prescribed by the company's charter; in case of amendments to the company's charter; in case of restructuring or dissolution of the company, the



resolution must receives a number of votes that represents at least 75% of total stakes of attending members

(Được số phiếu đại diện ít nhất 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp tán thành đối với quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.)

4. A member is considered to have attended and cast votes at the meeting of the Board of members when such person:

(Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:)

a) Attend and directly vote at the meeting;

(Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;)

b) Authorize another person to attend and cast votes at the meeting;

(Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;)

c) Attend and cast votes through online meeting, cast electronic votes or use another electronic medium;

(Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;)

d) Send votes to the meeting by post, fax, or email.

(Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.)

5. A Resolution of the Board of members shall be ratified in the form of absentee voting if this method is approved by a number of members that holds at least 65 % of charter capital. The specific ratio shall be prescribed by the company's charter.

(Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu ít nhất 65% vốn điều lệ tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.)

Article 61. Minutes of meetings of the Board of members

(Biên bản họp Hội đồng thành viên)

1. Meetings of the Board of members must be recorded in writing, audio recordings, or other electronic media of recordings.

(Các cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.)

2. The minutes of the meeting must be completed and ratified right before the end of the meeting. The minutes must have the following content:

(Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Time, location, purposes, agenda of the meeting;

(Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;)



b) Full names, proportions of stakes, numbers and issuance dates of certificates of capital contribution of members or authorized representatives of members that attend the meeting; Full names, proportions of stakes, numbers and issuance dates of certificates of capital contribution of members or authorized representatives of members that do not attend the meetings;

(Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phân vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phân vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên không dự họp;)

c) The issues discussed and voted; summary opinions of members about each issue;

(Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;)

d) Total number of valid votes, invalid votes, affirmative votes, and negative votes for each issue.

(Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ; tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;)

dd) The decisions ratified;

(Các quyết định được thông qua;)

e) Full names and signatures of the minutes maker and the chair of the meeting.

(Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp.)

3. The minutes maker and the chair of the meeting are jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the meeting minutes.

(Người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.)

Article 62. Procedures for ratifying Resolutions of the Board of members by absentee voting

(Thủ tục thông qua nghị quyết của Hội đồng thành viên theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)

Unless otherwise prescribed by the company's charter, the procedures for absentee voting to ratify a Resolution shall be as follows:

(Trường hợp Điều lệ công ty không quy định hoặc không có quy định khác thì thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết được thực hiện theo quy định sau đây:)

1. The Chairperson of the Board of members decides to collect absentee ballots from members of the Board of members to cast to ratify the issues within its competence;

(Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền;)

2. The Chairperson of the Board of members shall organize the drafting, sending of reports on the issues that need deciding, the Draft Resolution, and absentee ballots to members of the Board of members;

(Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên;)

3. The absentee ballot shall contain:

(Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)



a) Name, enterprise ID number, headquarter address;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;)

b) The full name, address, Nationality, ID/passport number, stake holding of the member;

(Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, tỷ lệ phần vốn của thành viên Hội đồng thành viên;)

c) The issues and responses in the following order: in favour, against, and abstentions;

(Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;)

d) Deadline for submitting the absentee ballot;

(Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về công ty;)

dd) Full name and signature of the Chairperson of the Board of members. An absentee ballot that contains sufficient information, bears the signature of the member, and is sent to the company by the deadline is considered valid;

(Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên công ty và được gửi về công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ;)

4. The Chairperson of the Board of members shall organize the vote counting, make a vote counting report, notify the result and the ratified decisions to members within 07 working days from the deadline for submitting the enquiry form. The report on vote counting result is as valuable as the minutes of meeting of the Board of members and must contain the following information:

(Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Purposes and the issue of the absentee voting;

(Mục đích, nội dung lấy ý kiến;)

b) Full names, proportions of stakes, numbers and issuance dates of certificates of capital contribution of members or authorized representatives that submit valid absentee ballots; Full names, proportions of stakes, numbers and issuance dates of certificates of capital contribution of members or authorized representatives that do not submit absentee ballots or that submit invalid absentee ballots;

(Họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền đã gửi phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện ủy quyền của thành viên mà không nhận được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi phiếu lấy ý kiến không hợp lệ;)

c) The issues that need voting; summary opinions of members about each issue (if any)

(Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có;)

d) Total number of valid absentee ballots, invalid absentee ballots, unsubmitted absentee ballots; total number of valid forms with assenting opinions, those with dissenting opinions with regard to each issue;

(Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành đối với từng vấn đề biểu quyết;)

dd) The decisions ratified and the corresponding ratio of votes;
(Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;)

e) Full name and signature of the counter and the Chairperson of the Board of members. The counter and the Chairperson of the Board of members are jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the report on vote counting result.

(Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.)

Article 63. Effect of Resolution of the Board of members *(Hiệu lực nghị quyết của Hội đồng thành viên)*

Unless otherwise prescribed by the company's charter, the Resolution of the Board of members shall be effective from the day on which it is ratified or from its effective date written therein. In case a member/group of member request the Court or arbitral tribunal to annul a ratified Resolution, it is still effective until the decision of the Court or arbitral tribunal comes into force

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết đó. Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết đã được thông qua thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi có quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài có hiệu lực thi hành.)

Article 64. Director/General Director *(Giám đốc, Tổng giám đốc)*

1. The Director or General Director of a company is the person who administer the everyday business operation of the company and is responsible to the Board of members for the performance of his/her rights and obligations.

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.)

2. The Director/General Director has the following rights and obligations:

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Organize the implementation of Resolutions of the Board of members;

(Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên;)

b) Decide the issues related to the company's everyday business operation;

(Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;)

c) Organize the implementation of the company's business plans and investment plans;

(Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;)



d) Promulgate the company's rules and regulations, unless otherwise prescribed by the company's charter;

(Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;)

dd) Designate, dismiss the company's managerial positions, except for those within the competence of the Board of members;

(Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên;)

e) Sign contracts on behalf of the company, except for those within the competence of the Board of members;

(Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;)

g) Propose organizational structure plan;

(Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;)

h) Submit annual financial statements to the Board of members;

(Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;)

i) Propose plans for use of profits or loss settlement;

(Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;)

k) Hire employees;

(Tuyển dụng lao động;)

l) Perform other rights and obligations prescribed in the company's charter, employment contract between Director/General Director and the company according to the Resolution of the Board of members.

(Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với công ty theo nghị quyết của Hội đồng thành viên.)

Article 65. Standards and conditions of Director/General Director

(Tiêu chuẩn và điều kiện làm Giám đốc, Tổng giám đốc)

1. The Director/General Director must be legally competent and is not banned from enterprise management as prescribed in Clause 2 Article 18 of this Law.

(Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này.)

2. The Director/General Director must have experience and qualifications in business administration, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.)

3. With regard to a subsidiary of which over 50% of charter capital is held by the State in the form of stakes of shares, apart from the standards and requirements in Clause 1 and Clause 2 of this Article, the Director/General Director must not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted



child, brother, sister, brother-in-law, sister-in-law of the manager of the parent company and the representative of state capital in such company.

(Đối với công ty con của công ty có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty đó.)

Article 66. Wages, salaries, and bonuses for the Chairperson of the Board of members, Director/General Director, and managers

(Thù lao, tiền lương và thưởng của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác)

1. The company shall pay wages, salaries, and bonuses for the Chairperson of the Board of members, Director/General Director, and other managers according to the business outcomes.

(Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.)

2. The wages, salaries of the Chairperson of the Board of members, Director/General Director, and other managers shall be included in operating expense as prescribed by regulations of law on corporate income tax, relevant regulations of law, and recorded as a separate item in the annual financial statement.

(Thù lao, tiền lương của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.)

Article 67. Contracts and transactions subject to approval by the Board of members

(Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận)

1. The following contracts and transactions between the company and the following entities are subject to approval by the Board of members:

(Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:)

a) Members, authorized representatives of members, Director/General Director, company's legal representative;

(Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của công ty;)

b) Related persons of the persons mentioned in Point a of this Clause;

(Người có liên quan của những người quy định tại điểm a khoản này;)

c) The manager of the parent company, the person competent to designate the manager of the parent company.

(Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;)

d) Related persons of the persons mentioned in Point c of this Clause.

(Người có liên quan của người quy định tại điểm c khoản này.)



2. The person who concludes the contract or makes the transaction must send a notification to members of the Board of members and the Controller of the entities relevant to such contract or transaction. The notification shall be enclosed with the draft contract or main contents of the transaction to be made. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the Board of members shall decide whether to accept the contract/transaction within 15 days from the day on which the notification is received. In this case, the contract/transaction shall be accepted if it is approved by the majority of the members who represent at least 65% of voting capital. Members who involve in the contract/transaction must not vote.

(Người ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng thành viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự tán thành của số thành viên đại diện ít nhất 65% tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên có liên quan trong các hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.)

3. The contract/transaction carried out against the regulations in Clause 1 and Clause 2 of this Article and causing damage to the company shall be annulled and dealt with as prescribed by law. The person who concludes the contract or makes the transaction, members involved and their related persons shall pay compensation for the damage inflicted, return to the company the income from such contract/transaction which is carried out against Clause 1 and Clause 2 of this Article or causes damage to the company.

(Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, gây thiệt hại cho công ty. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch được ký kết không đúng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này hoặc gây thiệt hại cho công ty.)

Article 68. Adjustment to charter capita

(Thay đổi vốn điều lệ)

1. The company may increase its charter capital in the following cases:

(Công ty có thể tăng vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:)

a) Capital contribution of members is increased;

(Tăng vốn góp của thành viên;)

b) Capital contributions are made by new members.

(Tiếp nhận vốn góp của thành viên mới.)

2. When increasing stakes of members, the additional capital shall be split to the members according to their proportion of stakes to the company's charter capital. Every member may transfer the right to contribute capital to another person as prescribed in Article 53 of this Law. Any member who objects to the decision on increase of charter capital may refuse to contribute more capital. In this case, the additional capital contributed by the member shall be split among other members according to their proportion of stakes to the company's charter capital, unless otherwise agreed among the members.



(Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được phân chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tại Điều 53 của Luật này. Thành viên phản đối quyết định tăng thêm vốn điều lệ có thể không góp thêm vốn. Trường hợp này, số vốn góp thêm của thành viên đó được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.)

3. The company may decrease its charter capital in the following forms:

(Công ty có thể giảm vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:)

a) Part of stakes is returned to members according to their stake holding if the company has run for more than 02 consecutive years from the date of business registration, provided the debts and other liabilities can be paid after the return is made.

(Hoàn trả một phần vốn góp cho thành viên theo tỷ lệ vốn góp của họ trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho thành viên;)

b) The company repurchases a member's stake as prescribed in Article 52 of this Law;

(Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 52 của Luật này;)

c) Charter capital is not contributed fully and punctually by members as prescribed in Article 48 of this Law.

(Vốn điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 48 của Luật này.)

4. Within 10 days from the date of increase or decrease in charter capital, the company must send a written notification to the business registration authority. The notification shall contain:

(Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, công ty phải thông báo bằng văn bản đến Cơ quan đăng ký kinh doanh. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Name, ID number, headquarter address of the enterprise;

(Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;)

b) Charter capital, the intended increase or decrease in charter capital;

(Vốn điều lệ; số vốn dự định tăng hoặc giảm;)

c) Time, reasons, and methods of increase or decrease;

(Thời điểm, lý do và hình thức tăng hoặc giảm vốn;)

d) Full name and signature of the company's legal representative. If charter capital is increased, the notification must be enclosed with the Resolution and meeting minutes of the Board of members. If charter capital is decreased, the notification must be enclosed with the Resolution, meeting minutes of the Board of members, and the latest financial statement. Business registration authority shall update information about increase or decrease in charter capital within 03 working days from the day on which the notification is received.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp. Đối với trường hợp tăng vốn điều lệ, kèm theo thông báo phải có nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng thành viên. Đối với trường hợp giảm vốn điều lệ, kèm theo thông báo phải có nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng



thành viên và báo cáo tài chính gần nhất. Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin về việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.)

Article 69. Conditions for profit distribution

(Điều kiện để chia lợi nhuận)

The company shall only distribute profits to its members when its business operation is profitable, tax liability and other financial obligations are fulfilled in accordance with law, debts and other liabilities can be paid after profit distribution.

(Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.)

Article 70. Withdrawal of returned stake or distributed profit

(Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia)

When a stake is returned due to an decrease to charter capital against the regulations in Clause 3 Article 68 of this Law, or profits are distributed to members against the regulations in Article 69 of this Law, the members must return the money or assets they receive, or take joint responsibility for the debts and other liabilities of the company until the amount of money or assets returned by the members is equivalent to the decrease in capital or the distributed profits.

(Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ trái với quy định tại khoản 3 Điều 68 của Luật này hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại Điều 69 của Luật này thì các thành viên phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận hoặc phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty cho đến khi các thành viên đã hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận tương đương với phần vốn đã giảm hoặc lợi nhuận đã chia.)

Article 71. Responsibilities of the Chairperson of the Board of members, Director/General Director, legal representative, Controllers, and other managers

(Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên và người quản lý khác)

1. The Chairperson of the Board of members, Director/General Director, legal representative, Controllers, and other managers have responsibilities to:

(Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Kiểm soát viên và người quản lý khác của công ty có trách nhiệm sau đây:)

a) Perform the given rights and obligations in an honest, careful manner to serve the best legitimate interests of the company;

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;)

b) Act in the best interest of the company; not use the company's business opportunities, information, secrets; not abuse power or position; not use the company's property for self-seeking purpose or serve the interests of another entity;

(Trung thành với lợi ích của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;)



c) Provide the company with timely, sufficient, and accurate information about the enterprises in which they and their related person own or have the controlling stake or shares;

(Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối;)

d) Perform other rights and obligations prescribed by law and the company's charter.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

2. The Director or General Director must not increase salaries or pay bonuses if the company is not able to pay due debts.

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.)

3. A notification of related persons mentioned in Point c Clause 1 of this Article shall contain the following information:

(Văn bản thông báo người có liên quan theo điểm c khoản 1 Điều này bao gồm nội dung sau đây:)

a) Names, enterprise identification numbers, addresses of headquarters of the enterprises in which they have stakes or shares; holding and time of ownership;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;)

b) Names, enterprise identification numbers, addresses of headquarters of the enterprises in which their related persons have private ownership or joint ownership of shares or stakes that make up over 10% of charter capital.

(Tên, mã số doanh nghiệp địa chỉ trụ sở chính, của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 10% vốn điều lệ.)

4. The information mentioned in Clause 1 and Clause 3 must be declared within 05 working days from the day on which relevant interests occur or change. The company shall compile a list of related persons of the company and their transactions with the company. The list must be kept at the company's headquarter. Members, managers, controllers of the company, and their authorized representative are entitled to examine and copy part or all of the information mentioned in Clause 1 and Clause 3 of this Article during working hours in accordance with the procedures in company's charter.

(Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc thay đổi lợi ích liên quan. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các giao dịch của họ với công ty. Danh sách này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Thành viên, người quản lý, Kiểm soát viên của công ty và người đại diện theo ủy quyền của họ có quyền xem, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này trong giờ làm việc theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 72. Lawsuits against managers

(Khởi kiện người quản lý)



1. Members of the company shall, single-handedly or on behalf of the company, file liability or civil lawsuits against the President of the Member assembly, Director/General Director, legal representative, and other managers that commit violations against the manager's duties in the following cases:

(Thành viên công ty tự mình, hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm, dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ của người quản lý trong các trường hợp sau đây:)

a) The violations mentioned in Article 71 of this Law;

(Vi phạm quy định tại Điều 71 của Luật này;)

b) Failure to adhere to or acts against regulations of law or the company's charter on given rights and obligations; failure to implement or adequately, promptly implement Resolutions of the Board of members;

9Không thực hiện đúng và đầy đủ hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty về các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng thành viên;)

c) Other cases defined by law and the company's charter.

(Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

2. Procedures for filing lawsuits shall comply with regulations of law on civil proceedings.

(Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.)

3. The proceeding costs when a member file a lawsuits on behalf of the company shall be included in the company's expense, unless such lawsuit is denied.

(Chi phí khởi kiện trong trường hợp thành viên khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.)

Section 2: SINGLE-MEMBER LIMITED LIABILITY COMPANY ***(CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN)***

Article 73. Single-member limited liability company

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)

1. A single-member limited liability company is a enterprise under the ownership of an organization or individual (hereinafter referred to as the company's owner; the company's owner is liable for the company's debts and other liabilities up to the company's charter capital.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp do một tổ chức hoặc một cá nhân làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty); chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.)

2. A single-member limited liability company has its legal status from the issuance date of the Certificate of Business registration.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

3. Single-member limited liability companies must not issue shares.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được quyền phát hành cổ phần.)



Article 74. Capital contribution to the company's establishment

(Thực hiện góp vốn thành lập công ty)

1. Charter capital of a single-member limited liability company on the business registration date is total value of assets promised to be contributed by the owner, which is written in the company's charter.

(Vốn điều lệ của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.)

2. A owner shall make contributions in accordance with the commitment upon enterprise registration within 90 days from the issuance date of the Certificate of Business registration in terms of value and types of assets.

(Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

3. If sufficient charter capital is not fully contributed by the deadline mentioned in Clause 2 of this Article, the owner shall register a change to the charter capital within 30 days from the deadline for fully contributing charter capital. In this case, the owner shall take responsibility up to the value of promised capital contribution for the company's financial obligations incurred before the change to charter capital is registered.

(Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này, chủ sở hữu công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trường hợp này, chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước khi công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.)

4. The owner, with his/her entire property, shall take responsibility for the company's financial obligations, the damage caused by failure to contribute capital, or failure to fully and punctually contribute capital.

(Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.)

Article 75. Rights of the company's owner

(Quyền của chủ sở hữu công ty)

1. The company's owner has the rights to:

(Chủ sở hữu công ty là tổ chức có các quyền sau đây:)

a) Decide the contents of the company's charter; amend the company's charter;

(Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;)

b) Decide the annual business plans and development plans of the company;

(Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;)

c) Decide the organizational structure; designate and dismiss the company's manager;

(Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty;)

d) Decide development investment projects;



(Quyết định dự án đầu tư phát triển;)

dd) Decide solutions for market development, marketing, and technology;

(Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;)

e) Ratify contracts to take loans, contracts to grant loans, and other contracts prescribed by the company's charter of which the values are equal to or higher than 50% of the total asset value written in the latest financial statement of the company, or a smaller rate prescribed by the company's charter;

(Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;)

g) Decide the sale of assets of which the values are equal to or higher than 50% of the total asset value written in the latest financial statement of the company, or a smaller rate prescribed by the company's charter;

(Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;)

h) Decide increases to the company's charter capital; transfer part of or all of the company's charter capital to other organizations and/or individuals;

(Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;)

i) Decide the establishment of subsidiaries, capital contributions to other companies;

(Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;)

k) Supervise and assess the company's business operation;

(Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;)

l) Decide the use of profit after company's tax liability and other financial obligations are fulfilled;

(Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;)

m) Decide the company's restructuring, dissolution, and petition for bankruptcy;

(Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;)

n) Withdraw the entire value of the company's asset value after the dissolution or bankruptcy process is completed;

(Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;)

o) Exercise other rights prescribed in this Law and the company's charter.

(Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

2. The company's owner being an individual has the rights to:

(Chủ sở hữu công ty là cá nhân có các quyền sau đây;)

a) Decide the contents of the company's charter; amend the company's charter;

(Quyết định, nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;)



b) Decide the company's investments, business operation, and administration, unless otherwise prescribed by the company's charter;
(Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;)

c) Decide increases to the company's charter capital; transfer part of or all of the company's charter capital to other organizations and/or individuals;
(Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;)

d) Decide the use of profit after company's tax liability and other financial obligations are fulfilled;
(Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;)

dd) Decide the company's restructuring, dissolution, and petition for bankruptcy;
(Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;)

e) Withdraw the entire value of the company's asset value after the dissolution or bankruptcy process is completed;
(Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;)

g) Exercise other rights prescribed in this Law and the company's charter.
(Quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 76. Obligations of the company's owner *(Nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty)*

1. Contribute charter capital fully and punctually.
(Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.)

2. Adhere to the company's charter.
(Tuân thủ Điều lệ công ty.)

3. Determine and separate assets of the owner and those of the company. The company's owner being an individual must separate the expenditures of his/her own and his/her family from those made in the position of the company's President, Director, or General Director.
(Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)

4. Comply with regulations of law on contracts and relevant regulations of law on buying, selling, loaning, borrowing, leasing, renting, and other transactions between the company and the company's owner.
(Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.)

5. The company's owner may only withdraw capital by transferring part of or all of the charter capital to another organization or individual; when withdrawing part of or all of charter capital contributed to



the company using another method, the owner and relevant organization or individual shall be jointly responsible for the debts and other liabilities of the company.

(Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.)

6. The company's owner must not receive profit when the company fails to pay the due debts and other liabilities.

(Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.)

7. Fulfill other obligations prescribed in this Law and the company's charter.

(Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 77. Performance of the company's owner's rights in some special cases

(Thực hiện quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt)

1. When the owner transfers, give part of the charter capital to another organization or individual (hereinafter referred to as entity), or the company has a new member, the company shall be converted into a multi-member limited liability company or joint-stock company, register changes to business registration contents with the business registration authority within 10 days from the date on which capital is transfer, given, or the new member is admitted.

(Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.)

2. In case the company's owner being an individual is detained, sentenced to imprisonment, or deprived of the right to practice by a court as prescribed by law, such member shall authorize another person to perform the rights and obligations of the company's owner.

(Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật, thành viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.)

3. If the company's owner being an individual dies, his/her inheritor according to the will or law shall be the owner or member of the company. The company shall be converted correspondingly and register changes to business registration contents within 10 days from the completion of the inheritance process. If the company's owner being an individual dies without an inheritor or the inheritor renounces the inheritance or has the right to inherit deprived, the owner's stake shall be settled in accordance with regulations of law on civil affairs.

(Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu hoặc thành viên của công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế. Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.)



4. In case the company's owner being an individual becomes legally incompetent, rights and obligations of the company's owner shall be performed by the guardian.

(Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.)

5. If the company's owner being an organization is dissolved or bankrupt, the recipient of the owner's stake shall become the owner or member of the company. The company shall be converted correspondingly and register changes to business registration contents within 10 days from the completion of the transfer process.

(Trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản thì người nhận chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu sẽ trở thành chủ sở hữu hoặc thành viên công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.)

Article 78. Organizational structure of single-member limited liability company under the ownership of an organization

(Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu)

1. A single-member limited liability company under the ownership of an organization shall apply one of the following organizational models:

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu được tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây:)

a) The company's President, Director/General Director, and Controller;

(Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;)

b) The Board of members, Director/General Director, and Controller.

(Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.)

2. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the Chairperson of the Board of members or the company's President shall be the company's legal representative.

(Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty.)

3. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the roles, rights and obligations of the Board of members, the company's President, Director/General Director, and Controller shall comply with this Law.

(Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, thì chức năng, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Luật này.)

Article 79. The Board of members

(Hội đồng thành viên)

1. Members of the Board of members shall be designated and dismissed by the company's owner; there will be 03 – 07 members, the term of office shall not exceed 05 years. The Board of members, on

behalf of the company, shall perform rights and obligations of the company's owner and the company, except for rights and obligations of the Director/General Director; take legal responsibility to the company's owner for the fulfillment of rights and obligations in accordance with this Law and relevant regulations of law.

(Thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm gồm từ 03 đến 07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.)

2. Rights, obligations, and working relationship between the Board of members and the company's owner shall comply with the company's charter Decree relevant regulations of law.

(Quyền, nghĩa vụ và quan hệ làm việc của Hội đồng thành viên đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.)

3. The Chairperson of the Board of members shall be designated by the owner or elected by the Board of members under the majority rule following the procedures prescribed in the company's charter. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the term of office, rights and obligations of the Chairperson of the Board of members shall comply with Article 57 and relevant regulations of this Law.

(Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu bổ nhiệm hoặc do các thành viên Hội đồng thành viên bầu theo nguyên tắc quá bán, theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì nhiệm kỳ, quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 57 và quy định khác có liên quan của Luật này.)

4. The power and method to convene meetings the Board of members shall comply with Article 58 of this Law.

(Thẩm quyền, cách thức triệu tập họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 58 của Luật này.)

5. A meeting of the Board of members shall be held when it is attended at least two thirds of the members. Unless otherwise prescribed by the company's charter, each member shall have one vote with the equal value. The Board of members may ratify decisions by absentee voting.

(Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên dự họp. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Hội đồng thành viên có thể thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.)

6. A Resolution of the Board of members shall be ratified when it is approved by a majority of the attending members. Decisions on amendments to the company's charter, restructuring of the company, transfer of part of or all of the company's charter capital must be approved by at least three fourths of the attending members. The Resolution of the Board of members is effective from the day on which it is ratified or on the date written thereon, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa số thành viên dự họp tán thành. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại công ty, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty phải được ít nhất ba phần tư số thành viên dự họp tán thành. Nghị quyết của

Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày ghi tại nghị quyết đó, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.)

7. Every meeting of the Board of members must be recorded in writing, audio recordings, or other electronic media. Contents of minutes of meetings of the Board of members shall comply with Article 61 of this Law.

(Các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản, có thể được ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên áp dụng theo quy định tại Điều 61 của Luật này.)

Article 80. The company's President *(Chủ tịch công ty)*

1. The company's President is designated by the owner. The company's President, on behalf of the company's owner, shall perform rights and obligations of the company's owner and the company, except for rights and obligations of the Director/General Director; take legal responsibility to the company's owner for the fulfillment of rights and obligations in accordance with this Law, relevant regulations of law, and the company's charter.

(Chủ tịch công ty do chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.)

2. Rights, obligations, and working relationship between the company's President and the company's owner shall comply with the company's charter, this Law, and relevant regulations of law.

(Quyền, nghĩa vụ và chế độ làm việc của Chủ tịch công ty đối với chủ sở hữu công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật này và pháp luật có liên quan.)

3. A decision of the company's President's on performance of rights and obligations of the company's owner is effective from the day on which it is ratified by the company's owner, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Quyết định của Chủ tịch công ty về thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty có hiệu lực kể từ ngày được chủ sở hữu công ty phê duyệt, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.)

Article 81. Director/General Director *(Giám đốc, Tổng giám đốc)*

1. The Board of members or the company's President shall designate or hire Director/General Director, the term of office of whom does not exceed 05 years, to administer the company's everyday business operation. The Director/General Director is legally responsible to the Board of members or the company's President for fulfillment of his/her rights and obligations. The Chairperson of the Board of members, other members of the Board of members, or the company's President may concurrently hold the position of Director (General Director), unless otherwise prescribed by law or the company's charter.

(Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Giám đốc hoặc Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty về



việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trừ trường hợp pháp luật, Điều lệ công ty có quy định khác.)

2. The Director/General Director has the following rights and obligations:

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Organize the implementation of decisions of the Board of members or the company's President;

(Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;)

b) Decide the issues related to the company's everyday business operation;

(Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty;)

c) Organize the implementation of the company's business plans and investment plans;

(Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;)

d) Promulgate the company's rules and regulations;

(Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty;)

dd) Designate, dismiss the company's managers, except for those under the management of the Board of members or the company's President;

(Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý trong công ty, trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;)

e) Sign contracts on behalf of the company, except for those within the competence of the Chairperson of the Board of members or the company's President;

(Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;)

g) Propose organizational structure plan;

(Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;)

h) Submit annual financial statements to the Board of members or the company's President;

(Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;)

i) Propose plans for use of profits or loss settlement;

(Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;)

k) Hire employees;

(Tuyển dụng lao động;)

l) Perform other rights and obligations prescribed in the company's charter, employment contract between Director/General Director and the Chairperson of the Board of members or the company's President.

(Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.)

3. The Director/General Director must:



(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:)

a) be legally competent and not be any of the persons mentioned in Clause 2 Article 18 of this Law;
(Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;)

b) has qualifications and actual experience of the company's administration, unless otherwise prescribed by the company's charter.
(Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của công ty, nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.)

Article 82. Controllers

(Kiểm soát viên)

1. The company's owner shall decide the number of controllers, designate controllers with terms of office not exceeding 05 years, and establishment of the Control Board. Controllers are legally responsible to the company's owner for fulfillment of their rights and obligations.

(Chủ sở hữu công ty quyết định số lượng Kiểm soát viên, bổ nhiệm Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm và việc thành lập Ban kiểm soát. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.)

2. Controllers have the following rights and obligations:

(Kiểm soát viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Inspect the legitimacy, honesty, and cautiousness of the Board of members, the company's President, and the Director/General Director during the performance of the owner's rights and business administration;

(Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;)

b) Verify financial statements, business outcome reports, administration reports, and other reports before submitting them to the company's owner or relevant regulatory bodies; submit verification reports to the company's owner;

(Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;)

c) Propose solutions, organizational structure, and business administration to the company's owner;

(Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;)

d) Examine every document of the company at the company's headquarter, branch, or representative office. Member of the Board of members, the company's President, Director/General Director, and other managers are obliged to provide sufficient and timely information about the performance of the owner's rights and business operation at the request of Controllers;

(Xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người



quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;)

dd) Attend and discuss at meetings of the Board of members and other meetings of the company;
(Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác trong công ty;)

e) Perform other rights and obligations prescribed in the company's charter or at the request, under decisions of the company's owner.

(Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu công ty.)

3. Controllers must:

(Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:)

a) be legally competent and is not any of the persons mentioned in Clause 2 Article 18 of this Law;
(Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;)

b) not be related persons of members of the Board of members, the company's President, Director/General Director, and the person competent to directly designate Controllers;

(Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;)

c) has qualifications in and experience of accounting, audit, or qualifications in and actual experience of the company's business lines, or satisfy other standards and conditions prescribed in the company's charter.

(Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.)

4. The company's charter shall specify the contents and method of cooperation among Controllers.

(Điều lệ công ty quy định cụ thể về nội dung và cách thức phối hợp hoạt động của các Kiểm soát viên.)

Article 83. Responsibilities of members of the Board of members, the company's President, Director/General Director, and Controllers

(Trách nhiệm của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên)

1. Comply with law, the company's charter, decisions of the company's owner with regard to the given rights and obligations.

(Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.)

2. Perform rights and obligations in an honest, discreet manner to ensure the best interests of the company and the company's owner.

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.)

3. Act in the best interest of the company and the company's owner; do not use information, secrets, business opportunities of the company, or abuse the power, or use the company's assets for self-seeking purposes or serving the interests of another entity.

(Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.)

4. Provide timely, sufficient, and accurate information for the company about the enterprises that they or their related persons own or have the controlling stake or shares. This Notice shall be put up at the company's headquarter and branch(es).

(Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.)

5. Other rights and obligations prescribed by this Law and the company's charter.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 84. Wages, salaries, and other benefits of managers and Controllers

(Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty và Kiểm soát viên)

1. Managers and Controllers shall receive wages, salaries, and other benefits according to the business outcome of the company.

(Người quản lý công ty và Kiểm soát viên được hưởng thù lao hoặc tiền lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.)

2. The company's owner shall decide the wages, salaries, and other benefits of members of the Board of members, the company's President, and Controllers. The wages, salaries, and other benefits of managers and Controllers shall be included in operating expense as prescribed by regulations of law on taxation, relevant regulations of law, and recorded as a separate item in the annual financial statement.

(Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty và Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.)

3. Wages, salaries, and other benefits of Controllers may be directly paid by the company's owner as prescribed by the company's charter.

(Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của kiểm soát viên có thể do chủ sở hữu công ty chi trả trực tiếp theo quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 85. Organizational structure of single-member limited liability company under the ownership of an individual

(Cơ cấu tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu)

1. A single-member limited liability company under the ownership of an individual shall have a the company's President and a Director/General Director.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)



2. The company's President may hire a Director/General Director or concurrently hold such position.
(Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)

3. Rights and obligations of the Director/General Director shall be specified in the company's charter and employment contract between the Director/General Director and the company's President.
(Quyền, nghĩa vụ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc hoặc Tổng giám đốc ký với Chủ tịch công ty.)

Article 86. Contracts, transactions between the company and related persons
(Hợp đồng, giao dịch của công ty với những người có liên quan)

1. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the contracts and transactions between a single-member limited liability company under the ownership of an organization and the following persons must be considered and decided by the Board of members or the company's President, the Director/General Director, and Controllers:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tổ chức làm chủ sở hữu với những người sau đây phải được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định:)

a) The company's owner and related persons of the company's owner;
(Chủ sở hữu công ty và người có liên quan của chủ sở hữu công ty;)

b) Members of the Board of members, the Director/General Director, and Controllers;
(Thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên;)

c) Related persons of the persons mentioned in Point b of this Clause;
(Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này;)

d) Managers of the company's owner, persons to designate such managers;
(Người quản lý của chủ sở hữu công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó;)

dd) Relevant persons of the persons mentioned in Point d of this Clause. The person who concludes the contract must send a notification to the Board of members or the company's President, the Director/General Director, and Controllers of the entities related to such contract/transaction. The notification shall be enclosed with the draft contract or main contents of the transaction.

(Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này. Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó.)

2. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the Board of members, the company's President, and Controllers shall decide whether to accept the contract/transaction within 10 days from the day on which the notification is received under the majority rule. Each of the said people has a vote. Persons with related interest must not vote.

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.)



3. A contract/transaction mentioned in Clause 1 of this Article shall only be accepted when all of the conditions below are satisfied:

(Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:)

a) Parties to the contract/transaction are independent legal entities with separate interests, rights, obligations, and assets;

(Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;)

b) Prices in the contract/transaction are market prices at the time the contract is concluded or the transaction is made;

(Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;)

c) The company's owner fulfills the obligations prescribed in Clause 4 Article 76 of this Law.

(Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 4 Điều 76 của Luật này.)

4. The contract/transaction made against the regulations in Clauses 1, 2, and 3 of this Article and causes damage to the company shall be annulled and dealt with as prescribed by law. The person who concludes the contract and related persons of the parties concerned shall be jointly responsible for the damage inflicted and shall pay compensation for such damage, and return to the company the profits derived from such contract/transaction.

(Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được ký kết không đúng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty. Người ký hợp đồng và người có liên quan là các bên của hợp đồng liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.)

5. Every contract and transaction between a single-member limited liability company under the ownership of an individual with the company's owner or related person of the company's owner must be recorded in writing. Such records shall be kept separately as company's documents.

(Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu với chủ sở hữu công ty hoặc người có liên quan của chủ sở hữu công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty.)

Article 87. Adjustment to charter capital

(Thay đổi vốn điều lệ)

1. A single-member limited liability company shall adjust its charter capital in the following cases:

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:)

a) Part of stakes in the company's charter capital is returned, provided that the company has continued its business operation for more than 02 years from the business registration date, and that all debts and liabilities can be paid after the return;

(Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;)



b) Charter capital is not provided by the owner fully and punctually as prescribed in Article 74 of this Law.

(Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 74 của Luật này.)

2. Charter capital of a single-member limited liability company shall be increased when the company's owner makes additional investment or raise additional capital from other persons. The owner shall decide the method and level of increase to charter capital.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.)

3. If charter capital is increased by raising capital from other persons, the company must be converted into one of the following types of business entity:

(Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo một trong hai loại hình sau đây:)

a) a multi-member limited liability company; the company must register changes to business registration contents within 10 days from the completion of charter capital adjustment; or

(Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;)

b) a joint-stock company as prescribed in Article 196 of this Law.

(Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 196 của Luật này.)

Chapter IV STATE-OWNED COMPANIES ***(DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC)***

Article 88. Regulations applied to state-owned companies

(Áp dụng quy định đối với doanh nghiệp nhà nước)

1. State-owned company shall be organized and administered in accordance with this Chapter, corresponding regulations in Section 2 Chapter III, and other relevant regulations of this Law. In case of any discrepancy between Chapter IV and Chapter III and other regulations of this Law, this Law shall prevail.

(Doanh nghiệp nhà nước được tổ chức quản lý theo quy định tại Chương này, các quy định tương ứng tại mục 2 Chương III và các quy định khác có liên quan của Luật này. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Chương IV với Chương III và các quy định có liên quan khác của Luật này, thì áp dụng quy định tại Chương này.)

2. Regulations of Section 1 of Chapter III and Chapter V of this Law shall apply to administration of wholly state-owned companies.

(Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ dưới 100% vốn điều lệ thực hiện theo các quy định tương ứng tại mục 1 Chương III và Chương V của Luật này.)



Article 89. Organizational structure
(Cơ cấu tổ chức quản lý)

The agency that represents the state ownership (hereinafter referred to as representative agency) shall decide whether to operate the state-owned company in the form of a limited liability company using one of the two models prescribed in Clause 1 Article 78 of this Law.

(Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định tổ chức quản lý doanh nghiệp nhà nước dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn theo một trong hai mô hình quy định tại khoản 1 Điều 78 của Luật này.)

Article 90. The Board of members
(Hội đồng thành viên)

1. The Board of members, on behalf of the company, shall exercise the company's rights and obligations in accordance with this Law and relevant regulations of law.

(Hội đồng thành viên nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.)

2. The Board of members consists of not more than 07 people, including the Chairperson and other members. Members of the Board of members are standing members, designated, dismissed, commended, and disciplined by the representative agency.

(Hội đồng thành viên bao gồm Chủ tịch và các thành viên khác, số lượng không quá 07 người. Thành viên Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách và do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức hoặc khen thưởng, kỷ luật.)

3. The term of office of the Chairperson and other members shall not exceed 05 years. Members of the Board of members may be re-designated with a term limit of 02 terms.

(Nhiệm kỳ của Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại nhưng chỉ được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ.)

Article 91. Rights and obligations of the Board of members
(Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên)

1. The Board of members, on behalf of the company, shall perform the rights and obligations of the owner, shareholders, members to the companies under the ownership of the company or the shares/stakes of which are held by the company.

(Hội đồng thành viên nhân danh công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên đối với công ty do công ty làm chủ sở hữu hoặc sở hữu cổ phần, phần vốn góp.)

2. The Board of members has the following rights and obligations:

(Hội đồng thành viên có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Decide the contents prescribed in the Law on management and use of state capital for investment in enterprises;

(Quyết định các nội dung theo quy định tại Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp;)

b) Decide the establishment, restructuring, dissolution of branches, representative office, and financially dependent units;
(Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc;)

c) Decide annual business plans, market development policies, marketing, and technology of the company;
(Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm, chủ trương phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty;)

d) Organize internal audits and decide establishment of the internal audit unit.
(Tổ chức hoạt động kiểm toán nội bộ và quyết định thành lập đơn vị kiểm toán nội bộ của công ty.)

dd) Perform other rights and obligations prescribed by this Law, relevant regulations of law, and the company's charter.
(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.)

Article 92. Conditions and standards of members of the Board of members ***(Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng thành viên)***

A member of the Board of members must:
(Thành viên của Hội đồng thành viên phải:)

1. has qualifications and actual experience of the business administration or of the enterprise's business lines.
(Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của doanh nghiệp.)

2. Not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, sibling, brother-in-law, sister-in-law of the head or deputy head of the representative agency, another member of the Board of members, the Director/Deputy Director or General Director/Deputy General Director, the Chief accountant, or a Controller of the company.
(Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; thành viên Hội đồng thành viên; Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.)

3. Not be an official of a regulatory body, political organizations, socio-political organizations, or not be a manager of a subsidiary.
(Không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc không phải là người quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên.)

4. Not ever be discharged from the position of the Chairperson of the Board of members, member of the Board of members, the company's President, Director/General Director, Deputy Director/Deputy General Director of a state-owned company.
(Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.)

5. satisfy other standards and conditions prescribed by the company's charter.
(Các tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 93. Discharge and dismissal of members of the Board of members
(Miễn nhiệm, cách chức thành viên Hội đồng thành viên)

1. The Chairperson and a member of the Board of members shall be discharged from his/her position if such person:

(Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm trong những trường hợp sau đây:)

a) fails to satisfy the standards and requirements in Article 92 of this Law;
(Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 92 của Luật này;)

b) tenders a resignation and the resignation is accepted in writing by the representative agency;
(Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận bằng văn bản;)

c) receives a decision on resignation or retirement;
(Có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác hoặc nghỉ hưu;)

d) is not capable of the given tasks or legally incompetent;
(Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;)

dd) is not healthy enough or does not have sufficient prestige to hold the position of member of the Board of members.
(Không đủ sức khỏe hoặc không còn uy tín để giữ chức vụ thành viên Hội đồng thành viên.)

2. The Chairperson and a member of the Board of members shall be dismissed in the following cases:
(Chủ tịch và thành viên khác của Hội đồng thành viên bị cách chức trong những trường hợp sau đây:)

a) The company fails to achieve annual targets; fails to maintain and develop capital at the request of the representative agency without justifiable explanation or the explanation that is accepted by the representative agency.
(Công ty không hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch hằng năm, không bảo toàn và phát triển vốn đầu tư theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân không được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;)

b) The person is prosecuted and is declared guilty by the Court;
(Bị truy tố và bị Tòa án tuyên là có tội;)

c) The person is not honest during the performance of his/her rights and duties; abuses of power or position; uses the company's property for self-seeking purpose or serve the interests of another entity; provide false information about the company's business outcomes.



(Không trung thực trong thực thi quyền, nghĩa vụ hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ, sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.)

3. Within 60 days from the day on which the decision on dismissal or discharge is issued, the representative agency shall consider appointing another person.

(Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày có quyết định miễn nhiệm, cách chức, cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định tuyển chọn, bổ nhiệm người khác thay thế.)

Article 94. Chairperson of the Board of members

(Chủ tịch Hội đồng thành viên)

1. The Chairperson of the Board of members shall be designated by the representative agency. The Chairperson of the Board of members must not concurrently hold the position of Director/General Director of the company or other enterprises.

(Chủ tịch Hội đồng thành viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm. Chủ tịch Hội đồng thành viên không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty của công ty mình và các doanh nghiệp khác.)

2. The Chairperson of the Board of members has the following rights and obligations:

(Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Build up quarterly and annual operation plans of the Board of members;

(Xây dựng kế hoạch hoạt động hằng quý và hằng năm của Hội đồng thành viên;)

b) Prepare agenda, documents serving the meeting, or absentee voting of the Board of members;

(Chuẩn bị chương trình, tài liệu cuộc họp hoặc lấy ý kiến Hội đồng thành viên;)

c) Convene and chair meetings of the Board of members or carry out the absentee voting;

(Triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên;)

d) Organize the implementation of Resolutions of the representative agency and the Board of members;

(Tổ chức thực hiện các nghị quyết của cơ quan đại diện chủ sở hữu và nghị quyết Hội đồng thành viên;)

dd) Organize supervision, directly supervise and assess achievements of strategic targets, the company's performance, the Director's or General Director's performance;

(Tổ chức giám sát, trực tiếp giám sát và đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu chiến lược, kết quả hoạt động của công ty, kết quả quản lý điều hành của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;)

e) Provide, disclose information about the company in accordance with law; take responsibility for the sufficiency, accuracy, truthfulness, and systematicness of the information disclosed;

(Tổ chức công bố, công khai thông tin về công ty theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố;)

g) Perform other rights and obligations prescribed by this Law, relevant regulations of law, and the company's charter.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.)



3. Apart from the cases mentioned in Article 93 of this Law, the Chairperson of the Board of members might be dismissed or discharged from duty if failing to perform the duties mentioned in Clause 2 of this Article.

(Ngoài các trường hợp quy định tại Điều 93 của Luật này, Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể bị miễn nhiệm, cách chức nếu không thực hiện được các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.)

Article 95. Rights and obligations of other members of the Board of members *(Quyền và nghĩa vụ của các thành viên khác của Hội đồng thành viên)*

1. Attend meetings of the Board of members, discuss, make proposals, and vote on the issues within the competence of the Board of members.

(Tham dự cuộc họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.)

2. Inspect, consider, examine, copy logbooks, monitor transactions, accounting books, annual financial statement, minutes of meetings of the Board of members, and other documents of the company.

(Kiểm tra, xem xét, tra cứu, sao chép hoặc trích lục sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm, sổ biên bản họp Hội đồng thành viên, các giấy tờ và tài liệu khác của công ty.)

3. Perform other rights and obligations prescribed by this Law, relevant regulations of law, and the company's charter.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.)

Article 96. Responsibilities of the Chairperson and other members *(Trách nhiệm của Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng thành viên)*

1. Comply with law, the company's charter, and decisions of the company's owner.

(Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty.)

2. Perform the given rights and obligations in an honest, careful manner to serve the best legitimate interests of the company and the State.

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của công ty và Nhà nước.)

3. Act in the best interest of the company and the State; do not use the company's business opportunities, information, secrets; do not abuse power or position; not use the company's property for self-seeking purpose or serve the interests of another entity;

(Trung thành với lợi ích của công ty và Nhà nước; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ, tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.)

4. Provide the company with timely, sufficient, and accurate information about the enterprises they and their related person own or have shares or stakes; Such information shall be posted at the company's headquarter and branches.

(Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.)

5. Comply with Resolutions of the Board of members.

(Chấp hành các nghị quyết của Hội đồng thành viên.)

6. Take personal responsibilities for taking advantage of the company's name to commit violations of law; do business or make transactions that does not serve the company's interest and cause damage to other people; pay undue debts when the company is facing financial risks.

(Chịu trách nhiệm cá nhân khi lợi dụng danh nghĩa công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi có nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với công ty.)

7. Any member of the Board of members that discovers another member's violations against his/her obligations shall send a written report to the representative agency, request a termination of the violations and remedial measures.

(Trường hợp phát hiện thành viên Hội đồng thành viên có hành vi vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thành viên khác của Hội đồng thành viên có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản với cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.)

Article 97. Working conditions, requirements and methods for convening meetings of the Board of members

(Chế độ làm việc, điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên)

1. The Board of members shall work as a group; at least a meeting shall be held in a quarter to consider deciding the issues within its competence. With regard to the issues that do not need discussing, the Board of members may carry out absentee voting according to the company's charter.

The Board of members may convene extraordinary meetings to resolve urgent issues at the request of the organization that represents the company's owner or at the request of the Chairperson of the Board of members or when it is requested by more than 50% of members of the Board of members, by the Director/General Director.

(Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ tập thể; họp ít nhất một lần trong một quý để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc quyền, nghĩa vụ của mình. Đối với những vấn đề không yêu cầu thảo luận thì Hội đồng thành viên có thể lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản theo quy định tại Điều lệ công ty.

Hội đồng thành viên có thể họp bất thường để giải quyết những vấn đề cấp bách theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty hoặc theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)

2. The Chairperson of the Board of members or a member authorized by the Chairperson of the Board of members shall prepare the agenda, documents, convene and chair meetings of the Board of members. Members of the Board of members are entitled to propose meeting contents in writing. Contents and documents of the meeting shall be sent to members of the Board of members and invited participants (if any) at least 03 days before the meeting date. Documents related to proposed

amendments to the company's charter, the company's development orientation, restructuring or dissolution of the company must be sent to the members at least 05 days before the meeting date.

(Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền có trách nhiệm chuẩn bị chương trình, nội dung tài liệu, triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng thành viên. Các thành viên Hội đồng thành viên có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Nội dung và các tài liệu cuộc họp phải gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên và các đại biểu được mời dự họp, nếu có trước ngày họp ít nhất 03 ngày làm việc. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến việc kiến nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, thông qua phương hướng phát triển công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp.)

3. The invitations may be made in writing, by phone, fax, or another electronic medium, and sent directly to each member of the Board of members and invited participants. The invitation must specify the time, location, and contents of the meeting. Online meetings may be held where necessary.

(Thông báo mời họp có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên và đại biểu khác được mời dự họp. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp. Hình thức họp trực tuyến có thể được áp dụng khi cần thiết.)

4. A meeting of members of the Board of members is considered valid when it is attended by at least 2/3 of members of the Board of members. A Resolution of the Board of members is ratified when it is voted for by more than half of the participating members; in the event of equal votes, the Chairperson of the Board of members or a person authorized to chair the meeting by the Chairperson of the Board of members shall have the casting vote. Members of the Board of members may reserve their opinions and submit a proposal to the representative agency.

(Cuộc họp lấy ý kiến các thành viên của Hội đồng thành viên hợp lệ khi có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Hội đồng thành viên tham dự. Nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua khi có quá nửa tổng số thành viên tham dự biểu quyết tán thành; trường hợp có số phiếu ngang nhau thì nội dung có phiếu tán thành của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người được Chủ tịch Hội đồng thành viên ủy quyền chủ trì cuộc họp là nội dung được thông qua. Thành viên Hội đồng thành viên có quyền bảo lưu ý kiến của mình và kiến nghị lên cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.)

5. In case of absentee voting of members of the Board of members, the Resolution of the Board of members shall be ratified when it is approved by a majority of the members. A Resolution may be approved by using multiple copies of the same copy if each copy bears at least a signature of a member of the Board of members.

(Trường hợp lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản thì nghị quyết của Hội đồng thành viên được thông qua khi có hơn một nửa tổng số thành viên tán thành. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên.)

6. According to the contents and agenda of the meeting, where necessary, the Board of members is entitled or required to invite competent representatives from relevant agencies/organizations to attend the meeting and discuss the issues. Invited representatives of agencies/organizations may offer their opinions and may not vote. All opinions of invited representatives shall be written in the meeting minutes.

(Căn cứ vào nội dung và chương trình cuộc họp, khi xét thấy cần thiết, Hội đồng thành viên có quyền hoặc có trách nhiệm mời đại diện có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức có liên quan tham dự và

thảo luận các vấn đề cụ thể trong chương trình cuộc họp. Đại diện các cơ quan, tổ chức được mời dự họp có quyền phát biểu ý kiến nhưng không tham gia biểu quyết. Các ý kiến phát biểu của đại diện được mời dự họp được ghi đầy đủ vào biên bản của cuộc họp.)

7. Contents of the issues discussed, opinions, voting result, decisions ratified by the Board of members, and conclusions of meetings of the Board of members shall be recorded in writing. The Chair and secretary of the meeting are jointly responsible for the accuracy and truthfulness of the meeting minutes. The minutes of the meeting must be completed and ratified before the end of the meeting. The meeting minutes must have the following content:

(Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định được Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính trung thực của biên bản họp Hội đồng thành viên. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Time, location, purposes, agenda of the meeting; list of attending members; issues to be discussed and voted; summary of opinions of each member about each issue;

(Thời gian, địa điểm, mục đích, chương trình họp; danh sách thành viên dự họp; vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;)

b) The numbers of affirmative votes and negative votes and abstentions (if applied)

(Số phiếu biểu quyết tán thành và không tán thành đối với trường hợp không áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng hoặc số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với trường hợp có áp dụng phương thức bỏ phiếu trắng;)

c) The decisions ratified, full names and signatures of attending members.

(Các quyết định được thông qua; họ, tên, chữ ký của thành viên dự họp.)

8. Members of the Board of members are entitled to request the Director/General Director or Deputy Director/Deputy General Director, Chief accountant, and the managers of the company and subsidiaries of which 100% charter capital is held by the company, representatives of the company's stakes in other enterprises to provide info, documents about their financial status and performance in accordance with the regulations on information provision promulgated by the Board of members or in accordance with the Resolution of the Board of members. The persons requested to provide information shall provide timely, sufficient, accurate information and documents at the request of members of the Board of members, unless otherwise decided by the Board of members.

(Thành viên Hội đồng thành viên có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý, điều hành trong công ty, công ty con do công ty nắm 100% vốn điều lệ, người đại diện phần vốn góp của công ty tại các doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của doanh nghiệp theo quy chế thông tin do Hội đồng thành viên quy định hoặc theo nghị quyết của Hội đồng thành viên. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng thành viên, trừ trường hợp Hội đồng thành viên có quyết định khác.)

9. The Board of members shall use the executive apparatus, assisting units (if any), and the company's seal to perform their duties.

(Hội đồng thành viên sử dụng bộ máy điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.)

10. Operating cost of the Board of members, salaries, benefits, and other remunerations shall be included in the company's administrative expense.

(Chi phí hoạt động của Hội đồng thành viên, tiền lương, phụ cấp và thù lao khác được tính vào chi phí quản lý công ty.)

11. Where necessary, the Board of members shall seek opinions from Vietnamese and foreign consultants before deciding an importing issue within the competence of the Board of members. The consultancy cost shall be specified in financial management regulations of the company.

(Trường hợp cần thiết, Hội đồng thành viên tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong nước và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của công ty.)

12. The Resolution of the Board of members shall be effective from the day on which it is ratified or from its effective date written therein, except for the cases in which it must be accepted by the representative agency.

(Nghị quyết của Hội đồng thành viên có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong nghị quyết đó, trừ các trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.)

Article 98. The company's President

(Chủ tịch công ty)

1. The company's President shall be designated by the representative agency as prescribed by law. The term of office of the company's President shall not exceed 05 years with a term limit of two terms. Standards, conditions of the company's President, and cases in which the company's President is dismissed, discharged from duty shall comply with Article 92 and Article 93 of this Law.

(Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm theo quy định của pháp luật. Chủ tịch công ty có nhiệm kỳ không quá 05 năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ. Tiêu chuẩn, điều kiện và các trường hợp miễn nhiệm, cách chức Chủ tịch công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 92 và Điều 93 của Luật này.)

2. The company's President shall exercise rights and obligations of the owner's representative in accordance with the Law on management and use of state capital for investment in enterprises; other rights and obligations prescribed in Article 91 and Article 96 of this Law.

(Chủ tịch công ty thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại công ty theo quy định của Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 91 và Điều 96 của Luật này.)

3. Salary, bonuses, and other benefits of the company's President shall be decided by the representative agency and included in the company's administrative expense.

(Tiền lương, thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch công ty do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và được tính vào chi phí quản lý công ty.)

4. The company's President shall use the executive apparatus, assisting units (if any), and the company's seal to perform his/her duties. Where necessary, the company's President shall consult with Vietnamese and foreign experts before deciding an importing issue within the competence of the company's President. The consultancy cost shall be specified in financial management regulations of the company.



(Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc (nếu có) và con dấu của công ty để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty tổ chức việc lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của công ty.)

5. The decisions mentioned in Clause 2 of this Article must be made in writing and bear the signature of the company's President, even if the company's President concurrently holds the position of Director/General Director.

(Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch công ty bao gồm cả trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)

6. A Decision of the company's President shall be effective from the day on which it is signed or from its effective date written therein, except for the cases in which it must be accepted by the representative agency.

(Quyết định của Chủ tịch công ty có hiệu lực kể từ ngày ký hoặc từ ngày có hiệu lực ghi trong quyết định đó, trừ trường hợp phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.)

7. Where the company's President is not present in Vietnam for more than 30 days, another person must be authorized in writing to perform some of the rights and obligations of the company's President's; the authorization must be made in writing and a written notification shall be promptly sent to the representative agency. Other cases of authorization shall comply with the company's rules and regulations.

(Trường hợp Chủ tịch công ty vắng mặt ở Việt Nam trên 30 ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện một số quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch công ty; việc ủy quyền phải được thông báo kịp thời bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu. Các trường hợp ủy quyền khác thực hiện theo quy định tại quy chế quản lý nội bộ của công ty.)

Article 99. Director/General Director

(Giám đốc, Tổng giám đốc công ty)

1. The Director/General Director shall be designated by the Board of members or the company's President, or hired according to a personnel plan approved by the representative agency. A company shall have one or some Deputy General Director/Deputy General Director. The quantity of Deputy Director/Deputy General Director, the power to designate Deputy General Director/Deputy General Director shall be specified in the company's charter. Rights and obligations of the Deputy Director/Deputy General Director shall be specified in the company's charter or employment contract.

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty do Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận. Công ty có một hoặc một số Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc. Số lượng, thẩm quyền bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty. Quyền và nghĩa vụ của Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc quy định tại Điều lệ công ty hoặc hợp đồng lao động.)

2. The Director/General Director shall run the company's everyday operation and has the following rights and obligations:

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có nhiệm vụ điều hành các hoạt động hằng ngày của công ty và có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

- a) Organize the implementation of the company's business plans and investment plans and assess the results thereof;
(Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của công ty;)
- b) Organize the implementation of Resolutions of the Board of members, the company's President, and the representative agency; assess the result thereof;
(Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty;)
- c) Decide the company's everyday tasks;
(Quyết định các công việc hằng ngày của công ty;)
- d) Promulgate the company's rules and regulations, which have been approved by the Board of members or the company's President;
(Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty đã được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty chấp thuận;)
- dd) Sign contracts, agreements on behalf of the company, except for those within the competence of the Chairperson of the Board of members or the company's President;
(Ký hợp đồng, thỏa thuận nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;)
- e) Designate, hire, dismiss, discharge from duty, terminate employment contracts with the company's managers, except for those under the management of the Board of members or the company's President;
(Bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;)
- g) Hire employees;
(Tuyển dụng lao động;)
- h) Make and submit quarterly, annual reports on achievement of business targets, annual financial statement to the Board of members or the company's President;
(Lập và trình Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh và báo cáo tài chính hằng năm;)
- i) Propose restructuring plan where necessary;
(Kiến nghị phương án tổ chức lại công ty, khi xét thấy cần thiết;)
- k) Propose distribution and use of post-profit and other financial obligations of the company;
(Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;)
- l) Perform other rights and obligations prescribed by law and the company's charter.
(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

Article 100. Standards and conditions of Director/General Director
(Tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc, Tổng giám đốc)

The Director/Deputy Director must:

1. Has qualifications and actual experience of the business administration or of the company's business lines

(Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.)

2. Not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, brother, sister of the manager of head or deputy head of the representative agency.

(Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu.)

3. Not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, brother, sister of the manager of any member of the Board of members.

(Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng thành viên.)

4. Not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, brother, sister of the Deputy Director/Deputy General Director or Chief accountant of the company.

(Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty.)

5. Not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, brother, sister, brother-in-law, sister-in-law of the company's Controller.

(Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Kiểm soát viên công ty.)

6. Not concurrently hold the position of official in a regulatory agency, political organization, or socio-political organization.

(Không đồng thời là cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.)

7. Not ever be discharged from the position of the Chairperson of the Board of members, member of the Board of members, the company's President, Director/General Director, Deputy Director/Deputy General Director of another state-owned company.

(Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.)

8. Not concurrently hold the position of Director/General Director of another enterprise.

(Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.)

9. Satisfy other standards and conditions prescribed by the company's charter.

(Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 101. Dismissal, discharge from duty of Director/General Director and other managers

(Miễn nhiệm, cách chức đối với Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý công ty khác)



1. The Director/General Director shall be dismissed when he/she:
(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:)

a) fails to satisfy the standards and requirements in Article 100 of this Law;
(Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 100 của Luật này;)

b) tenders a resignation.
(Có đơn xin nghỉ việc.)

2. The Director/General Director shall be discharged from duty in the following cases:
(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc bị cách chức trong các trường hợp sau đây:)

a) The enterprise fails to preserve the capital as prescribed by law;
(Doanh nghiệp không bảo toàn được vốn theo quy định pháp luật;)

b) The enterprise fails to achieve annual business targets;
(Doanh nghiệp không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;)

c) The qualifications and competency of the Director/General Director do not meet the requirements for the new business plan and development strategy of the enterprise.
(Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp;)

d) The enterprise commits violations of law or its business operation is against the law;
(Doanh nghiệp vi phạm pháp luật hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định của pháp luật;)

dd) Any of the manager's duties is violated according to Article 96 of this law;
(Vi phạm một trong số các nghĩa vụ của người quản lý quy định tại Điều 96 của Luật này;)

e) Other cases prescribed by the company's charter.
(Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.)

3. The cases in which the Deputy Director/Deputy General Director, Chief accountant, and other managers are dismissed and discharged from duty shall be specified by the company's charter.
(Trường hợp miễn nhiệm, cách chức đối với Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý công ty khác do Điều lệ công ty quy định.)

Article 102. Control Board ***(Ban kiểm soát)***

1. Depending on the scale of the company, the representative agency shall appoint 01 Controller or establish a the Control Board that consist of 03 – 05 Controllers. A controller of a company has a term of office of up to 05 years with a term limit of 02 terms.
(Căn cứ quy mô của công ty, cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm 01 Kiểm soát viên hoặc thành lập Ban kiểm soát gồm 03 đến 05 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ Kiểm soát viên không quá 05 năm và được bổ nhiệm lại nhưng mỗi cá nhân chỉ được bổ nhiệm làm Kiểm soát viên của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ.)



2. The Control Board has the following rights and obligations:

(Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Supervise the implementation of development plans, business plans, achievement of strategic targets and planned targets of the company;

(Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh, thực hiện các mục tiêu chiến lược và mục tiêu kế hoạch của công ty;)

b) Supervise, assess the performance of rights and obligations of members of the Board of members, the Board of members, Director/General Director of the company;

(Giám sát và đánh giá việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên và Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;)

c) Supervise, assess the effect and conformity with regulations on internal audit, risk management and reduction, reporting, and other administrative regulations of the company;

(Giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;)

d) Supervise the legitimacy, systematicness, and truthfulness of accounting works, accounting books, financial statements, appendices and relevant documents;

(Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;)

dd) Supervise transactions between the company and related parties;

(Giám sát các giao dịch của công ty với các bên có liên quan;)

e) Supervise implementation of major projects of investment, major or unusual purchases, sales, and other transactions of the company;

(Giám sát thực hiện các dự án đầu tư lớn, giao dịch mua, bán và giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn hoặc giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;)

g) Make and send report on assessment, proposals mentioned in Points a, b, c, d, dd, and e of this Clause to the representative agency and the Board of members;

(Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về các nội dung quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu và Hội đồng thành viên;)

h) Perform other rights and obligations at the request of the representative agency or according to the company's charter.

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc quy định tại Điều lệ công ty.)

3. Salaries, bonuses of Controllers shall be decided and paid by the representative agency.

(Tiền lương, thưởng của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định và chi trả.)

4. Government shall elaborate this Article.

(Chính phủ quy định chi tiết Điều này.)



Article 103. Conditions and standards of Controllers

(Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Kiểm soát viên)

A Controller must:

1. Be professionally trained in finance, accounting, audit, law, business administration, and has at least 03 years' experience; the Chief Controller must have qualifications and have at least 05 years' experience of finance, accounting, audit, law, business administration

(Được đào tạo một trong các chuyên ngành về tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc; Trưởng Ban kiểm soát phải có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc liên quan đến chuyên ngành tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh được đào tạo.)

2. Not be a company's employee.

(Không phải là người lao động của công ty.)

3. Not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, brother, sister, brother-in-law, sister-in-law of the following entities.

(Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của đối tượng sau đây:)

a) The head and deputy head of the representative agency;

(Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty;)

b) Members of the Board of members of the company;

(Thành viên Hội đồng thành viên của công ty;)

c) Deputy Director/Deputy General Director and Chief accountant of the company;

(Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty;)

d) Other Controllers of the company.

(Kiểm soát viên khác của công ty.)

4. Not concurrently hold the position of Director/General Director of another enterprise.

(Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.)

5. Not concurrently hold the position of Controller, member of the Board of members, member of the Board of Directors of a enterprise other than state-owned enterprises.

(Không được đồng thời là Kiểm soát viên, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng quản trị của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước.)

6. Satisfy other standards and conditions prescribed by the company's charter.

(Các tiêu chuẩn và điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 104. Rights of the Control Board and Controllers

(Quyền của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên)

1. Attend meetings of the Board of members, consultancies, official and unofficial discussions between the representative agency and the Board of members; enquire the Board of members, members of the Board of members, and Director/General Director about the plans, projects, development investment programs, and other decisions related to the company's administration.



(Tham gia các cuộc họp của Hội đồng thành viên, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Hội đồng thành viên; có quyền chất vấn Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành công ty.)

2. Examine accounting books, reports, contracts, transactions, and other documents of the company; inspect the administration of the Board of members, members of the Board of members, Director/General Director where necessary or at the request of the representative agency.

(Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.)

3. Examine, assess the business performance and financial status of the company, the effect of internal administration regulations of the company.

(Xem xét, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của công ty, thực trạng vận hành và hiệu lực các quy chế quản trị nội bộ công ty.)

4. Request members of the Board of members, the Director/General Director or Deputy Director/Deputy General Director, Chief accountant, and other managers to report and provide information within the scope of management and investment, business operation of the company.

(Yêu cầu thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của công ty.)

5. Request the company's managers to report the financial status, business performance of subsidiaries where necessary for fulfillments of duties as prescribed by law and the company's charter.

(Yêu cầu những người quản lý công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của công ty con khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

6. Report members of the Board of Members, Director/General Director, or other managers who act against their rights and obligations or are likely to do so; report violations against the law, regulations on economic management, the company's charter, internal administration regulations to the representative agency, other members of the Control Board, and relevant individuals.

(Trường hợp phát hiện có thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và những người quản lý khác làm trái các quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái các quy định đó; hoặc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, làm trái các quy định về quản lý kinh tế, trái quy định Điều lệ công ty hoặc các quy chế quản trị nội bộ công ty phải báo cáo ngay cho cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty, các thành viên khác của Ban kiểm soát và cá nhân có liên quan.)

7. Request the representative agency to establish a unit specialized in consulting audit and assisting the Control Board in performance of their given rights and obligations.

(Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Ban kiểm soát thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.)

8. Exercise other rights prescribed by the company's charter.

(Thực hiện các quyền khác quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 105. Working mode of the Control Board and Controllers
(Chế độ làm việc của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên)

1. The Chief of the Control Board is the standing officer of the company; other members may participate in Control Boards of up to 04 state-owned companies, provided such participation is approved in writing by the representative agency.

(Trưởng Ban kiểm soát làm việc chuyên trách tại công ty; các thành viên khác có thể tham gia Ban kiểm soát của không quá 04 doanh nghiệp nhà nước nhưng phải được sự đồng ý bằng văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu.)

2. Chief of the Control Board shall formulate monthly, quarterly, and annual working plan of the Control Board; assign tasks to each member.

(Trưởng Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch công tác hằng tháng, hằng quý và hằng năm của Ban kiểm soát; phân công nhiệm vụ và công việc cụ thể cho từng thành viên.)

3. Controllers shall independently and proactively perform the given tasks; propose off-plan tasks where necessary.

(Kiểm soát viên độc lập và chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.)

4. The Control Board shall hold at least one meeting a month to review and ratify reports on controlling result of the month, then submit them to the representative agency; discuss and ratify the next working plans of the Control Board.

(Ban kiểm soát họp ít nhất mỗi tháng một lần để rà soát, đánh giá, thông qua báo cáo kết quả kiểm soát trong tháng trình cơ quan đại diện chủ sở hữu; thảo luận và thông qua kế hoạch hoạt động tiếp theo của Ban kiểm soát.)

5. A decision of the Control Board shall be ratified when it is approved by a majority of the attending member. Every opinion in contravention of the ratified decision must be accurately recorded and report to the representative agency.

(Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua khi có đa số thành viên dự họp tán thành. Các ý kiến khác với nội dung quyết định đã được thông qua phải được ghi chép đầy đủ, chính xác và báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu.)

Article 106. Responsibilities of Controllers
(Trách nhiệm của Kiểm soát viên)

1. Comply with law, the company's charter, decisions of the representative agency, and professional while performing the rights and obligations prescribed in this Law and the company's charter.

(Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định tại Luật này và Điều lệ công ty.)

2. Perform the given rights and obligations in an honest, careful manner to serve the best legitimate interests of the State and related parties.

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích của Nhà nước và lợi ích hợp pháp của các bên tại công ty.)

3. Act in the best interest of the company and the State; do not use the company's business opportunities, information, secrets; do not abuse power or position; do not use the company's property for self-seeking purpose or serve the interests of another entity;

(Trung thành với lợi ích của Nhà nước và công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, lạm dụng địa vị, chức vụ, tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.)

4. Fulfill other obligations prescribed in this Law and the company's charter.

(Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

5. Any Controller that violates against the obligations prescribed in Clause 1, 2, 3, or 4 of this Article and causes damage to the company shall take personal responsibility or pay compensation for such damage; such Controller may also face disciplinary actions, administrative penalties, or criminal prosecution depending on the nature and severity of the violations.

(Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định pháp luật.)

6. All incomes and benefits derived from the violations against obligations prescribed in Clause 1, 2, 3, or 4 of this Article shall be returned to the company.

(Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này đều phải trả lại công ty.)

7. Any member of the Control Board that discovers another member's violations against his/her obligations shall send a written report to the representative agency, request a termination of the violations and remedial measures.

(Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thành viên khác của Ban kiểm soát có nghĩa vụ báo cáo bằng văn bản đến cơ quan đại diện chủ sở hữu; yêu cầu chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.)

Article 107. Dismissal and discharge from duty of Controllers

(Miễn nhiệm, cách chức Kiểm soát viên)

1. A controller shall be dismissed when he/she:

(Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:)

a) no longer meets the standards and requirements in Article 103 of this Law;

(Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 103 của Luật này;)

b) tenders a resignation and the resignation is accepted by the representative agency;

(Có đơn xin từ chức và được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận;)

c) is requested by the representative agency or another competent authorities to undertake other tasks;

(Được cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan có thẩm quyền khác điều động, phân công thực hiện nhiệm vụ khác;)

d) Other cases prescribed by the company's charter.



(Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.)

2. A controller shall be discharged from duty when he/she:

(Kiểm soát viên bị cách chức trong các trường hợp sau đây:)

a) fails to fulfilled the given tasks and duties;

(Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;)

b) fails to perform his/her rights and obligations for 03 consecutive months, except for force majeure events;

(Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, trong 03 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;)

c) commits serious violations or repeat violations against Controllers' duties prescribed in this Law and the company's charter;

(Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;)

d) Other cases prescribed by the company's charter.

(Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 108. Periodic information provision

(Công bố thông tin định kỳ)

1. The company must periodically provide the following information on its website and on the website of the representative agency:

(Công ty phải công bố định kỳ trên trang thông tin điện tử của công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu những thông tin sau đây:)

a) Basic information about the company and the company's charter;

(Thông tin cơ bản về công ty và điều lệ công ty;)

b) Overall targets, specific targets of the annual business plan;

(Mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh hằng năm;)

c) Report and summary of the annual financial statement which has been audited by a independent audit organization within 150 days from the end of the fiscal year;

(Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập trong thời hạn không quá 150 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính;)

d) Report and summary of the mid-year financial statement which has been audited by a independent audit organization; this information must be provided before July 31 every year; The information to be provided mentioned in Point c and Point d of this Clause includes financial statements of the parent company and the consolidated financial statement;

(Báo cáo và tóm tắt Báo cáo tài chính giữa năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập; thời hạn công bố phải trước ngày 31 tháng 07 hằng năm; Nội dung công bố thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản này bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất;)



dd) Report on implementation of the annual business plans and those of the latest 03 years before the reported year;

(Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và 03 năm gần nhất tính đến năm báo cáo;)

e) Reports on fulfillment of public duties given according to plan or bidding (if any) and other social duties;

(Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích được giao theo kế hoạch hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;)

g) Report on the company's administration and organizational structure.

(Báo cáo về thực trạng quản trị, cơ cấu tổ chức công ty.)

2. The report on the company's administration shall contain the information below:

(Báo cáo thực trạng quản trị công ty bao gồm các thông tin sau đây:)

a) Information about the representative agency, the head and deputy head of the representative agency;

(Thông tin về cơ quan đại diện chủ sở hữu, người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu;)

b) Information about the company's manager, including his/her qualifications, professional experience, managerial positions they held, method of designation, current positions, their salaries, bonuses, method of payment of salaries and other benefits; their related persons and related interests to the company; the manager's annual self-assessment;

(Thông tin về người quản lý công ty, bao gồm trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghề nghiệp, các vị trí quản lý đã nắm giữ, cách thức được bổ nhiệm, công việc quản lý được giao, mức tiền lương, thưởng, cách thức trả tiền lương và các lợi ích khác; những người có liên quan và ích lợi có liên quan của họ với công ty; bản tự kiểm điểm, đánh giá hằng năm của họ trên cương vị là người quản lý công ty;)

c) Relevant decisions of the representative agency; decisions, Resolutions of the Board of members or the company's President;

(Các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu; các quyết định, nghị quyết của Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty;)

d) Information about the Control Board, Controllers, and their activities;

(Thông tin về Ban kiểm soát, Kiểm soát viên và hoạt động của họ;)

dd) Information about Employee Congresses, average quantity of employees every year and on the reporting date; annual average salary and other benefits of an employee;

(Thông tin về Đại hội công nhân, viên chức; số lượng lao động bình quân năm và tại thời điểm báo cáo, tiền lương và lợi ích khác bình quân năm trên người lao động;)

e) Report on conclusion of inspecting body (if any) and reports of the Control Board, Controllers;

(Báo cáo kết luận của cơ quan thanh tra (nếu có) và các báo cáo của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên;)

g) Information about related parties of the company, transactions between the company and related parties;

(Thông tin về các bên có liên quan của công ty, giao dịch của công ty với bên có liên quan;)



h) Other information prescribed by the company's charter.

(Các thông tin khác theo quy định của Điều lệ công ty.)

3. Information reported and disclosed must be sufficient, accurate, and timely as prescribed by law.

(Thông tin được báo cáo và công bố phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật.)

4. The legal representative or an authorized person shall disclose information. The legal representative is responsible for the sufficiency, accuracy, truthfulness, and systematicness of the information disclosed.

(Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện công bố thông tin. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.)

5. Government shall elaborate this Article.

(Chính phủ quy định chi tiết Điều này.)

Article 109. Extraordinary information disclosure

(Công bố thông tin bất thường)

1. Extraordinary information must be disclosed on the company's website, publications, and posted at the company's headquarter and business locations within 36 hours from the occurrence of any of the events below:

(Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử và ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính và địa điểm kinh doanh của công ty về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:)

a) The company's bank account is frozen or unfrozen;

(Tài khoản của công ty tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;)

b) Part of or all of the business operation is suspended; the Certificate of Business registration, license for establishment, license for establishment and operation, or any license related to the company's business is revoked;

(Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hoạt động hoặc giấy phép khác liên quan đến kinh doanh của công ty;)

c) The Certificate of Business registration, license for establishment, license for establishment and operation, or any license/certificate related to the company's operation is adjusted;

(Sửa đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bất kỳ giấy phép, giấy chứng nhận khác có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp;)

d) Replacement of managers, including members of the Board of members, the company's President, Director/General Director or Deputy Director/Deputy General Director, Chief Controller, Controllers, Chief accountant, Head of Finance and Accounting Department;

(Thay đổi người quản lý công ty, gồm thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên, Kế toán trưởng, trưởng phòng tài chính kế toán;)

dd) There is a decision on disciplinary action, prosecution, a court's sentence of decision against one of the enterprise's manager;

(Có quyết định kỷ luật, khởi tố, có bản án, quyết định của Tòa án đối với một trong số các người quản lý doanh nghiệp;)

e) The inspecting body or tax authority concludes that the enterprise commits violations of law;

(Có kết luận của cơ quan thanh tra hoặc của cơ quan quản lý thuế về việc vi phạm pháp luật của doanh nghiệp;)

g) There is a decision to change the independent audit organization or the financial audit is refused;

(Có quyết định thay đổi tổ chức kiểm toán độc lập, hoặc bị từ chối kiểm toán báo cáo tài chính;)

h) There is a decision on establishment, dissolution, amalgamation, merger, conversion of subsidiaries; decision on investment, capital decrease, or withdrawal capital in other companies.

(Có quyết định, thành lập, giải thể, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty con; quyết định đầu tư, giảm vốn hoặc thoái vốn đầu tư tại các công ty khác.)

2. Government shall elaborate this Article.

(Chính phủ quy định chi tiết Điều này.)

Chapter V **JOINT-STOCK COMPANIES** ***(CÔNG TY CỔ PHẦN)***

Article 110. JOINT-STOCK COMPANIES

(Công ty cổ phần)

1. A joint-stock company is a enterprise of which:

(Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó:)

a) Charter capital is split into multiple units of equal value called shares;

(Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần;)

b) Shareholders may be organizations and individuals; the minimum quantity of shareholders is 03; the maximum quantity is not restricted.

(Cổ đông có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng cổ đông tối thiểu là 03 và không hạn chế số lượng tối đa;)

c) Shareholders are only liable for the enterprise's debts and other liabilities up to the value of capital contributed to the enterprise;

(Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã góp vào doanh nghiệp;)



d) Shareholders are entitled to transfer their shares to other persons, except for the cases in Clause 3 Article 119 and Clause 1 Article 126 of this Law.

(Cổ đông có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật này.)

2. A joint-stock company has its legal status from the issuance date of the Certificate of Business registration.

(Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

3. Joint-stock companies are entitled to issue various types of shares to raise capital.

(Công ty cổ phần có quyền phát hành cổ phần các loại để huy động vốn.)

Article 111. Capital of joint-stock companies

(Vốn công ty cổ phần)

1. Charter capital of a joint-stock company is to total face value of sold shares. Charter capital of a joint-stock company on the business registration date is total face value of registered shares of various types. Charter capital is specified in the company's charter.

(Vốn điều lệ công ty cổ phần là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán các loại. Vốn điều lệ của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp là tổng giá trị mệnh giá cổ phần các loại đã được đăng ký mua và được ghi trong Điều lệ công ty.)

2. Sold shares are the amount of authorized shares that have been paid-off by shareholders to the company. On the enterprise registration date, sold shares are the total amount of registered shares.

(Cổ phần đã bán là số cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho công ty. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần đã bán là tổng số cổ phần các loại đã được đăng ký mua.)

3. Authorized shares are the total amount of shares of various types that the General Meeting of Shareholders decides to offer to raise capital. The amount of authorized shares on the business registration date is the total amount of shares of various types that will be sold by the company to raise capital, including registered shares and unregistered shares.

(Cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn. Số cổ phần được quyền chào bán của công ty cổ phần tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng số cổ phần các loại mà công ty sẽ bán để huy động vốn, bao gồm cổ phần đã được đăng ký mua và cổ phần chưa được đăng ký mua.)

4. Unsold shares are authorized shares that have not been paid-off. On the enterprise registration date, unsold shares are the total amount of shares that are not registered by shareholders.

(Cổ phần chưa bán là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán. Tại thời điểm đăng ký thành lập doanh nghiệp, cổ phần chưa bán là tổng số cổ phần mà chưa được các cổ đông đăng ký mua.)

5. The company may changes its charter capital in the following cases:

(Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:)

a) According to a decision of the General Meeting of Shareholders, the company returns part of the stakes to shareholders in proportion to their holding, provided that the company has continued its

business operation for more than 02 years from the business registration date, and that all debts and liabilities can be paid after the return;

(Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;)

b) The company repurchases issued shares as prescribed in Article 129 and Article 130 of this Law;
(Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này;)

c) Charter capital is not contributed fully and punctually by members as prescribed in Article 112 of this Law
(Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật này.)

Article 112. Payment for shares registered upon business registration *(Thanh toán cổ phần đã đăng ký mua khi đăng ký doanh nghiệp)*

1. Shareholders shall fully pay for the registered shares within 90 days from the issuance date of the Certificate of Business registration, unless a shorter time limit is prescribed by the company's charter or the share registration contract. The Board of Directors shall supervise and urge shareholders to pay for the registered shares fully and punctually.

(Các cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc hợp đồng đăng ký mua cổ phần quy định một thời hạn khác ngắn hơn. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm giám sát, đôn đốc thanh toán đủ và đúng hạn các cổ phần các cổ đông đã đăng ký mua.)

2. Within the period from the issuance date of the Certificate of Business registration to the deadline for fully paying for registered shares prescribed in Clause 1 of this Article, the number of votes shall be the number of ordinary registered shares, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Trong thời hạn từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày cuối cùng phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua quy định tại khoản 1 Điều này, số phiếu biểu quyết của các cổ đông được tính theo số cổ phần phổ thông đã được đăng ký mua, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.)

3. If a shareholder fails to pay or fails to pay completely for the ordered shares, the following regulations shall apply:

(Nếu sau thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này có cổ đông chưa thanh toán hoặc chỉ thanh toán được một phần số cổ phần đã đăng ký mua, thì thực hiện theo quy định sau đây:)

a) The shareholders that fails to pay for the registered shares is obviously no longer a shareholder of the company and must not transfer the call option to another person;

(Cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác;)

b) The shareholder that pays for part of the registered shares shall have the right to vote, receive dividends, and other rights corresponding to the paid shares; must not transfer the call option of the unpaid shares to another person;

(Cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán; không được chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác;)

c) The unpaid shares shall be considered unsold shares, which may be offered by the Board of Directors;

(Số cổ phần chưa thanh toán được coi là cổ phần chưa bán và Hội đồng quản trị được quyền bán;)

d) The company shall register an adjustment to charter capital to the total face value of shares paid fully and change of founding shareholders within 30 days from the deadline for paying for registered shares mentioned in Clause 1 of this Article.

(Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ và thay đổi cổ đông sáng lập trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định tại khoản 1 Điều này.)

4. The shareholder that fails to pay or fails to pay completely for the registered shares shall have responsibility for financial obligations of the company which are incurred during the period mentioned in Clause 1 of this Article. Nevertheless, the responsibility shall be proportional to the total face value of such registered shares. Members of the Board of Directors, the legal representative shall take joint responsibility for damage caused by the failure to adhere to Clause 1 and Point d Clause 3 of this Article.

(Cổ đông chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm liên đới về các thiệt hại phát sinh do không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại khoản 1 và điểm d khoản 3 Điều này.)

Article 113. Types of shares

(Các loại cổ phần)

1. A joint-stock company must have ordinary shares. Holders of ordinary shares are ordinary shareholders.

(Công ty cổ phần phải có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.)

2. Apart from ordinary shares, a joint-stock company may have preferred shares. Holders of preferred shares are called preferred shareholders. Preferred shares include:

(Ngoài cổ phần phổ thông, công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:)

a) Voting preference shares;

(Cổ phần ưu đãi biểu quyết;)

b) Shares with preferred dividends;

(Cổ phần ưu đãi cổ tức;)

c) Redeemable preferred shares;

(Cổ phần ưu đãi hoàn lại;)



d) Other preferred shares defined by the company's charter.
(Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.)

3. Only organizations authorized by the government and founding shareholders may hold voting preference shares. The voting preference of founding shareholders is only effective for 03 years from the issuance date of the Certificate of Business registration. After this period, voting preference shares of founding shareholders shall be converted into ordinary shares.

(Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.)

4. The persons entitled to buy shares with preferred dividends, redeemable preferred shares, and other preferred shares shall be prescribed by the company's charter or the General Meeting of Shareholders.

(Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.)

5. Each share of the same types provides its holder with equal rights, obligations, and interests.

(Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.)

6. Ordinary shares cannot be converted into preferred shares. Preferred shares may be converted into ordinary shares under the Resolution of the General Meeting of Shareholders.

(Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.)

Article 114. Rights of ordinary shareholders

(Quyền của cổ đông phổ thông)

1. Every ordinary shareholder is entitled to:

(Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:)

a) Attend and give opinions at the General Meetings of Shareholders; exercise the right to vote directly or via an authorized representative or in another form permitted by law or the company's charter. Each ordinary share has a vote;

(Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;)

b) Receive dividends at a rate decided by the General Meeting of Shareholders;

(Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;)

c) Has the preemptive right when buying newly-offered shares in proportion to his/her ordinary shares;

(Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;)

d) Transfer his/her shares to other persons, except for the cases in Clause 3 Article 119 and Clause 1 Article 126 of this Law;



(Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật này;)

dd) Examine and collect information from the List of shareholders having voting right; request adjustments to incorrect information;

(Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;)

e) Examine, copy the company's charter, minutes of General Meeting of Shareholders, and Resolutions of the General Meeting of Shareholders;

(Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;)

g) Receive a proportion of remaining asset which is proportional to his/her holdings when the company is dissolved or bankrupt.

(Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty;)

2. Any shareholder or group of shareholders that holds at least 10% of ordinary shares for at least 06 consecutive months (or a smaller amount prescribed by the company's charter) shall have the right to:

(Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty có các quyền sau đây:)

a) Nominate candidates for the Board of Directors and the Control Board;

(Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;)

b) Examine, copy minutes of meetings and Resolutions of the Board of Directors, mid-year and annual financial statement using the forms of Vietnam's Accounting System, and reports of the Control Board;

(Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát;)

c) Request convention of the General Meeting of Shareholders in the cases mentioned in Clause 3 of this Article;

(Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;)

d) Request the Control Board to inspect each issue related to the company's administration where necessary. The request shall be made in writing, bear the full name, address, Nationality, ID/passport number if the shareholder is an individual; name, permanent residence, nationality, establishment decision number or business registration number if the shareholder is an organization; the holding and time of shares registration of each shareholder; total shares of the group of shareholders and the proportion of shares to the company's total shares; the issues that need inspecting, and inspection purposes;

(Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;)



dd) Exercise other rights prescribed in this Law and the company's charter.
(Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

3. The shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2 of this Article is entitled to request the convention of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

(Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:)

a) The Board of Directors commits serious violations against the rights of share holders, obligations of managers, or make decisions ultra vires;

(Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;)

b) The term of office of the current the Board of Directors has exceeded 06 months and a new the Board of Directors is not elected;

(Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;)

c) Other cases prescribed by the company's charter. The request for convention of the General Meeting of Shareholders shall be made in writing, bear the full name, address, Nationality, ID/passport number if the shareholder is an individual, name, enterprise identification number or establishment decision number, and headquarter address if the shareholder is an organization; the holding and time of shares registration of each shareholder; total shares of the whole group of shareholders and the proportion of shares to the company's total shares; the basis and reason for requesting the convention of the General Meeting of Shareholders. The request must be enclosed with documents and evidence of violations committed by the Board of Directors, seriousness of the violations, or the decisions made ultra vires.

(Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.)

4. Unless otherwise prescribed by the company's charter, nomination of candidates for the Board of Directors and the Control Board as prescribed in Point a Clause 2 of this Article shall be carried out as follows:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định, tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:)

a) Ordinary shareholders shall form a group to nominate candidates to the Board of Directors and the Control Board shall notify the meetings of groups of attending shareholders before the opening of the General Meeting of Shareholders;

(Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;)

b) According to the number of Members of the Board of Directors and the Control Board, the shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2 of this Article shall nominate one or some candidates for the Board of Directors and the Control Board under a decision of the General Meeting of Shareholders. In case the number of candidates nominated is smaller than the maximum number of candidates they may nominate according to a decision of the General Meeting of Shareholders, other candidates shall be nominated by the Board of Directors, the Control Board, and other shareholders.

(Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.)

5. Exercise other rights prescribed in this Law and the company's charter.

(Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 115. Rights of ordinary shareholders

(Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông)

1. Pay for the ordered shares fully and punctually. Do not withdraw capital contributed by ordinary shares in any shape or form, unless such shares are repurchased by the company or other persons. In case a shareholder withdraws part of or all of the share capital contributed against this Clause, such shareholder and people with related interests in the company are jointly responsible for the debts and other liabilities of the company up to the value of withdrawn shares and the damage caused.

(Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.)

2. Comply with the company's charter, rules and regulations.

(Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của công ty.)

3. Comply with Resolutions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors.

(Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.)

4. Fulfill other obligations prescribed in this Law and the company's charter.

(Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 116. Voting preference shares and rights of holders thereof

(Cổ phần ưu đãi biểu quyết và quyền của cổ đông ưu đãi biểu quyết)

1. Voting preference shares are the shares with more votes than ordinary shares; the number of votes of a voting preference share shall be prescribed by the company's charter.

(Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần có số phiếu biểu quyết nhiều hơn so với cổ phần phổ thông, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Điều lệ công ty quy định.)



2. Holders of voting preference shares has the rights to:

(Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết có các quyền sau đây:)

a) Vote on the issues within the competence of the General Meeting of Shareholders with the number of votes prescribed in Clause 1 of this Article;

(Biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này;)

b) Exercise other rights of ordinary shareholders, except for the case in Clause 3 of this Article.

(Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.)

3. Holders of voting preference shares must not transfer such shares to other persons.

(Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác.)

Article 117. Shares with preferred dividends and rights of holders thereof

(Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức)

1. Shares with preferred dividends are shares that pay higher dividends than dividends of ordinary shares, or that pay a fixed amount of annual dividends. Annual distributed dividends include fixed dividend and bonus dividends; fixed dividend does not depend on the company's business outcome. The level of fixed dividend and method for determination of bonus dividends shall be written on the certificates of shares with preferred dividends.

(Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng, cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của công ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức.)

2. Holders of shares with preferred dividends has the rights to:

(Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:)

a) Receive dividends as prescribed in Clause 1 of this Article;

(Nhận cổ tức theo quy định tại khoản 1 Điều này;)

b) Receive a proportion of remaining assets corresponding to their holding upon the company's dissolution or bankruptcy after the company has paid all debts and redeemable preferred shares;

(Nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty, sau khi công ty đã thanh toán hết các khoản nợ, cổ phần ưu đãi hoàn lại khi công ty giải thể hoặc phá sản;)

c) Exercise other rights of ordinary shareholders, except for the case in Clause 3 of this Article.

(Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.)

3. Holders of shares with preferred dividends do not have the voting right, attend the General Meeting of Shareholders, nominate candidates for the Board of Directors and the Control Board.

(Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.)

Article 118. Redeemable preferred shares and rights of holders thereof

(Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại)



1. Redeemable preferred shares are shares that will be redeemed by the company at the request of their holders or under the conditions written thereon.

(Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại.)

2. Holders of redeemable preferred shares have the same rights as ordinary shareholders, except for the case in Clause 3 of this Article.

(Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.)

3. Holders of redeemable preferred shares do not have the voting right, attend the General Meeting of Shareholders, nominate candidates for the Board of Directors and the Control Board.

(Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.)

Article 119. Ordinary shares of founding shareholders

(Cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập)

1. A new joint-stock company must have at least 03 founding shareholders; a joint-stock company converted from a state-owned company or limited liability company, or derived from a division, split, amalgamation, merger of another joint-stock company is not required to have founding shareholders. If there are no founding shareholders, the company's charter enclosed with the application for enterprise registration must bear the signature of the legal representative or ordinary shareholders of such company

(Công ty cổ phần mới thành lập phải có ít nhất 03 cổ đông sáng lập; công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước hoặc từ công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc được chia, tách, hợp nhất, sáp nhập từ công ty cổ phần khác không nhất thiết phải có cổ đông sáng lập. Trường hợp không có cổ đông sáng lập, Điều lệ công ty cổ phần trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc các cổ đông phổ thông của công ty đó.)

2. Founding shareholders must register at least 20% of total authorized ordinary shares on upon business registration.

(Các cổ đông sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông được quyền chào bán tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp.)

3. Within 03 years from the issuance date of the Certificate of Business registration, founding shareholders may transfer their shares to other founding shareholders; they may transfer their ordinary shares to people other than founding shareholders if approved by the General Meeting of Shareholders. In this case, the transferring shareholders do not have the right to vote on the transfer of such shares.

(Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó.)

4. Restrictions to ordinary shares of founding shareholders shall be lifted after 03 years from the issuance date of the Certificate of Business registration. These restrictions shall not apply to the shares

that founding shareholders obtain after business registration and the shares transferred by founding shareholders to people other than founding shareholders of the company.

(Các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được bãi bỏ sau thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các hạn chế của quy định này không áp dụng đối với cổ phần mà cổ đông sáng lập có thêm sau khi đăng ký thành lập doanh nghiệp và cổ phần mà cổ đông sáng lập chuyển nhượng cho người khác không phải là cổ đông sáng lập của công ty.)

Article 120. Share certificates (Cổ phiếu)

1. Share certificates are certificates issued by a joint-stock company, book entries, or electronic data which certify ownership of one or an amount of shares of the company. A share certificate must contain the following information:

(Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Name, ID number, headquarter address of the enterprise;
(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;)

b) Amount and type of shares;
(Số lượng cổ phần và loại cổ phần;)

c) Face value of each share and total face value of shares written on the share certificate;
(Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;)

d) Full name, address, Nationality, ID/passport number if the shareholder is an individual; name, enterprise identification number or establishment decision number, and headquarter address if the shareholder is an organization;

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;)

dd) Summary of procedures for Share transfer;
(Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;)

e) Signature of the legal representative and the company's seal (if any);
(Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty (nếu có);)

g) Registration number in the shareholder register and share issuance date;
(Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;)

h) Preferred share certificates shall contain other information prescribed in Articles 116, 117 and 118 of this Law.

(Các nội dung khác theo quy định tại các Điều 116, 117 và 118 của Luật này đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.)



2. If there is a mistake in the contents and format of the share certificates issued by the company, the rights and interests of their holders shall not be affected. The legal representative of the company shall take responsibility for the damage caused by such mistakes.

(Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.)

3. In case a share certificate is lost, damaged, or otherwise destroyed, the shareholder shall be reissued with another share certificate at the shareholder's request. The request must contain the following information:

(Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:)

a) The share certificate that is lost, damaged, or otherwise destroyed. In case the share certificate is lost, the shareholder must make a commitment that a thorough search for it has been carried out and it will be returned to the company for destruction purpose if it is ever found.

(Cổ phiếu đã bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;)

b) Assumption of responsibility for disputes over issuance of the new share certificate.

With regard to any share the total face value of which is over VND 10 million, before receiving the request for issuance of a new share certificate, company's legal representative may request the holder to post a notification of the share certificate that is lost, damaged, or otherwise destroyed, then request the company to issue a new share certificate after 15 days from the day on which the notification is posted.

(Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu Đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.)

Article 121. Shareholder register

(Sổ đăng ký cổ đông)

1. Every joint-stock company shall make and keep the shareholder register from the issuance date of the Certificate of Business registration. The shareholder register may be paper documents, electronic data, or both.

(Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.)

2. The shareholder register must contain the following information:

(Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Name, headquarter address of the company;

(Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;)

b) Total number of authorized shares, types of authorized shares, and number of each type of authorized shares;



(Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;)

c) Total sold shares of each type and value of contributed share capital;
(Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;)

d) Full name, permanent residence, Nationality, ID/passport number if the shareholder is an individual; name, enterprise identification number or establishment decision number, and the headquarter address if the shareholder is an organization;

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;)

dd) Amount of each type of shares held by each shareholder; date of shares registration.
(Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.)

3. Shareholder register shall be kept at the company's headquarter or Vietnam Securities Depository; shareholders are entitled to inspect, examine, or copy contents of the shareholder register during working hours of the company or Vietnam Securities Depository.

(Số đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.)

4. Any shareholder that changes his/her permanent residence must promptly notify the company to update the shareholder register. The company is not responsible if the shareholder cannot be contacted because of failure to notify the change of his/her address.

(Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.)

Article 122. Share offering

(Chào bán cổ phần)

1. Share offering means the company's increase of the amount of authorized shares and selling such shares during the company's operation to increase charter capital.

(Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.)

2. Share offering may be carried out in the following forms:

(Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:)

a) Offering of shares to existing shareholders;

(Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;)

b) Public offering of shares;

(Chào bán ra công chúng;)

c) Private placement of shares.



(Chào bán cổ phần riêng lẻ.)

3. Regulations of law on securities shall apply to public offering of shares, offering of shares of listed companies and public companies.

(Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.)

4. The company shall register change to charter capital within 10 days from completion of the share offering.

(Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.)

Article 123. Private placement of shares

(Chào bán cổ phần riêng lẻ)

The private placement shares of a joint-stock company other than a public joint-stock company shall be carried out as follows:

(Việc chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng được quy định như sau:)

1. Within 05 days from the date of issuance of the decision on private placement, the company shall send a notification of the private placement to the business registration authority. The notification shall be enclosed with the following documents:

(Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có các tài liệu sau đây:)

a) The Resolution of the General Meeting of Shareholders on private placement;

(Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ;)

b) The private placement plan ratified by the General Meeting of Shareholders (if any);

(Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có);)

2. The notification of private placement shall contain the following information:

(Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:)

a) Name, ID number, headquarter address of the enterprise;

(Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;)

b) Intended total amount of shares to be offered; types of shares to be offered, and amount of each type;

(Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;)

c) Time and method of offering;

(Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;)

d) Full name and signature of the company's legal representative;

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty;)



3. The company may offer shares if no objection is made by the business registration authority after 05 working days from the day on which the notification is sent.

(Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh;)

4. The company shall register change to charter capital to the business registration authority within 10 days from completion of the share offering.

(Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.)

Article 124. Offering of shares to existing shareholders

(Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu)

1. Offering of shares to existing shareholders means the company's increase of the amount of authorized shares and selling all of such shares to all shareholders according to their shares of the company.

(Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.)

2. The offering of shares to existing shareholders of a joint-stock company other than a public joint-stock company shall be carried out as follows:

(Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng được thực hiện như sau:)

a) The company shall send written notifications to shareholders' permanent residences or mailing addresses by registered mails according to the shareholder register at least 15 days before the deadline for registering to buy shares;

(Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;)

b) The notification shall contain the full name, address, Nationality, ID/passport number if the shareholder is an individual, name, enterprise identification number or establishment decision number, headquarter address if the shareholder is an organization; the shares and holding in the company; total amount of shares to be offered, amount of shares may be purchased by shareholders; offer prices; deadline for registration; full name and signature of the company's legal representative. The notification of be enclosed with the registration form issued by the company. If the registration form is not sent to the company by the notified deadline, the shareholder shall no longer have the preemptive right to buy shares;

(Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành.

Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;)

c) Shareholders are entitled to transfer their preemptive right to buy shares to other people.
(Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.)

3. In case the amount of offered shares are not completely registered by shareholders and recipients the preemptive right to buy shares, the Board of Directors is entitled to sell the remaining authorized shares to shareholders of the company or other people in a reasonable manner and conditions that are not more convenient than the conditions offered to shareholders, unless otherwise accepted by the General Meeting of Shareholders or shares are sold via a Stock Exchange.

(Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.)

4. Shares are considered sold when they are fully paid and information about the buyer mentioned in Clause 2 Article 121 of this Law are fully written in the shareholder register; from then on, the share buyer shall be come a shareholder of the company.

(Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.)

5. After shares are fully paid, the company shall issue and give share certificates to the buyer. The company may sell shares without giving share certificates. In this case, information about the shareholder mentioned in Clause 2 Article 121 of this Law shall be Recipients written in the shareholder register to certify the shareholder's ownership of shares of the company.

(Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.)

Article 125. Selling shares

(Bán cổ phần)

The Board of Directors shall decide the time, method of sale, and selling prices of shares. Selling prices of shares must not fall below the market price on the offering date or the latest book value of shares, except for the following cases:

(Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:)

1. Shares are initially offered to those other than founding shareholders;

(Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;)

2. Shares are offered to all shareholders according to their holding in the company;

(Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;)



3. Shares are offered to a broker or a guarantor. In such cases, the discount rate or discounting ratio must be approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise prescribed by the company's charter;

(Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;)

4. Other cases and corresponding discount rates prescribed by the company's charter.

(Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định.)

Article 126. Share transfer

(Chuyển nhượng cổ phần)

1. Shares may be freely transfers, except in the cases mentioned in Clause 3 Article 119 of this Law and the cases in which shares is restricted from transfer prescribed by the company's charter. Where the company's charter contains regulations on restriction on share transfer, these regulations are only effective when they are written on the corresponding shares.

(Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật này và Điều lệ công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần. Trường hợp Điều lệ công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.)

2. The transfer shall be made into a common contract or via a transaction on the securities market. Where the transfer is made into a contract, transfer documents must bear the signatures of the transferor and the transferee (or their representatives). Where transfer is made via a transaction on the securities market, the procedures and recording of ownership shall comply with regulations of law on securities.

(Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.)

3. If a shareholder being an individual dies, his/her inheritor according to the will or according to law shall become a shareholder of the company.

(Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.)

4. If the dead shareholder does not have an inheritor, or the inheritor renounces the inheritance, or the inheritor has the right to inherit deprived, such shares be settled in accordance with regulations of law on civil affairs.

(Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.)

5. Every shareholder is entitled to give part of or all of their shares in the company to other people or use their shares to pay debts. In such cases, the recipients of shares shall become shareholders of the company.

(Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.)

6. Where a shareholder transfers a number of shares, the hold shares shall be annulled, and the company shall issue new shares to record the amount of shares transferred and the remaining amount of shares.

(Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.)

7. Recipients of shares in the cases mentioned in this Article shall only become the company's shareholders from the day on which their information mentioned in Clause 2 Article 121 of this Law are fully recorded in the shareholder register.

(Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.)

Article 127. Bond issuance

(Phát hành trái phiếu)

1. A joint-stock company is entitled to issue bonds, convertible bonds, and other bonds as prescribed by law and the company's charter.

(Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

2. Any company that fails to pay both principal and interest of issued bonds, fails to pay or fails to completely pay due debts in the last 03 consecutive years may no longer issue bonds, unless otherwise prescribed by regulations of law on securities.

(Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.)

3. Clause 2 of this Article does not apply to issuance of bonds to creditors being selected financial institutions.

(Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.)

4. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the Board of Directors is entitled to decide the type of bonds, total value of bonds, and issuance time, provided a report is submitted to the nearest General Meeting of Shareholders. The report shall be enclosed with documents and explanations for the resolution on bond issuance made by the Board of Directors.

(Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác thì Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.)

5. In case bonds issued by a joint-stock company are converted into shares, procedures for shares offering prescribed in this Law and relevant regulations of law shall be followed. The company shall



register a change to charter capital within 10 days from the day on which the conversion process is completed.

(Trường hợp công ty cổ phần phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần thì thực hiện theo trình tự, thủ tục tương ứng chào bán cổ phần theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.)

Article 128. Purchases of shares and bonds

(Mua cổ phần, trái phiếu)

Shares, bonds of a joint-stock companies may be purchased with Vietnam Dong, convertible foreign currencies, gold, land use right value, value of intellectual property rights, technologies, technical secrets, and other assets prescribed by the company's charter. The payment shall be made in a lump sum.

(Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.)

Article 129. Repurchase of shares at the request of shareholders

(Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông)

1. Any shareholder who votes against the Resolution on the company's restructuring or changes to the shareholders' rights and obligations prescribed in the company's charter shall be entitled to request the company to repurchase his/her shares. The request shall be made in writing, specifying the shareholder's name, address, amount of each type of shares, wanted prices, and reasons for requesting the repurchase. The request shall be sent to the company within 10 days from the day on which the General Meeting of Shareholders ratifies the Resolution on the issues mentioned in this Clause.

(Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.)

2. The company shall repurchase shares at the request of shareholders as prescribed in Clause 1 of this Article at market prices or prices determined in accordance with the company's charter within 90 days from the day on which the request is received. If an agreement on the price is not reached, both parties may request a professional valuation organization to carry out the valuation. The company shall recommend at least 03 professional valuation organizations for shareholders to choose. The decision given by such organization shall be final.

(Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.)

Article 130. Repurchase of shares under the company's decision

(Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty)



The company may repurchase up to 30% of total ordinary shares that are sold, part of or all of shares with preferred dividends that are sold as follows:

(Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:)

1. The Board of Directors may decide repurchase of up to 10% of total shares of each type that are offered within 12 months. In other cases, the repurchase of shares shall be decided by the General Meeting of Shareholders;

(Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;)

2. The Board of Directors shall decide repurchase prices. Repurchase price of ordinary shares must not exceed the market price at the time of repurchase, except for the case mentioned in Clause 3 of this Article. With regard to other types of shares, unless otherwise prescribed by the company's charter or agreed between the company and relevant shareholders, the repurchase prices must not fall below the market price;

(Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;)

3. The company may repurchase the shares held by each shareholder in proportion to his/her holding in the company. In this case, a notification of the decision to repurchase shares must be sent by registered mail to all shareholders within 30 days from the day on which such decision is ratified. The notification must contain the name, headquarter address of the company, total amount of shares and types of shares repurchased, repurchase prices or rules for determination of repurchase prices; procedures and deadline for payment; procedures and deadline for shareholders to offer their shares to the company. Any shareholder that agrees to resell his/her shares shall send the offering by registered mail to the company within 30 days from the notification date. The offering shall contain the full name, permanent residence, Nationality, ID/passport number if the shareholder is an individual, name, enterprise identification number or establishment decision number, headquarter address if the shareholder is an organization; the shares being held and the shares being offered; method of payment, signature of the shareholder or the shareholder's legal representative. The company shall only repurchase shares offered by the said deadline.

(Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.)

Article 131. Conditions for payment and settlement of repurchased shares
(Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại)

1. The company may pay for the repurchased shares to the shareholders as prescribed in Article 129 and Article 130 of this Law of right after fully paying for the repurchased shares, the company is still able to pay its debts and other liabilities.

(Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.)

2. Shares repurchased under Article 129 and Article 130 of this Law are considered unsold shares as defined in Clause 4 Article 111 of this Law. The company shall follow procedures for making a decrease to charter capital, which is equal to the total face value of shares repurchased by the company within 10 from the completion of payment for repurchased shares, unless otherwise prescribed by regulations of law on securities.

(Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật này. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.)

3. Share certificates that certify the ownership of repurchased shares must be destroyed as soon as the corresponding shares are fully paid. The Chairperson of the Board of Directors and Director/General Director are jointly responsible for the damage to the company caused by failure to destroy or delayed destruction of share certificates.

(Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.)

4. After repurchased shares are fully paid, if the total asset value written in the company's accounting books is reduced by more than 10%, the company shall notify all of its creditors within 15 days from the day on which repurchased shares are fully paid.

(Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.)

Article 132. Dividend payment
(Trả cổ tức)

1. Dividends on preferred shares shall be paid under conditions applied to each type of preferred shares.
(Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.)

2. Dividends on ordinary shares are determined according to the net profit earned and the dividend payment extract from the undistributed profit of the company. A joint-stock company may only pay dividends on ordinary shares when all of the conditions below are satisfied:



(Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:)

a) The company has fulfilled tax liability and other financial obligations as prescribed by law;
(Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;)

b) The company's funds have been established and developed; previous losses are fully offset against as prescribed by law and the company's charter;
(Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;)

c) Right after the dividend is fully paid, the company is still able to pay due debts and other liabilities.
(Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.)

3. Dividends may be paid in cash, the company's shares, or other assets prescribed by the company's charter. If dividend is paid in cash, the currency shall be VND; it is permissible to make dividend payment by checks, wire transfer, or payment order by post to the shareholders' permanent residences or mailing addresses.

(Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.)

4. Dividend must be fully paid within 06 months from the end of the Annual General Meeting of shareholders. The Board of Directors shall make a list of shareholders receiving dividends, determine the levels of dividend on each share, deadline and method of payment at least 03 days before the dividend payment. The notifications of dividend payment shall be sent by registered mail to the addresses in the shareholder register at least 15 days before dividend payment. The notification shall contain:

(Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:)

a) Name, headquarter address of the company;
(Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;)

b) Full names, permanent residences, nationalities, ID/passport numbers of shareholders being individuals;
(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân;)

c) Names, enterprise ID numbers or establishment decision numbers, and the headquarter addresses of shareholders being organizations;
(Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức;)



d) Amount of each type of shares of shareholder; level of dividend on each type of shares, and total dividend received by the shareholder;

(Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;)

dd) Time and method of dividend payment;

(Thời điểm và phương thức trả cổ tức;)

e) Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors and company's legal representative.

(Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.)

5. If a shareholder transfers his/her shares during the period from the completion of the compilation of the list of shareholders and the time of dividend payment, the transferor shall receive dividend from the company.

(Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.)

6. In case dividends are paid with shares, the company is not required to follow procedures for share offering prescribed in Articles 122, 123, and 124 of this Law. The company shall register an increase to charter capital, which equal to value of shares used as dividend payment, within 10 days from completion of the dividend payment.

(Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 122, 123 và 124 của Luật này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.)

Article 133. Withdrawal of payment for repurchased shares or dividends

(Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức)

If repurchased shares are paid against regulations in Clause 1 Article 131 of this Law or dividends are paid against regulations in Article 132 of this Law, the shareholders shall return the company the money or assets received; in case a shareholder is not able to return them, all members of the Board of Directors shall be jointly responsible for the debts and liabilities up to the value of money or assets that are not returned by shareholders.

(Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật này thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.)

Article 134. Organizational structure of a joint-stock company

(Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần)

1. Every joint-stock company is entitled to decide whether to organize and operate according to one of the two models below, unless otherwise prescribed by regulations of law on securities:

(Công ty cổ phần có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:)

a) The General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, the Control Board, and the Director/General Director. If the joint-stock company has fewer than 11 shareholders and the shareholders being organizations hold less than 50% of total shares of the company, the Control Board is not necessary;

(Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp công ty cổ phần có dưới 11 cổ đông và các cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 50% tổng số cổ phần của công ty thì không bắt buộc phải có Ban kiểm soát;)

b) The General Meeting of Shareholders, the Board of Directors, and the Director/General Director. In this case, at least 20% of members of the Board of Directors must be independent members and there must be an internal Control Board affiliated to the Board of Directors. Independent members shall play the roles supervisors and control the company's administration.

(Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc. Trường hợp này ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập thực hiện chức năng giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát đối với việc quản lý điều hành công ty.)

2. If there is only one legal representative, the Chairperson of the Board of Directors or the Director/General Director shall be the legal representative; unless otherwise prescribed by the company's charter, the Chairperson of the Board of Directors shall be the legal representative of the company. If there are more than one legal representatives, the Chairperson of the Board of Directors and the Director/General Director shall naturally be the legal representatives of the company.

(Trường hợp chỉ có một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty; trường hợp Điều lệ không có quy định khác thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp có hơn một người đại diện theo pháp luật, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty.)

Article 135. General Meeting of Shareholders

(Đại hội đồng cổ đông)

1. The General Meeting of Shareholders consists of all shareholders having voting right and is the supreme regulatory body of a joint-stock company.

(Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.)

2. The General Meeting of Shareholders has the following rights and obligations:

(Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Ratify the company's development orientation;

(Thông qua định hướng phát triển của công ty;)

b) Decide the types of shares and amount of each type of authorized shares; decide annual dividend payment of each type of shares;



(Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;)

c) Elect, dismiss, discharge from duty members of the Board of Directors and Controllers;
(Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;)

d) Decide investment or sale of assets of which the values are equal to or higher than 35% of the total asset value written in the latest financial statement of the company, unless a smaller rate is prescribed by the company's charter;

(Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;)

dd) Decide amendments to the company's charter;
(Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;)

e) Ratify annual financial statements;
(Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;)

g) Decide repurchase of more than 10% of total sold shares of each type;
(Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;)

h) Consider taking actions against violations committed by the Board of Directors and the Control Board that cause damage to the company and its shareholders;
(Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;)

i) Decide the company's restructuring and dissolution;
(Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;)

k) Perform other rights and obligations prescribed by this Law and the company's charter.
(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 136. Power to convene General Meetings of Shareholders ***(Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông)***

1. An annual general meeting shall be held one per year. Apart from annual general meetings, extraordinary general meetings may be held . The General Meeting of Shareholders must be held within Vietnam's territory. If the General Meeting of Shareholders is held at multiple locations at the same time, the location of the General Meeting of Shareholders shall be the place where the chair is present.

(Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.)

2. An annual general meeting shall be held within 04 months from the end of the fiscal year. At the request of the Board of Directors, the business registration authority may extend this deadline. Nevertheless, the time limit shall not exceed 06 months from the end of the fiscal year.

The Annual General Meeting of Shareholders shall discuss and ratify the following issues:

(Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:)

a) The company's annual business plan;

(Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;)

b) The annual financial statement;

(Báo cáo tài chính hằng năm;)

c) Report of the Board of Directors on business administration and performance of the Board of Directors and each member thereof;

(Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;)

d) Report of the Control Board on the company's business outcome, performance of the Board of Directors, Director/General Director;

(Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;)

dd) Self-assessment report of the Control Board and each Controller;

(Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;)

e) Level of dividend on each share of each type;

(Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;)

g) Other issues within the competence of the General Meeting of Shareholders.

(Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.)

3. The Board of Directors shall convene a extraordinary General Meeting of Shareholders in the following cases:

(Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:)

a) The meeting is deemed necessary for the company's interests;

(Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;)

b) The number of remaining members of the Board of Directors, the Control Board is smaller than the minimum number prescribed by law;

(Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;)

c) The meeting is requested by the shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2

Article 144 of this Law;

(Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này;)



d) At the request of the Control Board;
(Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;)

dd) Other cases prescribed by law and the company's charter.
(Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

4. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the Board of Directors shall convene a the General Meeting of Shareholders within 30 days from the day on which the number of remaining members of the Board of Directors is as prescribed in Point b or the request mentioned in Point c and Point d Clause 3 of this Article is received. If the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed, the Chairperson of the Board of Directors and members of the Board of Directors shall take legal responsibility and pay compensation for any damage to the company.

(Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.)

5. If the Board of Directors fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Clause 4 of this Article, the Control Board shall convene the General Meeting of Shareholders within the next 30 days instead of the Board of Directors in accordance with this Law. If the Control Board fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed, the Control Board shall take legal responsibility and pay compensation for any damage to the company.

(Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.)

6. If the Control Board fails to convene the General Meeting of Shareholders as prescribed in Clause 4 of this Article, the shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2 Article 114 of this Law is entitled to, on behalf of the company, convene the General Meeting of Shareholders in accordance with this Law.

(Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.)

7. The convener of the General Meeting of Shareholders shall perform the following tasks:
(Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:)

a) Make a list of shareholders entitled to attend the meeting;
(Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;)



b) Provide information and settle complaints about the list of shareholders;
(Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;)

c) Prepare the program and agenda of the meeting;
(Lập chương trình và nội dung cuộc họp;)

d) Prepare documents for the meeting;
(Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;)

dd) Draft Resolutions of the General Meeting of Shareholders according to the intended contents of the meeting; compile the list and descriptions of candidates for the Board of Directors and the Control Board;

(Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;)

e) Determine the time and location of the meeting;
*(Xác định thời gian và địa điểm họp;)*⁹

g) Send invitations to every shareholders entitled to attend the meeting as prescribed in this Law;
(Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;)

h) Perform other tasks serving the meeting
(Các công việc khác phục vụ cuộc họp.)

8. The cost of convention and organization of the General Meeting of Shareholders prescribed in Clauses 4, 5, and 6 of this Article shall be reimbursed by the company.

(Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.)

Article 137. List of shareholders entitled to attend General Meeting of Shareholders ***(Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông)***

1. The list of shareholders entitled to attend General Meeting of Shareholders shall be compiled according to the company's shareholder register. The list of shareholders entitled to attend General Meeting of Shareholders shall be made not sooner than 05 days before invitations to the General Meeting of Shareholders are sent, unless a longer period is prescribed by the company's charter.

(Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.)

2. The list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders shall contain full names, permanent residences, nationalities, ID/passport numbers of shareholders being individuals; names, enterprise ID numbers or establishment decision numbers, addresses of headquarters of shareholders being organizations; amount of each type of shares; shareholder registration date and number of each shareholder.

(Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp



pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.)

3. Shareholders are entitled to inspect, examine, copy the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders; request adjustment to incorrect information or addition of necessary information about themselves to the list. The company's manager must promptly provide information about in the shareholder register, adjust incorrect information at the request of shareholders; pay compensation for damage caused by failure to provide information or failure to provide timely, accurate information in the shareholder register on request. Procedures for requesting provision of information in the shareholder register shall comply with the company's charter.

(Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin số đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin số đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.)

Article 138. Agenda and contents of General Meeting of Shareholders ***(Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông)***

1. The convener of the General Meeting of Shareholders shall prepare its agenda and contents.

(Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.)

2. The shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2 Article 114 of this Law is entitled to propose additional issues to the agenda of the General Meeting of Shareholders. The proposal must be made in writing and sent to the company at least 03 working days before the opening date, unless otherwise prescribed by the company's charter. The proposal must specify the name(s) of shareholder(s), amount of each type of shares or equivalent information, additional issues proposed to the agenda.

(Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.)

3. The convener is entitled to reject the proposal mentioned in Clause 2 of this Article in one of the following cases:

(Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:)

a) The proposal is not sent by the deadline; or the proposal is not adequate or not valid;

(Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;)

b) The proposed issue is beyond the competence of the General Meeting of Shareholders;

(Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;)

c) Other cases prescribed by the company's charter.
(Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.)

4. The convener of the General Meeting of Shareholders must accept and include the proposal mentioned in Clause 2 of this Article to the intended agenda and contents of the meeting, except for the case in Clause 3 of this Article. The proposal shall be officially included on the agenda and contents of the meeting if it is approved by the General Meeting of Shareholders.

(Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.)

Article 139. Invitation to General Meeting of Shareholders ***(Mời họp Đại hội đồng cổ đông)***

1. The convener of the General Meeting of Shareholders shall send invitations to all shareholders on the list of shareholders entitled to attend the General Meeting of Shareholders at least 10 days before the opening date, unless a longer period is prescribed by the company's charter. Every invitation must contain the name, headquarter address, enterprise ID number; name, permanent residence of the shareholder; time and location of meeting, and other requirements applied to participants.

(Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.)

2. Invitations shall be sent by registered mail to mailing addresses of shareholders; the invitation shall also be posted on the company's website and a central or local daily newspaper where necessary according to the company's charter.

(Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết theo quy định của Điều lệ công ty.)

3. The invitation shall be enclosed with the following documents:

(Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:)

a) The agenda, documents used during the meeting, and draft resolution on each issue on the agenda;
(Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;)

b) The ballot; *(Phiếu biểu quyết;)*

c) The form to appoint authorized representative to attend the meeting.
(Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.)

4. If the company has a website, meeting documents mentioned in Clause 3 of this Article may be posted on such website instead of being enclosed with the invitation. In this case, the invitation must



specify the site and method of downloading documents, and the company must send such meeting documents to shareholders at their request.

(Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.)

Article 140. Exercising the right to attend General Meeting of Shareholders

(Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông)

1. A shareholder may directly attend the meeting, authorizes a person in writing to attend the meeting, or uses one of the method mentioned in Clause 2 of this Article. If a shareholder being an organization does not have an authorized representative mentioned in Clause 4 Article 15 of this Law, another person shall be authorized to attend the General Meeting of Shareholders. The authorization of representatives to attend the General Meeting of Shareholders must be made in writing using the form provided by the company. The persons authorized to attend the General Meeting of Shareholders must present the letters of authorization before entering the meeting room.

(Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật này thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.)

2. A shareholder is considered to have attended and voted at the General Meeting of Shareholders in the following cases:

(Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:)

a) The shareholder attends and directly casts votes at the meeting;

(Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;)

b) The shareholder authorizes another person to attend and cast votes at the meeting;

(Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;)

c) The shareholder attends and casts votes through online meeting, electronic voting, or using another electronic medium;

(Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;)

d) The shareholder sends votes to the meeting by post, fax, or email.

(Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.)

Article 141. Conditions for convening General Meeting of Shareholders

(Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông)

1. A General Meeting of Shareholders shall be held when it is attended by a number of shareholders represent at least 51% of votes; the specific ratio shall be prescribed by the company's charter.

(Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.)



2. If the conditions for holding the first General Meeting prescribed in Clause 1 of this Article are not satisfied, the second General Meeting shall be held within 30 working days from the intended date of the first General Meeting, unless otherwise prescribed by the company's charter. The second General Meeting of Shareholders shall be held when it is attended by a number of shareholders represent at least 33% of votes; the specific ratio shall be prescribed by the company's charter.

(Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.)

3. If the conditions for holding the second General Meeting prescribed in Clause 2 of this Article are not satisfied, the third General Meeting shall be held within 20 working days from the intended date of the second General Meeting, unless otherwise prescribed by the company's charter. In this case, the second General Meeting of Shareholders shall be held regardless of the number of votes of the attending shareholders.

(Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.)

4. Only the General Meeting of Shareholders is entitled to change the agenda enclosed with the invitation mentioned in Article 139 of this Law.

(Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật này.)

Article 142. Meeting and voting process at General Meeting of Shareholders

(Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông)

Unless otherwise prescribed by the company's charter, meeting and voting process at General Meeting of Shareholders shall be as follows:

(Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:)

1. Registration of shareholders who attend the General Meeting of Shareholders shall be carried out before opening the meeting;

(Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;)

2. Election of the Chair, Secretary, and counting board:

(Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:)

a) The Chairperson of the Board of Directors shall chair the meetings convened by the Board of Directors; In case the Chairperson is temporarily absent or not capable of working, other members of the Board of Directors shall elect one of them to chair the meeting under the majority rule; If a chair is not elected, the Chief of the Control Board shall direct the General Meeting of Shareholders to elect a chair and the person that receives most votes shall chair the meeting;

(Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu



một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;)

b) In other cases, the person that signs the decision to convene the General Meeting of Shareholders shall direct the General Meeting of Shareholders to elect a chair and the person that receives most votes shall chair the meeting;

(Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;)

c) The chair shall appoint one or some people as the secretary(ies);

(Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;)

d) The General Meeting of Shareholders shall elect one or some people to the counting board at the request of the chair;

(Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;)

3. The agenda and contents of General Meeting of Shareholders must be ratified by the meeting during the opening session. The agenda must specify the time for each issue on the agenda;

(Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;)

4. The chair is entitled to take necessary and reasonable measures to control the meeting in an orderly manner and in conformity with the ratified agenda so that it reflects the demands of the majority of participants;

(Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;)

5. The General Meeting of Shareholders shall discuss and vote on each issue on the agenda. The voting shall be carried out by collecting affirmative votes, then negative votes, then count the affirmative votes, negative votes, and abstentions. The vote counting result shall be announced by the chair right before the end of the meeting, unless otherwise prescribed by the company's charter;

(Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác;)

6. Shareholders or authorized participants who arrive after the opening of the meeting may register and has the right to vote after registration; in this case, the effect of the issues voted on previously shall remain unchanged;

(Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;)

7. The convener of the General Meeting of Shareholders has the rights to:



(Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:)

a) Request all participants to undergo inspection or other legitimate, reasonable security measures;
(Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;)

b) Request competent authorities to maintain order at the meeting; expel those who act against the chair's direction, cause disruption, obstruct the normal progress of the meeting, or refuse to comply with security check requirements from the General Meeting of Shareholders;

(Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;)

8. The chair may delay a General Meeting of Shareholders that has been attended by all registered participants until a later time or change the meeting location in the following cases:

(Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:)

a) The current location does not have convenient seats for all participants;

(Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;)

b) Communication devices at the current location are not sufficient for attending shareholders to discuss and vote;

(Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;)

c) There is a participant that disrupts the order and threatens to obstruct the fair and legal progress of the meeting. The delay shall not exceed 03 days from the initial opening date;

(Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp. Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;)

9. If the chair delays or suspends the General Meeting of Shareholders against Clause 8 of this Article, the General Meeting of Shareholders shall elect another person among the participants to replace the chair until the end of the meeting; all Resolutions ratified at the meeting shall be effective.

(Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.)

Article 143. Formalities to ratify Resolutions of the General Meeting of Shareholders

(Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông)

1. The General Meeting of Shareholders shall ratify decisions within its competence by voting at the meeting or by absentee voting.

(Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.)

2. Unless otherwise prescribed by the company's charter, Resolutions of the General Meeting of Shareholders about the following issues shall be ratified by voting at the General Meeting of Shareholders:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:)

a) Amendments to the company's charter;

(Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;)

b) The company's development orientation;

(Định hướng phát triển công ty;)

c) Types of shares and total amount of each type;

(Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;)

d) Election, dismissal, discharge from duty of members of the Board of Directors and the Control Board;

(Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;)

dd) Decision to make investments or sell assets of which the values are equal to or higher than 35% of the total asset value written in the latest financial statement of the company, or a smaller rate prescribed by the company's charter;

(Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;)

e) Ratify annual financial statements;

(Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;)

g) Restructuring or dissolution of the company.

(Tổ chức lại, giải thể công ty.)

Article 144. Conditions for a Resolution to be ratified

(Điều kiện để nghị quyết được thông qua)

1. A Resolution on one of the following issues shall be ratified when it is approved by a number of shareholders that represents at least 65% of votes of attending shareholders; the specific ratio shall be prescribed by the company's charter:

(Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định:)

a) Types of shares and total amount of each type;

(Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;)

b) Changes of business lines;

(Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;)

c) Change of the company's organizational structure;



(Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;)

d) Project of investment or sale assets of which the values are equal to or higher than 35% of the total asset value written in the latest financial statement of the company, or a smaller rate prescribed by the company's charter;

(Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;)

dd) Restructuring or dissolution of the company;

(Tổ chức lại, giải thể công ty;)

e) Other cases defined by the company's charter.

(Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.)

2. Other Resolutions shall be ratified when they are approved by a number of shareholders that represents at least 51% of votes of attending shareholders, except for the cases in Clause 1 and Clause 3 of this Article; the specific ratio shall be prescribed by the company's charter.

(Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.)

3. Unless otherwise prescribed by the company's charter, Members of the Board of Directors and the Control Board shall be elected by cumulative voting. Accordingly, each shareholder shall have a number of votes that is proportional to his/her shares multiplied by (x) the number of members of the Board of Directors or the Control Board. The shareholder may cast part of or all of his/her votes for one or some candidates. Elected Members of the Board of Directors or Controllers shall be determined by the number of votes they receive in descending order, starting from the candidates that receive the most votes until the number of members are sufficient according to the company's charter. If there are 02 or more candidates that receive the same votes for the last position of the Board of Directors or the Control Board, they shall be voted again or selected according to the voting criteria or the company's charter.

(Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.)

4. In case of absentee voting, a Resolution shall be ratified if it is approved by a number of shareholders that represents at least 51% of votes; the specific ratio shall be prescribed by the company's charter.

(Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.)



5. Resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be notified to all shareholders who are entitled to attend the General Meeting of Shareholders within 15 days from the ratification date. If the company has a website, such Resolutions may be posted on the website instead of being sent to shareholders.

(Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.)

Article 145. Power and formalities to carry out absentee voting of shareholders to ratify Resolutions of the General Meeting of Shareholders

(Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông)

Unless otherwise prescribed by the company's charter, the power and formalities to carry out absentee voting of shareholders by to ratify Resolutions of the General Meeting of Shareholders shall be as follows:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:)

1. The Board of Directors is entitled to carry out absentee voting of shareholders to ratify Resolution of the General Meeting of Shareholders when it is deemed necessary for the company's interest;

(Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;)

2. The Board of Directors shall prepare absentee ballots, Draft Resolutions of the General Meeting of Shareholders, descriptions thereof, and send them to shareholders having voting right at least 10 days before the deadline for submitting absentee ballots, unless a longer period is prescribed by the company's charter. The list of shareholders to receive absentee ballots shall be compiled in accordance with Clause 1 and Clause 2 Article 137 of this Law. Requirements and methods to send absentee ballots and enclosed documents are specified in Article 139 of this Law;

(Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật này;)

3. The absentee ballot shall contain:

(Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Name, ID number, headquarter address of the enterprise;

(Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;)

b) Purposes of the voting;

(Mục đích lấy ý kiến;)



d) Full name, permanent residence, nationality, ID/passport number if the shareholder is an individual; name, enterprise identification number or establishment decision number, and the headquarter address if the shareholder is an organization; or full name, permanent residence, nationality, ID/passport number of the authorized representative if the shareholder is an organization; Amount of shares of each type and number of votes of the shareholder.

(Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;)

d) The issues that need voting;

(Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;)

dd) Options including affirmative, negative, and abstentions;

(Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;)

e) Deadline for submitting the completed absentee ballot to the company;

(Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;)

g) Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors and company's legal representative;

(Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;)

4. Shareholders may send completed absentee ballots to the company in the following manner:

(Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:)

a) By post. The completed absentee ballots must bear the signature of the shareholder if the shareholder is an individual, or signature of the authorized representative or legal representative if the shareholder is an organization. Every absentee ballot sent to the company must be put into sealed envelopes. Envelopes must not be opened before counting;

(Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;)

b) By fax or email. Absentee ballots sent by fax or email must be kept confidential until the vote counting time. Absentee ballots sent to the company after the deadline written therein, absentee ballots sent by post in envelopes that are opened, absentee ballots sent by fax or email that are revealed are all invalid. If a absentee ballot is not submitted, it will be excluded from voting;

(Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;)

5. The Board of Directors shall count the votes and make a vote counting record before the Control Board or shareholders that do not hold managerial positions in the company.

The vote counting record must contain the following information:

(Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Name, ID number, headquarter address of the enterprise;

(Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;)

b) Purposes and issues that need voting;

(Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;)

c) The number of shareholders and total number of votes casted. The numbers of valid and invalid votes, methods of sending, enclosed with the list of voting shareholders;

(Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;)

d) Total number of affirmative votes, negative votes, and abstentions on each issue;

(Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;)

dd) The issues ratified;

(Các vấn đề đã được thông qua;)

e) Full name and signature of the Chairperson of the Board of Directors, the company's legal representative, vote counting supervisors, and vote counters. Members of the Board of Directors, vote counters and vote counting supervisors are jointly responsible for the truthfulness, accuracy of the vote counting record; jointly responsible for damage caused by the decisions ratified because of untruthful, incorrect counts of votes;

(Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;)

6. The vote counting record shall be sent to all shareholders within 15 days from the completion date of vote counting. If the company has a website, the vote counting record may be posted on such website instead of being sent to shareholders;

(Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;)

7. Completed absentee ballots, the vote counting record, ratified Resolutions, and relevant documents enclosed with absentee ballots shall be kept at the company's headquarter;

(Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;)

8. Resolutions ratified by absentee voting are as valuable as those ratified at the General Meeting of Shareholders.

(Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.)

Article 146. Minutes of General Meeting of Shareholders

(Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông)

1. The General Meeting of Shareholders must be recorded in writing, audio recordings, or other electronic means of recordings. The meeting minutes must be made in Vietnamese language (additional foreign language is permitted) and has the following information:

(Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) Name, ID number, headquarter address of the enterprise;

(Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;)

b) Time and location of the General Meeting of Shareholders;

(Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;)

c) Agenda and contents of the meeting;

(Chương trình và nội dung cuộc họp;)

d) Full names of the chair and secretary

(Họ, tên chủ tọa và thư ký;)

dd) Summary of the meeting and opinions given at the General Meeting of Shareholders with regard to each issue on the agenda;

(Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;)

e) The number of shareholders and total number of votes of attending shareholders; list of registered shareholders, representatives of shareholders, corresponding amount shares and votes;

(Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;)

g) Total votes on each issue, specifying the voting method, numbers of valid votes, invalid votes, affirmative votes, negative votes; corresponding ratio to total votes of attending shareholders;

(Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;)

h) The issues ratified and corresponding ratio of affirmative votes;

(Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;)

i) Signatures of the chair and secretary. The minutes made in Vietnamese language and foreign languages shall have equal legal effectiveness. In case of any discrepancies between the Vietnamese version and foreign language version, the Vietnamese version shall prevail.

(Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.)

2. The minutes of the General Meeting of Shareholders must be completed and ratified before the end of the meeting.

(Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.)

3. The chair and secretary are jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes. The minutes of the General Meeting of Shareholders must be sent to every shareholder within 15 days from the ending date of the meeting; the vote counting record may be posted on the company's website (if any) instead of being sent to shareholders. The minutes of the General Meeting of Shareholders, list of registered shareholders, ratified Resolutions, and relevant documents enclosed with the invitations must be kept at the company's headquarter.

(Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có). Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.)

Article 147. Request for annulment of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

(Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông)

Within 90 days from the day on which the minutes or the vote counting record is received, the shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2 Article 114 of this Law may request a court or arbitral tribunal to consider annulling the Resolution or part of the Resolution of the General Meeting of Shareholders in the following cases:

(Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:)

1. Procedures for convening the meeting and making decisions of the General Meeting of Shareholders are not conformable with this Law and the company's charter, except for the case in Clause 2 Article 148 of this Law;

(Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật này;)

2. Contents of the Resolution contravenes the law or the company's charter.

(Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.)

Article 148. Effect of Resolutions of the General Meeting of Shareholders

(Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông)



1. A Resolution of the General Meeting of Shareholders is effective from the day on which it is ratified or on the effective date written thereon.

(Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.)

2. Any Resolution of the General Meeting of Shareholders which is ratified with 100% of voting shares shall be legitimate and effective even if the procedures for ratifying such Resolution are not conformable with regulations.

(Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.)

3. In case a shareholder or group of shareholders request the court or arbitral tribunal to annul a Resolution of the General Meeting of Shareholders as prescribed in Article 147 of this Law, such Resolution is still effective until a dissenting decision is made by the court or arbitral tribunal, except for the case in which temporary emergency measures are taken under a decision of a competent authority.

(Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.)

Article 149. Board of Directors

(Hội đồng quản trị)

1. The Board of Directors is a regulatory body of the company, has the power to, on behalf of the company, make decisions, perform the company's rights and obligations beyond the competence of the General Meeting of Shareholders.

(Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.)

2. The Board of members has the following rights and obligations:

(Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Decide the strategies, midterm development plans, and annual business plans of the company;

(Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;)

b) Propose types of shares and total authorized shares of each type;

(Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;)

c) Decide the sale of new shares within the amount of authorized shares of each type; decide to raise additional capital in other manners;

(Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;)

d) Decide selling prices of the company's shares and bonds;

(Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;)

dd) Decide repurchases of shares according to Clause 1 Article 130 of this Law;
(Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật này;)

e) Decide investment plans and projects of investment within its competence and limits prescribed by law;
(Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;)

g) Decide solutions for market development, marketing, and technology;
(Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;)

h) Approve sale, loan, borrowing contracts, and other contracts of which the values are equal to or higher than 35% of the total asset value written in the latest financial statement of the company, unless another rate is prescribed by the company's charter. This Point does not apply to the contracts and transactions mentioned in Point d Clause 2 Article 135, Clause 1 and Clause 3 Article 162 of this Law;
(Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật này;)

i) Elect, dismiss, discharge from duty the Chairperson of the Board of Directors; designate, dismiss, sign contracts, terminate contracts with the Director/General Director and other key managers prescribed by the company's charter; decide salaries and other benefits of such managers; appoint representative to participate in the Board of members or the General Meeting of Shareholders of another company; decide the wages and other benefits of such persons;
(Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;)

k) Supervise, direct the Director/General Director and other managers to run the company's everyday business operation;
(Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;)

l) Decide the organizational structure, rules and regulations of the company, establishment of subsidiaries, branches, representative office, capital contributions to or purchase of shares of other enterprises;
(Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;)

m) Approve the agenda and documents of the General Meeting of Shareholders, convene the General Meeting of Shareholders or carry out absentee voting for the General Meeting of Shareholders to ratify decisions;
(Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;)

n) Submit annual financial statements to the General Meeting of Shareholders;
(Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;)

o) Propose the level of dividend payment; decide the deadline and procedures for dividend payment or settlement of losses incurred during the business operation;
(Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;)

p) Propose restructuring, dissolution, petition for bankruptcy of the company;
(Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;)

q) Perform other rights and obligations prescribed in this Law and the company's charter.
(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

3. The Board of Directors shall ratify decisions by voting at meetings, absentee voting, or another voting method prescribed by the company's charter. Each member of Board of Directors has a vote.
(Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.)

4. While performing its functions, rights and obligations, the Board of Directors shall comply with law, the company's charter, and Resolutions of the General Meeting of Shareholders. In case a Resolution is ratified by the Board of Directors against the law or the company's charter and thus causes damage to the company, every member that approves the ratification of such Resolution shall be jointly responsible for such Resolution and pay compensation for the company. Members who object such Resolution shall not take responsibility. In this case, any shareholder that hold the company's shares for at least 01 year shall be entitled to request the Board of Directors to suspend the implementation of such Resolution.

(Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.)

Article 150. Term of office and number of Members of the Board of Directors

(Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị)

1. The Board of Directors consists of 03 to 11 members. The company's charter shall specify the number of Members of the Board of Directors.

(Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.)

2. Each Member of the Board of Directors and independent member of the Board of Directors has a term of office of up to 05 years without term limit. The number of terms, specific term period, number



of Members of the Board of Directors required to reside in Vietnam shall be specified in the company's charter.

(Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định.)

3. In case the term of office of all Members of the Board of Directors expires at the same time, they are still Members of the Board of Directors until new members are elected and take over the office, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.)

4. If the joint-stock company is organized according to Point b Clause 1 Article 134 of this Law, documents and transactions of the company must bear the text "Thành viên độc lập" ("Independent member") before the names of corresponding Members of the Board of Directors.

(Trường hợp công ty cổ phần được tổ chức quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật này thì các giấy tờ, giao dịch của công ty phải ghi rõ "thành viên độc lập" trước họ, tên của thành viên Hội đồng quản trị tương ứng.)

5. The company's charter shall specify the number, rights, obligations, method of operation and cooperation of independent members of the Board of Directors.

(Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị.)

Article 151. Standards and conditions for Members of the Board of Directors

(Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị)

1. Members of the Board of Directors must:

(Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:)

a) be legally competent, not be banned from business administration as prescribed in Clause 2 Article 18 of this Article;

(Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này;)

b) has qualifications and experience of business administration; Members of the Board of Directors are not necessarily shareholders of the company, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.)

c) Members of the Board of Directors may concurrently hold the position of Members of the Board of Directors of other companies.

(Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.)

d) With regard to the subsidiaries over 50% of charter capital of which is held by the State, Members of the Board of Directors must not be spouses, parents, adoptive parents, children, adopted children,



siblings of the Director/General Director and other managers of the building work; must not be related persons of the manager and the person competent to designate the manager of the parent company.

(Đối với công ty con mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.)

2. Unless otherwise prescribed by regulations of law on securities, independent members of the Board of Directors prescribed in Point b Clause 1 Article 134 of this law must:

(Thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 của Luật này có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác:)

a) Not be a current employee of the company or its subsidiaries; not be a person that used to work for the company or the company's subsidiaries over the previous 03 consecutive years.

(Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.)

b) Not be a person receiving salaries, wages from the company, except for the benefits to which Members of the Board of Directors are entitled;

(Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;)

c) not have a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, or sibling being a major shareholder of the company, being a manager of the company or the company's subsidiary;

(Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;)

d) not directly or indirectly hold at least 1% of the company's voting shares;

(Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;)

dd) Not ever hold the position of Member of the Board of Directors, the Control Board over at least the previous 05 consecutive years.

(Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.)

3. Independent members of the Board of Directors must notify the Board of Directors of their failure to satisfy the conditions prescribed in Clause 2 of this Article. Such members are obviously no longer independent members of the Board of Directors from the day on which conditions are not satisfied. The Board of Directors shall report the cases in which independent members of the Board of Directors no longer satisfy conditions at the nearest General Meeting of Shareholders or convene a General Meeting of Shareholders to elect new independent members within 06 months from the day on which the independent member's notification is received.

(Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường

hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.)

Article 152. Chairperson of the Board of Directors

(Chủ tịch Hội đồng quản trị)

1. The Board of Directors shall elect a member of the Board of Directors as the Chairperson. The Chairperson of the Board of Directors may concurrently hold the position of Director/General Director, except for the cases in Clause 2 of this Article and unless otherwise prescribed by regulations of law on securities and the company's charter.

(Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này và Điều lệ công ty, pháp luật về chứng khoán không có quy định khác.)

2. The Chairperson of the Board of Directors of any joint-stock company over 50% of voting shares are held by the State may not concurrently hold the position of Director/General Director.

(Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% tổng số phiếu biểu quyết thì Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)

3. The Chairperson of the Board of Directors has the following rights and obligations:

(Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Formulate operation plans of the Board of Directors;

(Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;)

b) Prepare the agenda, contents, and documents of meetings; convene and chair meetings of the Board of Directors;

(Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;)

c) Organize the ratification of Resolutions of the Board of Directors;

(Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;)

d) Supervise the implementation of Resolutions of the Board of Directors;

(Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;)

dd) Chair meetings of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors;;

(Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;)

e) Perform other rights and obligations prescribed in this Law and the company's charter.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

4. If the Chairperson of the Board of Directors is absent or is not able to fulfill his/her duties, the Chairperson shall authorize another member in writing to perform rights and obligations of the Chairperson of the Board of Directors in accordance with the company's charter. In case no one is



authorized , other members shall elect one of them as a temporary Chairperson of the Board of Directors under the majority rule.

(Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.)

5. Where necessary, the Chairperson of the Board of Directors shall hire a secretary to assist the Board of Directors and the Chairperson of the Board of Directors in performing their duties in accordance with law and the company's charter. The company's secretary has the following rights and obligations:

(Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Assist the convention of the General Meeting of Shareholders and meetings of the Board of Directors; making meeting minutes;

(Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;)

b) Assist Members of the Board of Directors in performing their rights and obligations;

(Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;)

c) Assist the Board of Directors in applying and implementing the company's administration principles;

(Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;)

d) Assist the company in building shareholder relationships and protecting the lawful rights and interests of shareholders;

(Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;)

dd) Assist the company in fulfilling its obligation to provide information, disclose information and administrative procedures;

(Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;)

e) Perform other rights and obligations prescribed by the company's charter.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.)

6. The Chairperson of the Board of Directors may be dismissed under a decision of the Board of Directors.

(Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.)

Article 153. Meetings of the Board of Directors

(Cuộc họp Hội đồng quản trị)

1. The Chairperson of the Board of Directors shall be elected during the first meeting of the new Board of Directors within 07 working days from the end of the voting. This meeting shall be convened and chaired by the member that receives the most votes. If there is more than one member who has the



highest votes, they shall be voted for by members under the majority rule to convene the Board of Directors.

(Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.)

2. The Board of Directors may hold periodic and extraordinary meetings. The Board of Directors shall hold meetings at the company's headquarter or other locations.

(Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.)

3. Meetings of the Board of Directors shall be held by the Chairperson of the Board of Directors when it is deemed necessary. At least one meeting shall be held in a quarter.

(Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.)

4. The Chairperson of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors in the following cases:

(Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:)

a) The meeting is requested by the Control Board or independent members

(Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập;)

b) The meeting is requested by the Director/General Director or at least 05 other managers;

(Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;)

c) The meeting is requested by at least 02 executive members of the Board of Directors;

(Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;)

d) Other cases prescribed by the company's charter. The request must be made in writing, specifying the purposes, issues that need discussing, and decisions within the competence of the Board of Directors.

(Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.)

5. The Chairperson of the Board of Directors shall convene a meeting of the Board of Directors within 07 working days from the day on which the request mentioned in Clause 4 of this Article is received. If the Chairperson fails to convene the meeting on request, the Chairperson shall take responsibility for any damage to the company; the person who makes the request may convene a meeting of the Board of Directors instead of the Board of Directors.

(Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.)

6. The Chairperson of the Board of Directors or the convener of the Board of Directors meeting shall send invitations at least 03 working days before the meeting date, unless otherwise prescribed by the company's charter. The invitation must specify the time, location, agenda, issues, and decisions of the meeting. The invitation must be enclosed with documents used at the meeting and members' ballots. The invitation shall be sent by post, fax, email, or other means, as long as they reach the mailing address of every the Board of Directors, which is registered with the company.

(Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.)

7. The Chairperson of the Board of Directors or the convener shall send invitations and enclosed documents to Controllers as if they are members of the Board of Directors. Controllers are entitled to attend meetings of the Board of Directors, participate in discussion, and must not cast votes.

(Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.)

8. A meeting of the Board of Directors shall be held when it is attended by at least three fourths of the members. If the number of attending members is not sufficient, the second meeting shall be convened within 07 days from the initial meeting date, unless a shorter period is prescribed by the company's charter. In this case, the meeting shall be held if it is attended by at least half of Members of the Board of Directors.

(Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.)

9. A member of the Board of Directors is considered to have attended and cast votes at a meeting if such member:

(Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:)

a) Attends and cast votes directly at the meeting; or

(Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;)

b) Authorizes another person to attend the meeting as prescribed in Clause 10 of this Article; or

(Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.)

c) Attends and casts votes via an online meeting or a similar manner; or

(Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;)

d) Sends votes to the meeting by post, fax, or email. Votes sent to the meeting by post must be contained in sealed envelopes and given to the Chairperson of the Board of Directors at least one hour before the opening time. Votes shall be open before every participants. Unless otherwise prescribed by the company's charter, a Resolution of the Board of Directors shall be ratified if it is approved by a



majority of attending members; in the event of equal votes, the Chairperson of the Board of Directors shall have the casting vote.

(Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.)

10. Members must attend all meetings of the Board of Directors. A member may authorize another person to attend the meeting if approved by a majority of Members of the Board of Directors.

(Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.)

Article 154. Minutes of meetings of the Board of Directors

(Biên bản họp Hội đồng quản trị)

1. Meetings of the Board of Directors shall be recorded in writing, audio recordings, or other electronic means. The minutes must be made in Vietnamese languages (additional foreign languages are permitted) and contain the following information:

(Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) The enterprise's name, enterprise identification number, address of the headquarter;

(Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;)

b) Purposes, agenda, and contents of the meeting;

(Mục đích, chương trình và nội dung họp;)

c) Time and location of the meeting;

(Thời gian, địa điểm họp;)

d) Full name of each attending member or their authorized person, method of participation; full name of every member that does not attend and explanations;

(Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;)

dd) Issues discussed and voted on at the meeting;

(Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;)

e) Summary of opinions of each attending member in chronological order;

(Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;)

g) Voting result, specifying the members that casts affirmative votes, negative votes, and abstentions;

(Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;)

h) The issues that have been ratified;
(Các vấn đề đã được thông qua;)

i) Full names, signatures of the chair and the minutes maker. The chair and the minutes maker are responsible for the truthfulness and accuracy of the minutes of the Board of Directors meeting.
(Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.)

2. Minutes of the Board of Directors meetings and documents used during the meetings shall be kept at the company's headquarter.
(Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.)

3. The minutes made in Vietnamese language and those in foreign languages shall have equal value. In case of any discrepancy between the Vietnamese version and foreign language version, the former shall prevail.
(Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.)

Article 155. Right to obtain information of Members of the Board of Directors *(Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị)*

1. Members of the Board of Directors are entitled to request the Director/General Director or Deputy Director/Deputy General Director, and managers of units in the company to provide information about the financial status and performance of the company and units in the company.
(Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.)

2. The requested must provide timely, sufficient, accurate information and documents at the request of Members of the Board of Directors. Procedures for requesting and providing information shall be prescribed by the company's charter.
(Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.)

Article 156. Dismissal, discharge from duty and addition of Members of the Board of Directors *(Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị)*

1. A member of the Board of Directors shall be dismissed if he or she:
(Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:)

a) fails to satisfy the standards and conditions prescribed in Article 151 of this Law;
(Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật này;)



b) fails to participate in activities of the Board of Directors for 06 consecutive months, except for force majeure events;
(Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;)

c) tenders a resignation;
(Có đơn từ chức;)

d) Other cases prescribed by the company's charter.
(Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.)

2. Members of the Board of Directors may be discharged from duty under Resolutions of the General Meeting of Shareholders.

(Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.)

3. The Board of Directors shall convene the General Meeting of Shareholders to elect additional members of the Board of Directors in the following cases:

(Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:)

a) The number of Members of the Board of Directors is reduced by more than one third of the number prescribed by the company's charter. In this case, the Board of Directors shall convene a General Meeting of Shareholders within 60 days from the day on which the number of Members of the Board of Directors is reduced by more than one third;

(Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;)

b) the number of independent members of the Board of Directors falls below the ratio prescribed in Clause 1 Article 134 of this Law. In other cases, the nearest General Meeting of Shareholders shall elect new members to replace those who have been dismissed or discharged from duty.

(Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật này. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.)

Article 157. Director/General Director

(Giám đốc, Tổng giám đốc công ty)

1. The Board of Directors shall appoint one of them as or hire a Director/General Director.

(Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.)

2. The Director/General Director shall run the company's everyday business, be supervised by the Board of Directors, take responsibility to the Board of Directors for performance of given rights and obligations. A Director/General Director shall have a term of office of up to 05 years without term limit. Standards and conditions for the Director/General Director are the same as those prescribed in Article 65 of this Law.

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật này.)

3. The Director/General Director has the following rights and obligations:

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:)

a) Decide important issues related to the company's everyday business without decision of the Board of Directors;

(Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;)

b) Organize the implementation of Resolutions of the Board of Directors;

(Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;)

c) Organize the implementation of business plans and investment plans of the company;

(Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;)

d) Propose organizational structure, internal rules and regulations of the company;

(Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;)

dd) Designate, dismiss, discharge from duty the company's managers, except for the positions within the competence of the Board of Directors;

(Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;)

e) Decide the salaries and other benefits of the company's employees, including the managers designated by the Director/General Director;

(Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;)

g) Hire employees;

(Tuyển dụng lao động;)

h) Suggest plans for dividend payments or loss settlement;

(Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;)

i) Perform other rights and obligations prescribed by law, the company's charter, and Resolutions of the Board of Directors.

(Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.)

4. The Director/General Director shall run the company's everyday business in accordance with law, the company's charter, employment contract with the company, and Resolutions of the Board of Directors. If committing violations which cause damage to the company, the Director/General Director shall take legal responsibility and pay compensation for the company.

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.)

Article 158. Salaries, remunerations, and other benefits of members of the Board of Directors, Director/General Director

(Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc)

1. The company is entitled to pay remunerations to Members of the Board of Directors, salaries to the Director/General Director and other managers according to the business outcome.

(Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương cho Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.)

2. Unless otherwise prescribed by the company's charter, remunerations, salaries and other benefits of the Members of the Board of Directors, Director/General Director shall be paid as follows:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây:)

a) Members of the Board of Directors shall receive remunerations and bonuses. Remunerations are calculated according to the number of working days necessary for fulfilling the duties of Members of the Board of Directors and daily remuneration. The Board of Directors shall reach an agreement on estimated remuneration of each member. The total remuneration of the Board of Directors shall be decided by the General Meeting of Shareholders at the annual general meeting;

(Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;)

b) Members of the Board of Directors are entitled to have the cost of accommodation, meals, traveling, and other reasonable costs incurred during the performance of given duties reimbursed;

(Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;)

c) The Director/General Director shall receive salaries and bonuses. The Director/General Director's salaries and bonuses shall be decided by the Board of Directors.

(Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.)

3. Remunerations of Members of the Board of Directors and salaries of the Director/General Director and other managers shall be included in the company's operating cost in accordance with regulations of law on corporate income tax, be recorded as a separate item in the company's financial statement, and be reported at the annual general meeting.

(Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.)

Article 159. Publishing related interests
(Công khai các lợi ích liên quan)

Unless tighter regulations are prescribed by the company's charter, related persons and interests of the company shall be published as follows:

(Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:)

1. The company shall compile and update the list of related persons of the company in accordance with Clause 17 Article 4 of this Law and their transactions with the company;

(Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật này và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;)

2. Members of the Board of Directors, Controllers, the Director/General Director, and other managers of the company shall declare their related interests with the company, including:

(Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:)

a) Name, enterprise ID number, address of the headquarter, business lines of every enterprise of which they have stakes or shares; the proportion and time of obtainment of such stakes or shares;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;)

b) Name, enterprise ID number, address of the headquarter, business lines of every enterprise of which their related persons have a joint ownership or private ownership of stakes or shares that make up over 10% of charter capital;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;)

3. The information mentioned in Clause 2 of this Article shall be declared within 07 working days from the day on which related interests arise; any adjustment shall be notified to the company within 07 working days from the day on which such adjustment arises;

(Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;)

4. The List of related persons and related interests mentioned in Clause 1 and Clause 2 of this Article shall be published, examined, and copied as follows:

(Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:)

a) The company shall notify the List of related persons and related interests to the General Meeting of Shareholders at the annual meeting;

(Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;)



b) The List of related persons and related interests shall be kept at the enterprise's headquarter; part or all of the List may be kept at the company's branches where necessary;

(Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung Danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;)

c) Shareholders and authorized representatives of shareholders, Members of the Board of Directors, the Control Board, the Director/General Director, and other managers are entitled to examine and copy part of or all of the List during working hours;

(Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;)

d) The company shall enable the persons mentioned in Point c of this Clause to access, examine, and copy the List of related persons of the company and other contents in the most convenient manner; must not obstruct them to exercise such right. Procedures for examining and copying the List of related persons and related interests shall be prescribed by the company's charter.

(Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.)

5. Members of the Board of Directors, the Director/General Director that shall explain the nature and contents of the works they carry out single-handedly or on behalf of other persons to the Board of Directors and the Control Board. Such works may only be carried out when it is approved by a majority of other members of the Board of Directors; if the work is carried out without notification or approval by the Board of Directors, all incomes from such work shall belong to the company.

(Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.)

Article 160. Responsibilities of the company's managers

(Trách nhiệm của người quản lý công ty)

1. Members of the Board of Directors, Director/General Director, and other managers have the responsibilities to:

(Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:)

a) Perform given rights and obligations in accordance with this Law, relevant regulations of law, the company's charter, and Resolutions of the General Meeting of Shareholders;

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật này, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;)

b) Perform given rights and obligations in a truthful, careful manner to ensure the company's legitimate interests;

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;)

c) Act in the best interest of the company and shareholders; do not use information, secrets, business opportunities of the company; do not misuse the position, power, or assets of the company for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

(Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;)

d) Promptly, and accurately notify the company of the enterprises they and their related persons own or have the controlling stakes or shares; such notifications shall be posted at the company's headquarter and branches.

(Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.)

2. Perform other rights and obligations prescribed in this Law and the company's charter.

(Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 161. Rights to file lawsuit against Members of the Board of Directors, Director/General Director

(Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng giám đốc)

1. The shareholder or group of shareholders that continuously holds at least 1% of ordinary shares for 06 months is entitled to, whether single-handedly or on behalf of the company, file civil lawsuits against a Member of the Board of Directors or the Director/General Director if he/she:

(Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây:)

a) commit violations against obligations of the company's manager prescribed in Article 160 of this Law;

(Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật này;)

b) fails to perform given rights and obligations; fails to implement or to completely implement Resolutions of the Board of Directors;

(Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội đồng quản trị;)

c) Perform given rights and obligations against the law, the company's charter, or Resolutions of the General Meeting of Shareholders;

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;)



d) uses information, secrets, business opportunities of the company for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

(Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;)

dd) abuses the position, power, or assets of the company for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

(Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;)

e) Other cases prescribed by law and the company's charter.

(Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.)

2. Procedures for proceedings are prescribed by corresponding regulations of law on civil proceedings. The proceeding costs in case the shareholder or group of shareholders files a lawsuit on behalf of the company shall be included in the company's expense, unless such lawsuit is rejected.

(Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.)

Article 162. Contracts and transactions subject to approval by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors

(Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận)

1. Contracts and transactions between the company and the following entities are subject to approval by the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors:

(Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:)

a) Shareholders and authorized representative of shareholders that own more than 10% of ordinary shares of the company and their related persons;

(Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;)

b) Members of the Board of Directors, the Director/General Director, and their related persons;

(Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;)

c) The enterprises mentioned in Clause 2 Article 159 of this Law.

(Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật này.)

2. The Board of Directors must approve every contract and transaction smaller than 35% of the enterprise's total asset value written in the latest financial statement, or a smaller rate prescribed by the company's charter. In this case, the person that signs the contract on behalf of the company shall send a notification to Members of the Board of Directors and Controllers of the entities related to such contract or transaction, and enclose with the notification the draft contract or description of the transaction. The Board of Directors shall decide whether to approve the contract or transaction within 15 days from the day on which the notification is received, unless another time limit is prescribed by the company's charter; members with related interests do not have voting right.



(Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính, gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.)

3. The General Meeting of Shareholders shall approve contracts and transactions other than those prescribed in Clause 2 of this Article. In this case, the person that signs the contract on behalf of the company shall send a notification to the Board of Directors and Controllers of the entities related to such contract or transaction, and enclose with the notification the draft contract or description of the transaction. The Board of Directors shall submit the draft contract or description of the transaction to the General Meeting of Shareholders or carry out a absentee voting. In this case, shareholders with relevant interests do not have the voting right; the contract or transaction shall be accepted when it is vote for by a number of shareholders that represents 65% of the remaining votes, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.)

4. A contract or transaction shall be annulled and dealt with in accordance with law when it is concluded or carried out without approval as prescribed in Clause 2 and Clause 3 of this Article and thus causes damage to the company; the person that concludes the contract, related shareholders, Members of the Board of Directors, the Director/General Director are jointly responsible for paying compensation and return the incomes derived from such contract or transaction to the company.

(Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.)

Article 163. Control Board

(Ban kiểm soát)

1. The Control Board consists of 03 – 05 members, a Controller has a term of office of up to 05 years without term limit.

(Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.)

2. Controllers shall elect one of them as the Chief of the Control Board under the majority rule. Rights and obligations of the Chief of the Control Board shall be prescribed by the company's charter. More



than half of members of the Control Board must reside in Vietnam. The Chief of the Control Board must be a professional accountant or auditor and has to work full-time at the company, unless higher standards prescribed by the company's charter.

(Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.)

3. If term of office of all Controllers expires at the same time and Controllers of the new term are not elected, the Controllers shall keep performing their rights and obligations until Controllers of a new term are elected and take over the office.

(Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.)

Article 164. Standards and conditions of Controllers

(Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên)

1. A Controller must: *(Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:)*

a) be legally competent and not be banned from business administration and enterprise establishment as prescribed by this Law;

(Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;)

b) not be a spouse, birth parent, adoptive parent, birth child, adopted child, or sibling of any member of the Board of Directors, Director/General Director, or any other manager;

(Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;)

c) not hold managerial positions of the company. The Controller is not necessarily a shareholder or employee of the company, unless otherwise prescribed by the company's charter;

(Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;)

d) satisfy other standards and conditions of relevant regulations of law and the company's charter.

(Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.)

2. Controllers of listed joint-stock companies and companies of which over 50% of charter capital is held by the State must be auditors or accountants.

(Kiểm soát viên công ty cổ phần niêm yết, công ty do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.)

Article 165. Rights and obligations of the Control Board

(Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát)

The Control Board shall:



1. Supervise the Board of Directors, Director, or General Director managing and running the company.
(Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.)

2. Inspect the rationality, legitimacy, truthfulness, and prudence in business administration; the systematicness, consistency, and conformability of accounting works, statistical works, and the compilation of financial statements.

(Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.)

3. Inspect the sufficiency, legitimacy, and truthfulness of business outcome reports, annual and biannual financial statements of the company, management assessment report of the Board of Directors, and submit the inspection report at the annual general meeting.

(Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.)

4. Review, check, assess the effect and effectiveness of the internal control system, internal audit system, risk management and early warning system of the company.

(Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.)

5. Examine accounting books, accounting records and other documents of the company; managerial and administrative works of the company where necessary or under Resolutions of the General Meeting of Shareholders or at the request of the shareholder or group of shareholders prescribed in Clause 2 Article 114 of this Law.

(Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này.)

6. Carry out an inspection at the request of the shareholder or group of shareholders mentioned in Clause 2 Article 114 of this Law within 07 working days from the day on which the request is received. Within 15 days from the end of the inspection, the Control Board shall report the issues that need inspecting to the Board of Directors and the shareholder or group of shareholders that made the request. The inspection mentioned in this Clause must not obstruct the normal operation of the Board of Directors and must not interrupt the company's business administration.

(Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.)

7. Propose changes, improvements to the organizational structure, mechanism for managing, supervising, and running the company's operation to the Board of Directors or the General Meeting of Shareholders.



(Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.)

8. Notify the Board of Directors in writing if any Members of the Board of Directors, the Director or General Director violates Article 160 of this Law; request the violator to stop the violation and take remedial measures.

(Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.)

9. Attend and discuss at meetings of the Board of Directors, General Meetings of Shareholders, and other meetings of the company.

(Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.)

10. Employ independent consultants and internal audit department of the company to perform given duties.

(Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.)

11. Seek opinions of the Board of Directors before submitting reports, conclusions, and proposals to the General Meeting of Shareholders.

(Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.)

12. Perform other rights and obligations prescribed in this Law, the company's charter, and Resolutions of the General Meeting of Shareholders.

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.)

Article 166. Right to obtain information of the Control Board

(Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát)

1. Invitations, absentee ballots, and enclosed documents shall be sent to the Controllers at the same time and in the same manner as Members of the Board of Directors.

(Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.)

2. Resolutions and minutes of meetings of the Board of Directors and General Meetings of Shareholders shall be sent to the Controllers at the same time and in the same manner as shareholders and Members of the Board of Directors.

(Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.)

3. Reports of the Director/General Director submitted to the Board of Directors and other documents issued by the company shall be sent to the Controllers at the same time and in the same manner as Members of the Board of Directors.

(Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.)

4. Controllers are entitled to access documents of the company which are kept at the headquarter, branches, and other locations; entitled to enter working places of managers and employees of the company during working hours.

(Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.)

5. The Board of Directors, members of the Board of Directors, the Director/General Director, and other managers must provide sufficient, accurate, and timely information, documents about the management of the company at the request of members of the Control Board or the Control Board.

(Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.)

Article 167. Salaries and other benefits of Controllers

(Tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên)

Unless otherwise prescribed by the company's charter, salaries and other benefits of Controllers shall be as follows:

(Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:)

1. Controllers shall receive salaries and other benefits under decisions of the General Meeting of Shareholders. The General Meeting of Shareholders shall decide the total salary and annual budget of the Control Board;

(Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;)

2. Controllers shall have the reasonable cost of accommodation, meals, traveling, and independent consultancy services covered. The total salary and cost must not exceed the annual budget of the Control Board, which is approved by the General Meeting of Shareholders, unless otherwise decided by the General Meeting of Shareholders;

(Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;)

3. Salaries and expense of the Control Board shall be included in the company's operating cost in accordance with regulations of law on corporate income tax, relevant regulations of law, and shall be recorded as a separate item in the company's financial statement.



(Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.)

Article 168. Responsibilities of Controllers

(Trách nhiệm của Kiểm soát viên)

1. Comply with law, the company's charter, Resolutions of the General Meeting of Shareholders, and professional ethics while performing their rights and obligations.

(Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.)

2. Perform the given rights and obligations in a truthful, careful manner to ensure the company's legitimate interests;

(Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.)

3. Act in the best interest of the company and its shareholders; do not use information, secrets, business opportunities of the company; do not misuse the position, power, or assets of the company for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

(Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.)

4. Perform other rights and obligations prescribed in this Law and the company's charter.

(Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

5. The Controller that violates regulations in Clauses 1, 2, 3, and 4 of this Article and thus causes damage to the company or other persons shall take personal responsibility or pay compensation for such damage. All incomes and other interests of such Controller shall be returned to the company.

(Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho công ty.)

6. If a Controller is found committing violations while performing his/her given rights and obligations, the Board of Directors shall send a written notification to the Control Board, request the violator to stop the violations and take remedial measures.

(Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.)

Article 169. Dismissal and discharge from duty of Controllers

(Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên)

1. A Controller shall be dismissed if he or she:

(Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:)

a) no longer satisfies the standards and conditions prescribed in Article 164 of this Law;

(Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật này;)



b) fails to perform his/her rights and obligations for 06 consecutive months, except for force majeure events;

(Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;)

c) tenders a resignation which is accepted;

(Có đơn từ chức và được chấp thuận;)

d) Other cases prescribed by the company's charter.

(Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.)

2. A Controller shall be discharge from duty if he or she:

(Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:)

a) fails to fulfill the given tasks or duties;

(Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;)

b) Commit serious or repeated violations against obligations of Controllers prescribed by this Law and the company's charter;

(Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật này và Điều lệ công ty;)

c) is discharge under a decision of the General Meeting of Shareholders.

(Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.)

Article 170. Submission of annual reports

(Trình báo cáo hằng năm)

1. At the end of the fiscal year, the Board of Directors shall prepare the following reports and documents:

(Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:)

a) The report on the company's business outcome;

(Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;)

b) The financial statement;

(Báo cáo tài chính;)

c) The report on assessment of management of the company.

(Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.)

2. With regard to joint-stock companies required by law to be audited, their annual financial statements must be audited before being submitted to the General Meeting of Shareholders for consideration and ratification.

(Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hằng năm của công ty cổ phần phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.)



3. The reports and documents mentioned in Clause 1 of this Article must be sent to the Control Board for verification at least 30 days before the opening date of the General Meeting of Shareholders, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.)

4. The reports and documents shall be prepared by the Board of Directors; the verification reports of the Control Board and audit reports shall be kept at the company's headquarter and branches at least 10 days before the opening date of the General Meeting of Shareholders, unless a longer period is prescribed by the company's charter.

Any shareholder that continuously holds the company's shares for at least 01 year is entitled to, whether single-handedly or together with qualified lawyers, accountants, and auditors examine the reports mentioned in this Article at reasonable times.

(Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.)

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.)

Article 171. Disclosure of information about joint-stock companies

(Công khai thông tin công ty cổ phần)

1. Every joint-stock company shall send the annual financial statement ratified by the General Meeting of Shareholders to a competent authority in accordance with regulations of law on accounting and relevant regulations of law.

(Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.)

2. The joint-stock company shall post the following information on its website (if any):

(Công ty cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử (nếu có) của mình các thông tin sau đây:)

a) The company's charter; *(Điều lệ công ty;)*

b) Résumés, qualifications, and professional experience of members of the Board of Directors, Controllers, the Director/General Director of the company.

(Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty;)

c) Annual financial statements ratified by the General Meeting of Shareholders;

(Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;)

d) Reports on annual business outcome made by the Board of Directors and the Control Board.

(Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.)



3. Any unlisted joint-stock company shall notify the business registration authority where the company's headquarter is stated of the information or changes of information about the full names, nationalities, passport numbers, permanent residences, amount of shares and types of shares held by foreign shareholders, names, enterprise ID numbers, headquarter addresses, amount of shares and type of shares of shareholders being foreign organizations, full names, nationalities, passport numbers, permanent residences of authorized representatives of such organizations.

(Công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết phải thông báo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.)

4. Public companies shall disclose information in accordance with regulations of law on securities. Every joint-stock company over 50% charter capital of which is held by the State shall disclose information in accordance with Article 108 and Article 109 of this Law.

(Công ty cổ phần đại chúng thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Công ty cổ phần mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ công bố, công khai thông tin theo quy định tại Điều 108 và Điều 109 của Luật này.)

Chapter VI PARTNERSHIP (CÔNG TY HỢP DANH)

Article 172. Partnership (Công ty hợp danh)

1. A partnership means an enterprise of which:
(Công ty hợp danh là doanh nghiệp, trong đó:)

a) At least 02 partners are co-owner of the company who run business together in a common name (hereinafter referred to as general partner). Apart from general partners, the company may have contributing partners;

(Phải có ít nhất 02 thành viên là chủ sở hữu chung của công ty, cùng nhau kinh doanh dưới một tên chung (sau đây gọi là thành viên hợp danh). Ngoài các thành viên hợp danh, công ty có thể có thêm thành viên góp vốn;)

b) General partners are individuals who are responsible for the company's obligations with all of their property;

(Thành viên hợp danh phải là cá nhân, chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về các nghĩa vụ của công ty;)

c) Contributing partners are only liable for the company's debts up to the value of capital contributed to the company.

(Thành viên góp vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.)

2. A partnership has its own legal status from the issuance date of the Certificate of Business registration.



(Công ty hợp danh có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

3. Partnerships must not issue any kind of shares.

(Công ty hợp danh không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.)

Article 173. Contributing capital and issuing certificate of capital contribution

(Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp)

1. General partners and contributing partners shall fully and punctually contribute capital as committed.

(Thành viên hợp danh và thành viên góp vốn phải góp đủ và đúng hạn số vốn như đã cam kết.)

2. The general partner who fails to fully and punctually contribute capital as committed shall pay compensation for any damage to the company.

(Thành viên hợp danh không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết gây thiệt hại cho công ty phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho công ty.)

3. If a contributing partner fails to fully and punctually contribute capital as committed, the deficit of capital is considered that partner's debt to the company; in this case such contributing partner may be removed from the company under a decision of the Board of partners.

(Trường hợp có thành viên góp vốn không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì số vốn chưa góp đủ được coi là khoản nợ của thành viên đó đối với công ty; trong trường hợp này, thành viên góp vốn có liên quan có thể bị khai trừ khỏi công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên.)

4. As soon as capital is fully contributed, the partner shall be issued with the certificate of capital contribution. The certificate of capital contribution must contain the following information:

(Tại thời điểm góp đủ vốn như đã cam kết, thành viên được cấp giấy chứng nhận phần vốn góp. Giấy chứng nhận phần vốn góp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) The enterprise's name, enterprise identification number, address of the headquarter;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của công ty;)

b) The company's charter capital;

(Vốn điều lệ của công ty;)

c) Full name, permanent residence, nationality, ID/passport number of every partner; types of partners;

(Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của thành viên; loại thành viên;)

d) Value of stake and type of assets contributed as capital by partners;

(Giá trị phần vốn góp và loại tài sản góp vốn của thành viên;)

dd) Numbers and dates of issue of certificates of capital contribution;

(Số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;)

e) Rights and obligations of holders of certificates of capital contribution;

(Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu giấy chứng nhận phần vốn góp;)

g) Full names, signatures of holders of certificates of capital contribution and general partners.



(Họ, tên, chữ ký của người sở hữu giấy chứng nhận phần vốn góp và của các thành viên hợp danh của công ty.)

5. If the certificate of capital contribution is lost or damaged or otherwise destroyed, the partner shall have it reissued by the company.

(Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, thành viên được công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.)

Article 174. Assets of a partnership

(Tài sản của công ty hợp danh)

Assets of a partnership include: *Tài sản của công ty hợp danh bao gồm:*)

1. Contributed assets the ownership of which have been transferred to the company by members;

(Tài sản góp vốn của các thành viên đã được chuyển quyền sở hữu cho công ty;)

2. Created assets bearing the company's name;

(Tài sản tạo lập được mang tên công ty;)

3. Assets derived from business activities carried out by general partners on behalf of the company and from the business activities single-handedly carried out by general partners;

(Tài sản thu được từ hoạt động kinh doanh do các thành viên hợp danh thực hiện nhân danh công ty và từ các hoạt động kinh doanh của công ty do các thành viên hợp danh nhân danh cá nhân thực hiện;)

4. Other assets prescribed by law.

(Các tài sản khác theo quy định của pháp luật.)

Article 175. Restrictions on general partners

(Hạn chế quyền đối với thành viên hợp danh)

1. A general partner must not own a sole proprietorship or hold the position of general partner of another partnership, unless otherwise agreed by other general partners.

(Thành viên hợp danh không được làm chủ doanh nghiệp tư nhân hoặc thành viên hợp danh của công ty hợp danh khác, trừ trường hợp được sự nhất trí của các thành viên hợp danh còn lại.)

2. General partners must not do the same business lines of the company, whether single-handedly or on behalf of another person, for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

(Thành viên hợp danh không được quyền nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện kinh doanh cùng ngành, nghề kinh doanh của công ty đó để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.)

3. A general partner must transfer part of or all of his/her stake to another person, unless otherwise agreed by other general partners.

(Thành viên hợp danh không được quyền chuyển một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác nếu không được sự chấp thuận của các thành viên hợp danh còn lại.)

Article 176. Rights and obligations of general partners

(Quyền và nghĩa vụ của thành viên hợp danh)



1. Every general partner is entitled to:

(Thành viên hợp danh có các quyền sau đây:)

a) Attend meetings, discuss, and vote on the company's issues; each general partner has a vote (or a number of vote prescribed by the company's charter);

(Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết về các vấn đề của công ty; mỗi thành viên hợp danh có một phiếu biểu quyết hoặc có số phiếu biểu quyết khác quy định tại Điều lệ công ty;)

b) Do the business lines of the company in the name of the company; negotiate, conclude contracts and agreements with the terms and conditions that are considered by the general partner most beneficial to the company;

(Nhân danh công ty tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh của công ty; đàm phán và ký kết hợp đồng, thỏa thuận hoặc giao ước với những điều kiện mà thành viên hợp danh đó cho là có lợi nhất cho công ty;)

c) Use the company's seal and assets to do the company's business lines. Any general partner who advances his/her own money to do the company's business is entitled to request the company to return the money, including both principal and interest at the market rate;

(Sử dụng con dấu, tài sản của công ty để hoạt động kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh của công ty; trường hợp ứng trước tiền của mình để thực hiện công việc kinh doanh của công ty thì có quyền yêu cầu công ty hoàn trả lại cả số tiền gốc và lãi theo lãi suất thị trường trên số tiền gốc đã ứng trước;)

d) Request the company to compensate for the damage caused by the business operation if such damage is not at the partner's fault;

(Yêu cầu công ty bù đắp thiệt hại từ hoạt động kinh doanh trong thẩm quyền nếu thiệt hại đó xảy ra không phải do sai sót cá nhân của chính thành viên đó;)

dd) Request the company or other general partner to provide information about the company's performance; inspect the assets, accounting books, and other documents where necessary;

(Yêu cầu công ty, thành viên hợp danh khác cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty; kiểm tra tài sản, sổ kế toán và các tài liệu khác của công ty khi xét thấy cần thiết;)

e) Receive distributed profits in proportion to the capital contribution or under agreement according to the company's charter;

(Được chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ vốn góp hoặc theo thỏa thuận quy định tại Điều lệ công ty;)

g) Receive part of remaining assets in proportion to their stake holding in case the company is dissolved or bankrupt, unless a specific ration is prescribed by the company's charter;

(Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được chia một phần giá trị tài sản còn lại tương ứng theo tỷ lệ phần vốn góp vào công ty nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ khác;)

h) If a general partner dies, his/her inheritor shall receive the value of the company's assets minus (-) the debts owed by such partner. The inheritor may become a general partner if accepted by the Board of partners;

(Trường hợp thành viên hợp danh chết thì người thừa kế của thành viên được hưởng phần giá trị tài sản tại công ty sau khi đã trừ đi phần nợ thuộc trách nhiệm của thành viên đó. Người thừa kế có thể trở thành thành viên hợp danh nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận;)



i) Perform other rights prescribed in this Law and the company's charter.

(Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

2. General partners have responsibilities to:

(Thành viên hợp danh có các nghĩa vụ sau đây:)

a) Manage and run the business in a truthful, careful manner to ensure the company's legitimate interests;

(Tiến hành quản lý và thực hiện công việc kinh doanh một cách trung thực, cẩn trọng và tốt nhất bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa cho công ty;)

b) Manage and run the company's business in accordance with law, the company's charter, Resolutions of the Board of Partners; pay compensation for damage caused by failure to comply with regulations in this Point;

(Tiến hành quản lý và hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng thành viên; nếu làm trái quy định tại điểm này, gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại;)

c) not use the company's assets for self-seeking purposes or serving the interest of other entities;

(Không được sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;)

d) Return the money, assets received, and pay compensation for damage to the company caused by receipt of money or assets from the company's business operation instead of giving it to the company, whether single-handedly, on behalf of the company, or on behalf of other persons;

(Hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản đã nhận và bồi thường thiệt hại gây ra đối với công ty trong trường hợp nhân danh công ty, nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để nhận tiền hoặc tài sản khác từ hoạt động kinh doanh của công ty mà không đem nộp cho công ty;)

dd) Take joint responsibility for paying the remaining debts of the company if the company's assets are not sufficient to pay all its debts;

(Liên đới chịu trách nhiệm thanh toán hết số nợ còn lại của công ty nếu tài sản của công ty không đủ để trang trải số nợ của công ty;)

e) Bear a loss in proportion to their stakes in the company or under an agreement according to the company's charter in case the company suffers a loss;

(Chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp vào công ty hoặc theo thỏa thuận quy định tại Điều lệ công ty trong trường hợp công ty kinh doanh bị lỗ;)

g) Submit truthful and accurate monthly reports on his/her own performance; provide information about his/her owner performance to other partners at their request;

(Định kỳ hằng tháng báo cáo trung thực, chính xác bằng văn bản tình hình và kết quả kinh doanh của mình với công ty; cung cấp thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh của mình cho thành viên có yêu cầu;)

h) Perform other duties prescribed by this Law and the company's charter.

(Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 177. The Board of Partners

(Hội đồng thành viên)



1. The Board of partners consists of all partners The Board of partners shall elect a general partner as the Chairperson of the Board of partner, who concurrently holds the position of Director/General Director of the company, unless otherwise prescribed by the company's charter.

(Tất cả thành viên hợp lại thành Hội đồng thành viên. Hội đồng thành viên bầu một thành viên hợp danh làm Chủ tịch Hội đồng thành viên, đồng thời kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.)

2. General partners are entitled to request a meeting of the Board of partners to discuss and decide the company's business. The requesting partner shall prepare the meeting agenda and documents.

(Thành viên hợp danh có quyền yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để thảo luận và quyết định công việc kinh doanh của công ty. Thành viên yêu cầu triệu tập họp phải chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu họp.)

3. The Board of partners are entitled to decide every company's business. Unless otherwise prescribed by the company's charter, the following issues must be approved by at least three fourths (3/4) of general partners:

(Hội đồng thành viên có quyền quyết định tất cả công việc kinh doanh của công ty. Nếu Điều lệ công ty không quy định thì quyết định các vấn đề sau đây phải được ít nhất ba phần tư tổng số thành viên hợp danh chấp thuận:)

a) The company's development orientation;

(Phương hướng phát triển công ty;)

b) Amendments to the company's charter;

(Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;)

c) Admission of a new general partner;

(Tiếp nhận thêm thành viên hợp danh mới;)

d) Approval for a withdrawal or removal of general partner from the company;

(Chấp nhận thành viên hợp danh rút khỏi công ty hoặc quyết định khai trừ thành viên;)

dd) Decision on a project of investment;

(Quyết định dự án đầu tư;)

e) Decision to take loans and raise capital in other manners; give a loan with a value of $\geq 50\%$ charter capital of the company, unless a higher rate is prescribed by the company's charter;

(Quyết định việc vay và huy động vốn dưới hình thức khác, cho vay với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ khác cao hơn;)

g) Decision to buy, sell assets with a value of \geq the company's charter capital, unless a higher rate is prescribed by the company's charter;

(Quyết định mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn vốn điều lệ của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ khác cao hơn;)

h) Decision to ratify annual financial statement, total profit, distributable profit, and amount of profit distributed to each;



(Quyết định thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổng số lợi nhuận, được chia và số lợi nhuận chia cho từng thành viên;)

i) Decision to dissolve the company.

(Quyết định giải thể công ty.)

4. Decide any issue that is not mentioned in Clause 3 of this Article if the decision is approved by at least two thirds of general partners; the specific ration shall be prescribed by the company's charter.

(Quyết định về các vấn đề khác không quy định tại khoản 3 Điều này được thông qua nếu được ít nhất hai phần ba tổng số thành viên hợp danh tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.)

5. The right to vote of contributing partners shall comply with this Law and the company's charter.

(Quyền tham gia biểu quyết của thành viên góp vốn được thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Article 178. Convening meetings of Board of partners

(Triệu tập họp Hội đồng thành viên)

1. The Chairperson of the Board of partners may convene a meeting of the Board of partners whenever it is deemed necessary or at the request of general partners. If the Chairperson of the Board of partners fails to convene a meeting at the request of a general partner, such partner shall convene the meeting.

(Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể triệu tập họp Hội đồng thành viên khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của thành viên hợp danh. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp theo yêu cầu của thành viên hợp danh thì thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên.)

2. The invitation to the meeting may be made in writing, by phone, fax, or another electronic medium. The invitation must specify the purposes, requirements, contents, agenda, location of the meeting, and name of the partner that request the meeting.

Documents serving discussion of the issues mentioned in Clause 3 Article 177 of this Law must be sent in advance to all partners by the deadline prescribed by the company's charter.

(Thông báo mời họp có thể bằng giấy mời, điện thoại, fax hoặc phương tiện điện tử khác. Thông báo mời họp phải nêu rõ mục đích, yêu cầu và nội dung họp, chương trình và địa điểm họp, tên thành viên yêu cầu triệu tập họp.)

Các tài liệu thảo luận được sử dụng để quyết định các vấn đề quy định tại khoản 3 Điều 177 của Luật này phải được gửi trước đến tất cả thành viên; thời hạn gửi trước do Điều lệ công ty quy định.)

3. The Chairperson of the Board of convening partner shall chair the meeting. Every meeting of the Board of partners must be recorded into the minutes. The minutes must contain:

(Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc thành viên yêu cầu triệu tập họp chủ tọa cuộc họp. Cuộc họp của Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản của công ty. Nội dung biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) The enterprise's name, enterprise identification number, address of the headquarter;

(Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;)

b) Purposes, agenda, and contents of the meeting;

(Mục đích, chương trình và nội dung họp;)

c) Time and location of the meeting;



(Mục đích, chương trình và nội dung hợp;)

d) Full names of the chair and attending partners;
(Họ, tên chủ tọa, thành viên dự hợp;)

dd) Opinions of attending partners;
(Các ý kiến của thành viên dự hợp;)

e) The Resolutions ratified, number of partners that cast affirmative votes, and basic contents of such Resolutions;
(Các nghị quyết được thông qua, số thành viên tán thành và nội dung cơ bản của các nghị quyết đó;)

g) Full names and signatures of attending partners.
(Họ, tên, chữ ký của các thành viên dự hợp.)

Article 179. Running a partnership's business ***(Điều hành kinh doanh của công ty hợp danh)***

1. General partners are entitled to act as the company's legal representatives and run the company's everyday business. All restrictions on general partners' running the company's everyday business are only effective to a third party if such person knows such restrictions.

(Các thành viên hợp danh có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty. Mọi hạn chế đối với thành viên hợp danh, trong thực hiện công việc kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó.)

2. While running the company's business, general partners shall hold various positions of managers and controllers.

When some or all general partners do certain business works, decisions shall be ratified under the majority rule.

The company is not responsible for any work done by a general partner beyond the company's scope of business, unless such work is accepted by other partners.

(Trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty.

Khi một số hoặc tất cả thành viên hợp danh cùng thực hiện một số công việc kinh doanh thì quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số.

Hoạt động do thành viên hợp danh thực hiện ngoài phạm vi hoạt động kinh doanh của công ty đều không thuộc trách nhiệm của công ty, trừ trường hợp hoạt động đó đã được các thành viên còn lại chấp thuận.)

3. The company may open one or some bank accounts. The Board of partners shall authorize a partner to deposit and withdraw money from such accounts.

(Công ty có thể mở một hoặc một số tài khoản tại ngân hàng. Hội đồng thành viên chỉ định thành viên được ủy quyền gửi và rút tiền từ các tài khoản đó.)

4. The Chairperson of the Board of partners, the Director/General Director has the duties:

(Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có các nhiệm vụ sau đây:)

a) Run the company's everyday business as general partners;



(Quản lý và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty với tư cách là thành viên hợp danh;)

b) Convene and organize meetings of the Board of partners; sign Resolutions of the Board of partners;
(Triệu tập và tổ chức họp Hội đồng thành viên; ký các nghị quyết của Hội đồng thành viên;)

c) Give tasks and cooperate with other general partners in doing business;
(Phân công, phối hợp công việc kinh doanh, giữa các thành viên hợp danh;)

d) Arrange and keep accounting books, invoices, and other documents of the company in accordance with law;

(Tổ chức sắp xếp, lưu giữ đầy đủ và trung thực sổ kế toán, hóa đơn, chứng từ và các tài liệu khác của công ty theo quy định của pháp luật;)

dd) Represent the company in the relationship with regulatory bodies; represent the company as defendant or plaintiff in lawsuits, commercial disputes, or other disputes;

(Đại diện cho công ty trong quan hệ với cơ quan nhà nước; đại diện cho công ty với tư cách là bị đơn hoặc nguyên đơn trong các vụ kiện, tranh chấp thương mại hoặc các tranh chấp khác;)

e) Perform other duties prescribed by the company's charter.

(Các nghĩa vụ khác do Điều lệ công ty quy định.)

Article 180. Termination of general partner's status

(Chấm dứt tư cách thành viên hợp danh)

1. The general partner's status shall be terminated if the general partner:

(Tư cách thành viên hợp danh chấm dứt trong các trường hợp sau đây:)

a) Voluntarily withdraws capital from the company;

(Tự nguyện rút vốn khỏi công ty;)

b) Dies, is declared missing, or legally incompetent by the court;

(Đã chết, bị Tòa án tuyên bố là mất tích, hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc mất năng lực hành vi dân sự;)

c) Is removed from the company;

(Bị khai trừ khỏi công ty;)

d) Other cases prescribed by the company's charter.

(Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.)

2. A general partner is entitled to withdraw capital from the company if the withdrawal is accepted by the Board of partners. In this case, the partner that wishes to withdraw capital shall submit a notification at least 06 months before the withdrawal date and may only withdraw capital at the end of the fiscal year and after the financial statement of such fiscal year is ratified.

(Thành viên hợp danh có quyền rút vốn khỏi công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trường hợp này, thành viên muốn rút vốn khỏi công ty phải thông báo bằng văn bản yêu cầu rút vốn



chậm nhất 06 tháng trước ngày rút vốn; chỉ được rút vốn vào thời điểm kết thúc năm tài chính và báo cáo tài chính của năm tài chính đó đã được thông qua.)

3. A general partner shall be removed from the company if such partner:

(Thành viên hợp danh bị khai trừ khỏi công ty trong các trường hợp sau đây:)

a) is not able to contribute capital or fails to contribute capital as committed after the company has made the second request;

(Không có khả năng góp vốn hoặc không góp vốn như đã cam kết sau khi công ty đã có yêu cầu lần thứ hai;)

b) commit violations against Article 175 of this Law;

(Vi phạm quy định tại Điều 175 của Luật này;)

c) fails to run the business in a truthful and prudent manner; commit inappropriate acts that cause serious damage to the interests of the company and other partners;

(Tiến hành công việc kinh doanh không trung thực, không cẩn trọng hoặc có hành vi không thích hợp khác gây thiệt hại nghiêm trọng đến lợi ích của công ty và các thành viên khác;)

d) fails to fulfill duties of a general partner.

(Không thực hiện đúng các nghĩa vụ của thành viên hợp danh.)

4. When the partner's status of a general partner who is legally incompetent is terminated, such partner's stake shall be returned fairly and reasonably.

(Trường hợp chấm dứt tư cách thành viên của thành viên bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì phần vốn góp của thành viên đó được hoàn trả công bằng và thỏa đáng.)

5. Within 02 years from the date of status termination prescribed in Point a and Point c Clause 1 of this Article, that person is still jointly responsible for the company's debts incurred before the date of status termination with all of his/her property.

(Trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày chấm dứt tư cách thành viên hợp danh theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này thì người đó vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ của công ty đã phát sinh trước ngày chấm dứt tư cách thành viên.)

6. After the general partner's status is terminated, if the name of such partner is used as part of or all of the company's name, the partner or his/her inheritor or legal representative is entitled to request the company to stop using such name.

(Sau khi chấm dứt tư cách thành viên, nếu tên của thành viên bị chấm dứt đã được sử dụng làm thành một phần hoặc toàn bộ tên công ty thì người đó hoặc người thừa kế, người đại diện theo pháp luật của họ có quyền yêu cầu công ty chấm dứt việc sử dụng tên đó.)

Article 181. Admission of new general partner

(Tiếp nhận thành viên mới)

1. The company may admit new general partners or contributing partners; the admission of a new partner is subject to approval by the Board of partners.

(Công ty có thể tiếp nhận thêm thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn; việc tiếp nhận thành viên mới của công ty phải được Hội đồng thành viên chấp thuận.)



2. General partners or contributing partners shall fully contribute capital to the company as promised within 15 days from the approval date, unless another time limit is decided by the Board of partners.

(Thành viên hợp danh hoặc thành viên góp vốn phải nộp đủ số vốn cam kết góp vào công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được chấp thuận, trừ trường hợp Hội đồng thành viên quyết định thời hạn khác.)

3. The new general partner shall take joint responsibility for the companies' debts and liabilities with all of his/her property, unless otherwise agreed between such partner and other partners.

(Thành viên hợp danh mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty, trừ trường hợp thành viên đó và các thành viên còn lại có thỏa thuận khác.)

Article 182. Rights and obligations of contributing partners

(Quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn)

1. Contributing partners are entitled to:

(Thành viên góp vốn có các quyền sau đây:)

a) Attend meetings, discuss and vote at the Board of partners on amendments to the company's charter, adjustments to rights and obligations of contributing partner, restructuring or dissolution of the company, and other contents of the company's charter that directly affect their rights and obligations;

(Tham gia họp, thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng thành viên về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung các quyền và nghĩa vụ của thành viên góp vốn, về tổ chức lại và giải thể công ty và các nội dung khác của Điều lệ công ty có liên quan trực tiếp đến quyền và nghĩa vụ của họ;)

b) Receive annual distributed profits in proportion to the ratio of capital contribution to the company's charter capital;

(Được chia lợi nhuận hằng năm tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ của công ty;)

c) Be provided with the company's annual financial statements; request the Chairperson of the Board of partners and general partners to provide sufficient and accurate information about the company's performance; examine accounting books, records, contracts, transactions and other documents of the company;

(Được cung cấp báo cáo tài chính hằng năm của công ty; có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về tình hình và kết quả kinh doanh của công ty; xem xét sổ kế toán, biên bản, hợp đồng, giao dịch, hồ sơ và tài liệu khác của công ty;)

d) Transfer their stakes to other persons;

(Chuyển nhượng phần vốn góp của mình tại công ty cho người khác;)

dd) Do the company's business lines, whether single-handedly or on behalf of other persons;

(Nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác tiến hành kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh của công ty;)



e) Settle their stakes by bequeathing, giving, mortgaging, pawning or in other manners in accordance with law and the company's charter; in case a contributing partner dies, his/her inheritor shall become the company's contributing partner;

(Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách để thừa kế, tặng cho, thế chấp, cầm cố và các hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; trường hợp chết thì người thừa kế thay thế thành viên đã chết trở thành thành viên góp vốn của công ty;)

g) Receive part of remaining assets according to the proportion of their stakes to the company's charter capital in case the company is dissolved or bankrupt;

(Được chia một phần giá trị tài sản còn lại của công ty tương ứng với tỷ lệ vốn góp trong vốn điều lệ công ty khi công ty giải thể hoặc phá sản;)

h) Exercise other rights prescribed in this Law and the company's charter.

(Các quyền khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

2. Contributing partners are obliged to:

(Thành viên góp vốn có các nghĩa vụ sau đây:)

a) Take liability for the company's debts and other liabilities up to the value of promised capital contribution;

(Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp;)

b) Not participate in business administration, not do business on behalf of the company;

(Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã cam kết góp;)

c) Comply with the company's charter, rules and regulations, and decisions of the Board of partners;

(Tuân thủ Điều lệ, nội quy công ty và quyết định của Hội đồng thành viên;)

d) Perform other duties prescribed by this Law and the company's charter.

(Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.)

Chapter VII **SOLE PROPRIETORSHIPS** ***(DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN)***

Article 183. Sole proprietorships

(Doanh nghiệp tư nhân)

1. A sole proprietorship is an enterprise owned by an individual who is responsible for its operation with all of his/her property.

(Doanh nghiệp tư nhân là doanh nghiệp do một cá nhân làm chủ và tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp.)

2. Sole proprietorships must not issue any kind of shares.

(Doanh nghiệp tư nhân không được phát hành bất kỳ loại chứng khoán nào.)

3. Each individual may establish only one sole proprietorship. The owner of a sole proprietorship must not concurrently be a household business owner or partner of a partnership.

(Mỗi cá nhân chỉ được quyền thành lập một doanh nghiệp tư nhân. Chủ doanh nghiệp tư nhân không được đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên công ty hợp danh.)

4. Sole proprietorships must not contribute capital to establishment, buy shares or stakes in partnerships, limited liability companies, or joint-stock companies.

(Doanh nghiệp tư nhân không được quyền góp vốn thành lập hoặc mua cổ phần, phần vốn góp trong công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần.)

Article 184. Owner's capital

(Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp)

1. Capital of owner of a sole proprietorship is registered by the owner himself/herself. The sole proprietorship owner must register the exact amount of capital in VND, a convertible currency, gold, or other assets; if capital is in the form of other assets, the type, quantity, and remaining value of each type of assets must be specified.

(Vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân do chủ doanh nghiệp tự đăng ký. Chủ doanh nghiệp tư nhân có nghĩa vụ đăng ký chính xác tổng số vốn đầu tư, trong đó nêu rõ số vốn bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng và các tài sản khác; đối với vốn bằng tài sản khác còn phải ghi rõ loại tài sản, số lượng và giá trị còn lại của mỗi loại tài sản.)

2. All capital and assets, including loan capital and leased assets used for the company's business operation, must be recorded in the company's accounting books and financial statements as prescribed by law.

(Toàn bộ vốn và tài sản kể cả vốn vay và tài sản thuê được sử dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.)

3. During the operation, the owner of the sole proprietorship may increase or increase his/her capital investment in the company's business operation. The increase or decrease in the owner's capital must be recorded in accounting books. If the decreased capital falls below the registered capital, the owner may only decrease capital after registering with the business registration authority.

(Trong quá trình hoạt động, chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư của mình vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc tăng hoặc giảm vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp phải được ghi chép đầy đủ vào sổ kế toán. Trường hợp giảm vốn đầu tư xuống thấp hơn vốn đầu tư đã đăng ký thì chủ doanh nghiệp tư nhân chỉ được giảm vốn sau khi đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh.)

Article 185. Business management

(Quản lý doanh nghiệp)

1. The owner of the sole proprietorship has the absolute discretion as to the company's business operation, the use of post-tax profit, and shall fulfill other financial obligations as prescribed by law.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân có toàn quyền quyết định đối với tất cả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.)



2. The owner may directly or hire another person to manage the business operation. When hiring another person as the Director, the owner is still responsible for every business operation of the company.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân có thể trực tiếp hoặc thuê người khác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh. Trường hợp thuê người khác làm Giám đốc quản lý doanh nghiệp thì vẫn phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.)

3. The owner shall be the plaintiff, defendant, or person with related rights/obligations before the arbitral tribunal or the court in the disputes over the company.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân là nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án trong các tranh chấp liên quan đến doanh nghiệp.)

4. The owner of the sole proprietorship is the company's legal representative.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.)

Article 186. Company leasing

(Cho thuê doanh nghiệp)

The owner of the sole proprietorship is entitled to lease out his/her entire company, provided a written notification enclosed with a notarized copy of the lease contract is sent to the business registration authority and tax authority within 03 working days from the day effective date of the lease contract. In this case, the sole proprietorship's owner is still legally responsible as the enterprise's owner. The rights and obligations of the owner and the lessee to the company's business operation shall be specified in the lease contract.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền cho thuê toàn bộ doanh nghiệp của mình nhưng phải thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao hợp đồng cho thuê có công chứng đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hợp đồng cho thuê có hiệu lực thi hành. Trong thời hạn cho thuê, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật với tư cách là chủ sở hữu doanh nghiệp. Quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu và người thuê đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được quy định, trong hợp đồng cho thuê.)

Article 187. Selling company

(Bán doanh nghiệp)

1. The sole proprietorship's owner is entitled to sell his/her company to another person.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền bán doanh nghiệp của mình cho người khác.)

2. After selling the company, the sole proprietorship's owner is still responsible for the company's debts and other liabilities which are incurred before the handover date, unless otherwise agreed among the buyer, the seller, and the creditors.

(Sau khi bán doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp tư nhân vẫn phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp phát sinh trong thời gian trước ngày chuyển giao doanh nghiệp, trừ trường hợp người mua, người bán và chủ nợ của doanh nghiệp có thỏa thuận khác.)

3. The buyer and seller shall comply with regulations of law on labor.

(Người bán, người mua doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động.)

4. The buyer shall register a change of the sole proprietorship's owner in accordance with this Law.
(Người mua doanh nghiệp phải đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân theo quy định của Luật này.)

Chapter VIII **GROUPS OF COMPANIES** *(NHÓM CÔNG TY)*

Article 188. Business corporations, general companies *(Tập đoàn kinh tế, tổng công ty)*

1. Business corporations and general companies of various economic sectors are groups of companies that are related to each other through ownership of shares, stakes, or other kinds of connection. A business corporation or a general company is not a type of business entity, does not have a legal status, and is not required to apply for establishment registration as prescribed by this Law.

(Tập đoàn kinh tế, tổng công ty thuộc các thành phần kinh tế là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác. Tập đoàn kinh tế, tổng công ty không phải là một loại hình doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân, không phải đăng ký thành lập theo quy định của Luật này.)

2. A business corporation or general company has a parent company, subsidiaries, and other affiliate companies. The parent company, subsidiaries, and each of the associate companies of a business corporation or general companies have rights and obligations of independent enterprises as prescribed by law.

(Tập đoàn kinh tế, tổng công ty có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác. Công ty mẹ, công ty con và mỗi công ty thành viên trong tập đoàn kinh tế, tổng công ty có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của pháp luật.)

Article 189. Parent company and subsidiaries *(Công ty mẹ, công ty con)*

1. A company is considered parent company of another company if the former company:

(Một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:)

a) Owns more than 50% of charter capital or total ordinary shares of the other company;

(Sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó;)

b) Is entitled to directly or indirectly decide the designation of a majority of or all of Members of the Board of Directors, the Director/General Director of the other company;

(Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty đó;)

c) Is entitled to decide amendments to the other company's charter.

(Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó.)

2. Subsidiaries must not contribute capital to or buy shares of the parent company. Subsidiaries of the same parent company must not contribute capital or buy shares of each other for the purpose of cross ownership.



(Công ty con không được đầu tư góp vốn, mua cổ phần của công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được cùng nhau góp vốn, mua cổ phần để sở hữu chéo lẫn nhau.)

3. Subsidiaries of the same parent company which has at least 65% state capital must not contribute capital to establish an enterprise as prescribed in this Law.

(Các công ty con có cùng một công ty mẹ là doanh nghiệp có sở hữu ít nhất 65% vốn nhà nước không được cùng nhau góp vốn thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật này.)

4. The Government shall elaborate Clause 2 and Clause 3 of this Article.

(Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 Điều này.)

Article 190. Rights and obligations of parent company to subsidiaries

(Quyền và trách nhiệm của công ty mẹ đối với công ty con)

1. Depending on the type of business of the subsidiary, the parent company shall perform its rights and obligations as a member/partner, owner, or shareholder of the subsidiary in accordance with corresponding regulations of this Law and relevant regulations of law.

(Tùy thuộc vào loại hình pháp lý của công ty con, công ty mẹ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách là thành viên, chủ sở hữu hoặc cổ đông trong quan hệ với công ty con theo quy định tương ứng của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.)

2. The contracts, transactions, and other relationships between the parent company and the subsidiary must be established and executed independently and equitably under conditions applied to independent legal entities.

(Hợp đồng, giao dịch và quan hệ khác giữa công ty mẹ và công ty con đều phải được thiết lập và thực hiện độc lập, bình đẳng theo điều kiện áp dụng đối với các chủ thể pháp lý độc lập.)

3. If the parent company makes intervention beyond the competence of the owner, member/partner, or shareholder and requires the subsidiary to do business against usual practice or engage in unprofitable activities without providing acceptable compensation in the fiscal year and, the parent company shall be responsibility for any damage to the subsidiary.

(Trường hợp công ty mẹ can thiệp ngoài thẩm quyền của chủ sở hữu, thành viên hoặc cổ đông và buộc công ty con phải thực hiện hoạt động kinh doanh trái với thông lệ kinh doanh bình thường hoặc thực hiện hoạt động không sinh lợi mà không đền bù hợp lý trong năm tài chính có liên quan, gây thiệt hại cho công ty con thì công ty mẹ phải chịu trách nhiệm về thiệt hại đó.)

4. The manager of the parent company shall take responsibility for the intervention mentioned in Clause 3 of this Article and, together with the parent company, take joint responsibility for the damage.

(Người quản lý của công ty mẹ chịu trách nhiệm về việc can thiệp buộc công ty con thực hiện hoạt động kinh doanh quy định tại khoản 3 Điều này phải liên đới cùng công ty mẹ chịu trách nhiệm về các thiệt hại đó.)

5. If the parent company fails to provide compensation for the subsidiary as prescribed in Clause 3 of this Article, the creditor, member/partner, or shareholder that holds at least 1% of charter capital of the subsidiary is entitled to, whether single-handedly or on behalf of the subsidiary, request the parent company to pay compensation for the subsidiary.

(Trường hợp công ty mẹ không đền bù cho công ty con theo quy định tại khoản 3 Điều này thì chủ nợ hoặc thành viên, cổ đông có sở hữu ít nhất 1% vốn điều lệ của công ty con có quyền nhân danh chính mình hoặc nhân danh, công ty con đòi công ty mẹ đền bù thiệt hại cho công ty con.)

6. If the business activities of a subsidiary mentioned in Clause 3 of this Article bring profits for another subsidiary of the same parent company, the subsidiary that receives such profit shall, together with the parent company, return the profit to the subsidiary that suffers the loss.

(Trường hợp hoạt động kinh doanh như quy định tại khoản 3 Điều này do công ty con thực hiện đem lại lợi ích cho công ty con khác của cùng một công ty mẹ thì công ty con được hưởng lợi đó phải liên đới cùng công ty mẹ hoàn trả khoản lợi được hưởng đó cho công ty con bị thiệt hại.)

Article 191. Financial statements of parent company and subsidiaries

(Báo cáo tài chính của công ty mẹ, công ty con)

1. At the end of the fiscal years, apart from the reports and documents prescribed by law, the parent company shall make the following reports:

(Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, ngoài báo cáo và tài liệu theo quy định của pháp luật, công ty mẹ còn phải lập các báo cáo sau đây:)

a) Consolidated financial statement of the parent company in accordance with regulations of law on accounting;

(Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ theo quy định của pháp luật về kế toán;)

b) The report on summary of annual business outcome of the parent company and subsidiaries;

(Báo cáo tổng hợp kết quả kinh doanh hằng năm của công ty mẹ và công ty con;)

c) The report on summary of management and administration of the parent company and subsidiaries.

(Báo cáo tổng hợp công tác quản lý, điều hành của công ty mẹ và công ty con.)

2. The persons in charge of making the reports mentioned in Clause 1 of this Article shall not make and submit such reports before receiving all financial statements of subsidiaries.

(Người chịu trách nhiệm lập báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này chưa được lập và đệ trình các báo cáo đó nếu chưa nhận được đầy đủ báo cáo tài chính của các công ty con.)

3. At the request of legal representative of the parent company, the legal representative of the subsidiary shall provide necessary reports, documents, and information as prescribed to make the consolidated financial statement and summary report of the parent company and subsidiaries.

(Khi có yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ, người đại diện theo pháp luật của công ty con phải cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con.)

4. The parent company's manager shall use such reports to make the consolidated financial statement and summary report of the parent company and subsidiaries if the reports made and submitted by subsidiaries are not suspected to be contain incorrect, inaccurate, or false information.

(Người quản lý công ty mẹ sử dụng các báo cáo đó để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con nếu không có nghi ngờ về việc báo cáo do công ty con lập và đệ trình có thông tin sai lệch, không chính xác hoặc giả mạo.)

5. In case the parent company's manager does not receive necessary reports, documents, and information from a subsidiary after taking all necessary measures within his/her competence, the parent company's manager shall still make and submit the consolidated financial statement and summary report of the parent company and subsidiaries. The report might or might not contain information from such subsidiary, but explanation must be provided to avoid misunderstanding.

(Trong trường hợp người quản lý công ty mẹ đã áp dụng các biện pháp cần thiết trong phạm vi thẩm quyền mà vẫn không nhận được báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định từ công ty con thì người quản lý công ty mẹ vẫn lập và trình báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con. Báo cáo có thể gồm hoặc không gồm các thông tin từ công ty con đó, nhưng phải có giải trình cần thiết để tránh hiểu nhầm hoặc hiểu sai lệch.)

6. Reports, annual financial statements of the parent company, subsidiaries, consolidated financial statements, and summary reports of the parent company and subsidiaries must be kept at the parent company's headquarter. Copies of the reports and documents in this Clause must be available of the parent company's branches in Vietnam's territory.

(Các báo cáo, tài liệu quyết toán tài chính hằng năm của công ty mẹ, của công ty con và các báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ và công ty con phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty mẹ. Bản sao của các báo cáo, tài liệu quy định tại khoản này phải có ở các chi nhánh của công ty mẹ trên lãnh thổ Việt Nam.)

7. Subsidiaries must make summary reports on purchase, sale, and other transactions with the parent company in addition to the reports and documents prescribed by law.

(Đối với các công ty con, ngoài các báo cáo, tài liệu theo quy định của pháp luật, còn phải lập báo cáo tổng hợp về mua, bán và các giao dịch khác với công ty mẹ.)

Chapter IX

RESTRUCTURING, DISSOLUTION, AND BANKRUPTCY OF ENTERPRISES *(TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP)*

Article 192. Total division

(Chia doanh nghiệp)

1. A limited liability company or joint-stock company may divide shareholders/members, and assets of the company (hereinafter referred to as transferor company) to establish two new companies or more (hereinafter referred to as transferee company) in one of the following cases:

(Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể chia các cổ đông, thành viên và tài sản công ty để thành lập hai hoặc nhiều công ty mới trong một trong các trường hợp sau đây:)

a) Part of stakes/shares of members/shareholders and an amount of assets proportional to the value of stakes/shares are transferred to the transferee companies according to their holding in the transferor company and corresponding to the value of assets transferred to the transferee companies;

(Một phần phần vốn góp, cổ phần của các thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị phần vốn góp, cổ phần được chia sang cho các công ty mới theo tỷ lệ sở hữu trong công ty bị chia và tương ứng giá trị tài sản được chuyển cho công ty mới;)

b) All of stakes/shares of one or some members/shareholders and an amount of assets proportional to the value of stakes/shares are transferred to the transferee enterprises;

(Toàn bộ phần vốn góp, cổ phần của một hoặc một số thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị cổ phần, phần vốn góp họ được chuyển sang cho các công ty mới;)

c) A combination of both cases in Point a and Point b of this Clause.
(Kết hợp cả hai trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.)

2. Procedures for total division of a limited liability company or joint-stock company:
(Thủ tục chia công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần được quy định như sau:)

a) The Board of members, the owner, or the General Meeting of Shareholders of the transferor company shall ratify the Resolution on total division in accordance with this Law and the company's charter. The Resolution on total division must contain basic information including the transferor company's name, headquarter addresses, names of transferee companies; rules, method, and procedures for asset division; employment plan; method, time limit, and procedures for transferring the transferor company's stakes, shares, bonds to transferee companies; rules for fulfillment of the transferor company's obligations; time limit for division. The Resolution on total division shall be sent to all creditors and notified to all employees within 15 days from the ratification date;

(Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông của công ty bị chia thông qua nghị quyết chia công ty theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty. Nghị quyết chia công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị chia tên các công ty sẽ thành lập; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chia tài sản công ty; phương án sử dụng lao động; cách thức phân chia, thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị chia sang các công ty mới thành lập; nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của công ty bị chia; thời hạn thực hiện chia công ty. Nghị quyết chia công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết;)

b) Members, the owner, or shareholders of each of the transferee companies shall ratify its charter, elect or designate the Chairperson of the Board of members, the company's President, the Board of Directors, Director/General Director, and apply for business registration in accordance with this Law. In this case, the application for enterprise registration of the transferee companies must be enclosed with the Resolution on total division mentioned in Point a of this Clause.

(Thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc cổ đông của công ty mới được thành lập thông qua Điều lệ, bầu hoặc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và tiến hành đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với công ty mới phải kèm theo nghị quyết chia công ty quy định tại điểm a khoản này.)

3. The number of members, shareholders, their holding of stakes/shares, quantity of shareholders and charter capital of the transferee companies are corresponding to the method of dividing, transferring stakes/shares of the transferor company to the transferee companies in the cases mentioned in Clause 1 of this Article.

(Số lượng thành viên, cổ đông và số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp của thành viên, cổ đông và vốn điều lệ của các công ty mới sẽ được ghi tương ứng với cách thức phân chia, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần của công ty bị chia sang các công ty mới tương ứng với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.)

4. The transferor company shall cease to exist after the transferee companies are issued with their Certificates of Business registration. Transferee companies are jointly responsible for the unpaid debts,

employment contracts, and other liabilities of the transferor company, or reach agreements with the creditors, customers, and employees to decide on one of the companies to settle such obligations.

(Công ty bị chia chấm dứt tồn tại sau khi các công ty mới được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị chia hoặc thỏa thuận với chủ nợ, khách hàng và người lao động để một trong số các công ty đó thực hiện các nghĩa vụ này.)

5. The business registration authority shall update the legal status of the transferor company on the National Business Registration Database when issuing Certificates of Business registration to transferee companies. If the transferee company's headquarter is outside the province in which the transferor company's headquarter is situated, the business registration authority of the province in which the transferee company's headquarter is situated shall notify the business registration of the transferee company to the business registration authority of the province in which the transferor company's headquarter is situated in order to update the legal status of the transferor company on National Enterprise Registration Database.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị chia trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho công ty mới. Trường hợp công ty mới có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi công ty bị chia có trụ sở chính thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính công ty mới phải thông báo việc đăng ký doanh nghiệp công ty mới cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty bị chia đặt trụ sở chính để cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị chia trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 193. Partial division

(Tách doanh nghiệp)

1. A limited liability company or joint-stock company may be partially divided by transferring part of its existing assets, rights and obligations (hereinafter referred to as transferor company) to establish one or some new limited liability companies or joint-stock companies (hereinafter referred to as transferee companies) without terminating the existence of the transferor company.

(Công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản, quyền và nghĩa vụ của công ty hiện có (sau đây gọi là công ty bị tách) để thành lập một hoặc một số công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần mới (sau đây gọi là công ty được tách) mà không chấm dứt tồn tại của công ty bị tách.)

2. Partial division may be carried out using one of the following methods:

(Tách công ty có thể thực hiện theo một trong các phương thức sau đây:)

a) Part of stakes/shares of members/shareholders and an amount of assets proportional to the value of stakes/shares are transferred to the transferee companies according to their holding in the transferor company and corresponding to the value of assets transferred to the transferee companies;

(Một phần phần vốn góp, cổ phần của các thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị phần vốn góp, cổ phần được chuyển sang cho các công ty mới theo tỷ lệ sở hữu trong công ty bị tách và tương ứng giá trị tài sản được chuyển cho công ty mới;)

b) All of stakes/shares of one or some members/shareholders and an amount of assets proportional to the value of their stakes/shares are transferred to the transferee companies;

(Toàn bộ phần vốn góp, cổ phần của một hoặc một số thành viên, cổ đông cùng với tài sản tương ứng với giá trị cổ phần, phần vốn góp của họ được chuyển sang cho các công ty mới;)

c) A combination of both cases in Point a and Point b of this Clause.
(Kết hợp cả hai trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này.)

3. The transferor company shall register a change to charter capital and number of members, which are proportional to the decrease in stakes/shares and quantity of members, at the same time with business registration of transferee companies.

(Công ty bị tách phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ và số lượng thành viên tương ứng với phần vốn góp, cổ phần và số lượng thành viên giảm xuống đồng thời với đăng ký doanh nghiệp các công ty mới.)

4. Procedures for partial division of a limited liability company or a joint-stock company:
(Thủ tục tách công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần được quy định như sau:)

a) The Board of members, the owner, or the General Meeting of Shareholders of the transferor company shall ratify the Resolution on partial division in accordance with this Law and the company's charter. The Resolution on partial division must contain basic information including the transferor company's name, headquarter addresses, names of transferee companies; employment plan; division method; value of assets, rights and obligations transferred from the transferor company to the transferee companies; time limit for division. The Resolution on partial division shall be sent to all creditors and notified to all employees within 15 days from the ratification date;

(Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc Đại hội đồng cổ đông của công ty bị tách thông qua nghị quyết tách công ty theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty. Nghị quyết tách công ty phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị tách; tên công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; cách thức tách công ty; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ công ty bị tách sang công ty được tách; thời hạn thực hiện tách công ty. Nghị quyết tách công ty phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua nghị quyết;)

b) Members, the owner, or shareholders of each of the transferee companies shall ratify its charter, elect or designate Chairpersons of the Board of members, the company's President, the Board of Directors, Director/General Director, and apply for business registration in accordance with this Law. In this case, the application for enterprise registration must be enclosed with the Resolution on partial division mentioned in Point a of this Clause.

(Các thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc các cổ đông của công ty được tách thông qua Điều lệ, bầu hoặc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và tiến hành đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật này. Trường hợp này, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp phải kèm theo nghị quyết tách công ty quy định tại điểm a khoản này.)

5. After business registration, the transferor company and transferee companies are jointly responsible for the unpaid debts, employment contracts, and other liabilities of the transferor company, unless otherwise agreed among the transferor company, transferee companies, the transferor company's creditors, customers, and employees.

(Sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty bị tách và công ty được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị tách, trừ trường hợp công ty bị tách, công ty mới thành lập, chủ nợ, khách hàng và người lao động của công ty bị tách có thỏa thuận khác.)



Article 194. Corporate amalgamation ***(Hợp nhất doanh nghiệp)***

1. Two or some companies (hereinafter referred to as consolidating companies) may consolidate into a new company (hereinafter referred to as consolidated company). After that, consolidating companies shall cease to exist.

(Hai hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty mới (sau đây gọi là công ty hợp nhất), đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất)

2. Procedures for consolidation: *(Thủ tục hợp nhất công ty được quy định như sau:)*

a) The consolidating companies prepare the consolidation contract. The consolidation contract must contain the consolidating companies' names, headquarter addresses; the consolidated company's name and headquarter address; procedures and conditions for consolidation; employment plan; time limit and procedures for transferring assets, stakes, shares, bonds of the consolidating companies to the consolidated company; time limit for consolidation; draft charter of the consolidated company;

(Các công ty bị hợp nhất chuẩn bị hợp đồng hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của các công ty bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị hợp nhất thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;)

b) Members, the owner, or shareholders of the consolidating companies shall ratify the consolidation contract, the consolidated company's charter, elect or designate Chairpersons of the Board of members, the company's President, the Board of Directors, Director/General Director of the consolidated company, and apply for business registration in accordance with this Law. The consolidation contract shall be sent to all creditors and notified to all employees within 15 days from the ratification date;

(Các thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc các cổ đông của các công ty bị hợp nhất thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ công ty hợp nhất, bầu hoặc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc công ty hợp nhất và tiến hành đăng ký doanh nghiệp công ty hợp nhất theo quy định của Luật này. Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua.)

3. If the consolidated company has 30% - 50% of the market share, legal representatives of consolidating companies shall notify the competition authority before initiating the consolidation process, unless otherwise prescribed by the Law on Competition.

Consolidation is prohibited if the consolidated company has more than 50% of the market share after consolidation, unless otherwise prescribed by the Law on Competition.

(Trường hợp hợp nhất mà theo đó công ty hợp nhất có thị phần từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của công ty bị hợp nhất phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành hợp nhất, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác.)

Cấm các trường hợp hợp nhất mà theo đó công ty hợp nhất có thị phần trên 50% trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác.)

4. Documents and procedures for registration of the consolidated company shall comply with this Law. Copies of the following documents shall be enclosed:



(Hồ sơ, trình tự đăng ký doanh nghiệp công ty hợp nhất thực hiện theo các quy định tương ứng của Luật này và phải kèm theo bản sao các giấy tờ sau đây:)

a) The consolidation contract;
(Hợp đồng hợp nhất;)

b) The Resolutions and meeting minutes that ratify the consolidation contract of the consolidating companies.
(Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng hợp nhất của các công ty bị hợp nhất.)

5. After business registration, the consolidating companies shall cease to exist; the consolidated company shall inherit the lawful rights and interests as well as unpaid debts, employment contract, and other liabilities of the consolidating companies.

(Sau khi đăng ký doanh nghiệp, các công ty bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; công ty hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty bị hợp nhất.)

6. The business registration authority shall update the legal status of the consolidating companies on the National Business Registration Database when issuing the Certificate of Business registration to the consolidated company. If the new company's headquarter is outside the province in which the divided company's headquarter is situated, the business registration authority of the province in which the new company's headquarter is situated shall notify the business registration of the new company to the business registration authority of the province in which the divided company's headquarter is situated in order to update the legal status of the divided company on National Enterprise Registration Database.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị hợp nhất trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho công ty hợp nhất. Trường hợp công ty bị hợp nhất có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty hợp nhất thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty hợp nhất phải thông báo việc đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính công ty bị hợp nhất để cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị hợp nhất trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 195. Acquisition

(Sáp nhập doanh nghiệp)

1. One or some companies (hereinafter referred to as acquired companies) may be merged into another company (hereinafter referred to as the acquirer) by transferring all assets, legitimate rights, obligations, and interests to the acquirer. After that, the acquired companies shall cease to exist.

(Một hoặc một số công ty (sau đây gọi là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty khác (sau đây gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của công ty bị sáp nhập.)

2. Procedures for acquisition:

(Thủ tục sáp nhập công ty được quy định như sau:)

a) Relevant companies shall prepare the acquisition contract and draft the charter of the acquirer. The acquisition contract must contain the acquirer's names, headquarter addresses; the acquired company's



name and headquarter address; procedures and conditions for acquisition; employment plan; time limit and procedures for transferring assets, stakes, shares, bonds of the consolidating companies to the acquirer; time limit for acquisition;

(Các công ty liên quan chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ công ty nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty nhận sáp nhập; tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; cách thức, thủ tục, thời hạn và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập;)

b) Members, the owners, or shareholders of each of relevant companies shall ratify the acquisition contract, charter of the acquirer, and apply for registration of the acquirer as prescribed by this Law. The acquisition contract shall be sent to all creditors and notified to all employees within 15 days from the ratification date;

(Các thành viên, chủ sở hữu công ty hoặc các cổ đông của các công ty liên quan thông qua hợp đồng sáp nhập, Điều lệ công ty nhận sáp nhập và tiến hành đăng ký doanh nghiệp công ty nhận sáp nhập theo quy định của Luật này. Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua;)

c) After business registration, the acquired companies shall cease to exist; the acquirer shall inherit the lawful rights and interests as well as unpaid debts, employment contract, and other liabilities of the acquired companies.

(Sau khi đăng ký doanh nghiệp, công ty bị sáp nhập chấm dứt tồn tại; công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.)

3. If the acquirer has 30% - 50% of the market share, legal representatives of the companies shall notify the competition authority before initiating the acquisition process, unless otherwise prescribed by the Law on competition.

Acquisition is prohibited if the acquirer has more than 50% of the market share after acquisition, unless otherwise prescribed by the Law on Competition.

(Trường hợp sáp nhập mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần từ 30% đến 50% trên thị trường liên quan thì đại diện hợp pháp của công ty thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành sáp nhập, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác.

Cấm các trường hợp sáp nhập các công ty mà theo đó công ty nhận sáp nhập có thị phần trên 50% trên thị trường có liên quan, trừ trường hợp Luật cạnh tranh có quy định khác.)

4. Documents and procedures for registration of the acquirer shall comply with this Law. Copies of the following documents shall be enclosed:

(Hồ sơ, trình tự đăng ký doanh nghiệp công ty nhận sáp nhập thực hiện theo các quy định tương ứng của Luật này và phải kèm theo bản sao các giấy tờ sau đây:)

a) The acquisition contract;

(Hợp đồng sáp nhập;)

b) The Resolutions and meeting minutes that ratify the acquisition contract of the acquirer.

(Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty nhận sáp nhập;)



c) The Resolution and meeting minutes that ratify the acquisition contract of the acquired companies, unless the acquirer is a member/partner or shareholder that holds more than 65% of charter capital or voting shares of the acquired company.

(Nghị quyết và biên bản họp thông qua hợp đồng sáp nhập của các công ty bị sáp nhập, trừ trường hợp công ty nhận sáp nhập là thành viên, cổ đông sở hữu trên 65% vốn điều lệ hoặc cổ phần có quyền biểu quyết của công ty bị sáp nhập.)

5. The business registration authority shall update the legal status of the acquired companies on the National Business Registration Database and adjust the Certificate of Business registration of the acquirer.

If the headquarter of an acquired company is outside the province in which the acquirer's headquarter is situated, the business registration authority of the province in which the acquirer's headquarter is situated shall notify the business registration authority of the province in which the acquired company's headquarter is situated in order to update the legal status of the acquired company on National Enterprise Registration Database.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh tiến hành cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị sáp nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp cho công ty nhận sáp nhập.)

Trường hợp công ty bị sáp nhập có địa chỉ trụ sở chính ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính công ty nhận sáp nhập thì Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi công ty nhận sáp nhập thông báo việc đăng ký doanh nghiệp cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính công ty bị sáp nhập để cập nhật tình trạng pháp lý của công ty bị sáp nhập trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 196. Converting a limited liability company into a joint-stock company

(Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần)

1. When a state-owned company is converted into a joint-stock company, regulations of law on conversion of state-owned companies into joint-stock companies shall apply.

(Đối với doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần thì thực hiện theo quy định của pháp luật về việc chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần.)

2. A limited liability company may be converted into a joint-stock company in one of the following manners:

(Công ty trách nhiệm hữu hạn có thể chuyển đổi thành công ty cổ phần theo phương thức sau đây:)

a) Conversion into a joint-stock company without raising capital from other entities, without selling stakes to other entities;

(Chuyển đổi thành công ty cổ phần mà không huy động thêm tổ chức, cá nhân khác cùng góp vốn, không bán phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân khác;)

b) Conversion into a joint-stock company by raising capital from other entities;

(Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn;)

c) Conversion into a joint-stock company by selling part of or all of the stakes to one or some other entities;

(Chuyển đổi thành công ty cổ phần bằng cách bán toàn bộ hoặc một phần phần vốn góp cho một hoặc một số tổ chức, cá nhân khác;)

d) Combination of the methods in Points a, b, and c of this Clause.
(Kết hợp phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này.)

3. The company shall register the conversion with a business registration authority within 10 days from the day on which the conversion is completed. Within 05 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall reissue the Certificate of Business registration.

(Công ty phải đăng ký chuyển đổi công ty với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, cơ quan đăng ký doanh nghiệp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

4. The converted company obviously inherits all of the lawful rights and interests, debts including tax debts, employment contracts, and other obligations of the old company.

(Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi.)

5. Within 07 working days from the day on which the Certificate of Business registration is issued, the business registration authority shall notify relevant regulatory bodies as prescribed in Clause 1 Article 34 of this Law, and update the company's legal status on the National Business Registration Database.

(Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 197. Converting a joint-stock company into a single-member limited liability company ***(Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)***

1. A joint-stock company may be converted into a single-member limited liability company in one of the following manners:

(Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo phương thức sau đây:)

a) A shareholder receives the transfer of all shares and stakes of all other shareholders;

(Một cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp tương ứng của tất cả các cổ đông còn lại;)

b) A organization or individual other than a shareholder receives the transfer of all shares of all of the company's shareholders;

(Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của tất cả cổ đông của công ty;)

c) The company has only one shareholder for a period of time exceeding the time limit prescribed in Article 110 of this Law.

(Một tổ chức hoặc cá nhân không phải là cổ đông nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của tất cả cổ đông của công ty;)

2. The transfer or receipt of capital in the form of shares or stakes mentioned in Clause 1 of this Article shall comply with market prices. Prices are determined according to the asset method, discounted cash flow method, or other methods.



(Việc chuyển nhượng hoặc nhận góp vốn đầu tư bằng cổ phần, phần vốn góp quy trình tại khoản 1 Điều này phải thực hiện theo giá thị trường, giá được định theo phương pháp tài sản, phương pháp dòng tiền chiết khấu hoặc phương pháp khác.)

3. Within 15 days from the completion of share transfer prescribed in Point a and Point b Clause 1 of this Article, if the event mentioned in Point c Clause 1 of this Article occurs, the company shall send or submit the application for conversion to the business registration authority where the enterprise registered. Within 05 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall issue the Certificate of Business registration.

(Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng cổ phần theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này và xảy ra trường hợp điểm c khoản 1 Điều này, công ty gửi hoặc nộp hồ sơ chuyển đổi tại Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đã đăng ký. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

4. The converted company obviously inherits all of the lawful rights and interests, debts including tax debts, employment contracts, and other obligations of the old company.

(Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi.)

5. Within 07 working days from the day on which the Certificate of Business registration is issued, the business registration authority shall notify relevant regulatory bodies as prescribed in Clause 1 Article 34 of this Law, and update the company's legal status on the National Business Registration Database.

(Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 198. Converting a joint-stock company into a multi-member limited liability company

(Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên)

1. A joint-stock company may be converted into a multi-member limited liability company in one of the following manners:

(Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo phương thức sau đây:)

a) Conversion into a limited liability company without raising additional capital or transferring shares to other entities;

(Công ty cổ phần có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo phương thức sau đây:)

b) Conversion into a limited liability company together with raising capital from other entities;

(Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn đồng thời với huy động thêm tổ chức, cá nhân khác góp vốn;)

c) Conversion into a limited liability company together with transferring part of or all of shares to other organizations and individuals that contribute capital;

(Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn đồng thời với chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần của toàn bộ hoặc một phần cổ phần cho tổ chức, cá nhân khác góp vốn;)



d) Combination of the methods in Points a, b, and c of this Clause.

(Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn kết hợp các phương thức quy định tại các điểm a, b và c khoản này.)

2. The company shall register the conversion with a business registration authority within 10 days from the day on which the conversion is completed. Within 05 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall issue the Certificate of Business registration.

(Công ty phải đăng ký chuyển đổi công ty với Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ chuyển đổi, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

3. The converted company obviously inherits all of the lawful rights and interests, debts including tax debts, employment contracts, and other obligations of the old company.

(Công ty chuyển đổi đương nhiên kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ khác của công ty được chuyển đổi.)

4. Within 07 working days from the day on which the Certificate of Business registration is issued, the business registration authority shall notify relevant regulatory bodies as prescribed in Clause 1 Article 34 of this Law, and update the company's legal status on the National Business Registration Database.

(Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của công ty trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 199. Converting a sole proprietorship into a limited liability company

(Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn)

1. A sole proprietorship may be converted into a limited liability company under a decision of the sole proprietorship's owner if all of the following conditions are satisfied:

(Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân nếu đủ các điều kiện sau đây:)

a) All conditions in Clause 1 Article 28 of this Law are satisfied;

(Có đủ các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này;)

b) The sole proprietorship's owner is the owner (if the sole proprietorship is converted into single-member limited liability company under the ownership of an individual) or member (if the sole proprietorship is converted into a multi-member limited liability company) of the limited liability company;

(Chủ doanh nghiệp tư nhân phải là chủ sở hữu công ty (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu) hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên);)

c) The sole proprietorship's owner makes a written commitment to take personal responsibility for all unpaid debts of the sole proprietorship with all of his/her property and to settle the debts when they are due;

(Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn;)

d) The sole proprietorship's owner has a written agreement with parties of unfinished contracts that the new limited liability company will take over such contracts;

(Chủ doanh nghiệp tư nhân có thỏa thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó;)

dd) The sole proprietorship's owner makes a written commitment or agreement with other capital contributors to employ the existing employees of the sole proprietorship.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản hoặc có thỏa thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân.)

2. Within 05 working days from the receipt of the application, the business registration authority shall consider issuing the Certificate of Business registration if all of the conditions in Clause 1 of this Article are satisfied.

(Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nếu có đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này.)

3. Within 07 working days from the day on which the Certificate of Business registration is issued as prescribed in Clause 2 of this Article, the business registration authority shall notify relevant regulatory bodies as prescribed in Clause 1 Article 34 of this Law, and update the company's legal status on the National Business Registration Database.

(Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo cho các cơ quan nhà nước có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật này; đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 200. Enterprise suspension

(Tạm ngừng kinh doanh)

1. A enterprise may suspend its business as long as a written notification of the time and duration of suspension and time of resumption is sent to the business registration authority at least 15 days before the date of suspension or resumption. This regulation still applies in case the enterprise resumes its business before the notified date.

(Doanh nghiệp có quyền tạm ngừng kinh doanh nhưng phải thông báo bằng văn bản về thời điểm và thời hạn tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất 15 ngày trước ngày tạm ngừng hoặc tiếp tục kinh doanh. Quy định này áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.)

2. The business registration authority or competent authority shall request an enterprise to suspend the business lines subject to conditions if such conditions are not satisfied by the enterprise.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.)

3. During the suspension period, the enterprise shall pay outstanding tax, keep paying its debts, executing contracts with customers and employers, unless otherwise agreed among the enterprise, its creditors, customers, and employees.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.)

Article 201. Cases of and conditions for dissolution

(Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp)

1. A enterprise shall be dissolved in the following cases:

(Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:)

a) The operation period written in the company's charter expires without a decision on extension;

(Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;)

b) The dissolution is decided by the owner of the sole proprietorship, by all general partners of the partnership, by the Board of members or owner of the limited liability company, or insurance the General Meeting of Shareholders of the joint-stock company;

(Theo quyết định của chủ doanh nghiệp đối với doanh nghiệp tư nhân, của tất cả thành viên hợp danh đối với công ty hợp danh, của Hội đồng thành viên, chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, của Đại hội đồng cổ đông đối với công ty cổ phần;)

c) The company fails to maintain the minimum number of members prescribed by this Law for 06 consecutive months without following procedures for business conversion;

(Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật này trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;)

d) The Certificate of Business registration is revoked.

(Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

2. The enterprise shall only be dissolved if all debts and liabilities can be settled and the enterprise is involved in any dispute at a court or arbitral tribunal. Relevant managers and enterprises mentioned in Point d Clause 1 of this Article are jointly responsible for the enterprise's debts.

(Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.)

Article 202. Procedures for enterprise dissolution

(Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp)

The dissolution in the cases mentioned in Points a, b, and c Clause 1 Article 201 of this Law shall be carried out as follows:

Việc giải thể doanh nghiệp trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 của Luật này được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Ratify the decision on dissolution. The decision on dissolution must contain:



(Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau đây:)

a) The enterprise's name and headquarter address; *(Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;)*

b) Reasons for dissolution; *(Lý do giải thể;)*

c) Procedures for finalizing contracts and settling debts of the enterprise; the deadline for settling debts and finalizing contracts must not exceed 06 months from the day on which the decision on dissolution is ratified;

(Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá 06 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;)

d) Plans for settlement of obligations derived from employment contracts;

(Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;)

dd) Full name and signature of the enterprise's legal representative.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.)

2. Sole proprietorship's owner, the Board of members, owner, or the Board of Directors shall directly organize the enterprise's asset liquidation, unless a separate liquidation organization must be established according to the company's charter.

(Chủ doanh nghiệp tư nhân, Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thành lập tổ chức thanh lý riêng.)

3. Within 07 working days from the approval date, the decision on dissolution meeting minutes must be sent to the business registration authority, tax authority, and employees of the enterprise; the decision on dissolution shall be posted on National Business Registration Portal, the enterprise's headquarter, branches, and representative offices.

If there are unsettled financial obligations, the decision on dissolution shall be enclosed with the debt settlement plan and sent to the creditors, people with relevant rights, obligations, and interests. The plan must contain the creditors' names and addresses; the amount of debts, deadline, location, and method of payment; method and deadline for settlement of creditors' complaints.

(Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể và biên bản họp phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp, đăng quyết định giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải gửi kèm theo quyết định giải thể phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền, lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.)

4. The business registration authority shall post a notification of the status of every enterprise undergoing dissolution process on the National Business Registration Portal right after receiving the decision on dissolution from the enterprise. The notification must be posted together with the decision on dissolution and debt settlement plan (if any).

(Cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của



doanh nghiệp. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ (nếu có).

5. The enterprise's debts shall be paid in the following order:

(Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau đây:)

a) Unpaid salaries, severance pay, social insurance as prescribed by law, other benefits of employees according to collective bargaining agreement and signed employment contracts;

(Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;)

b) Tax debts;

(Nợ thuế;)

c) Other debts.

(Các khoản nợ khác.)

6. After all debts and dissolution costs are paid, the remaining value shall be received by the sole proprietorship's owner, members, shareholders, or owner of the company according to their holding of stakes or shares in the company.

(Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại chia cho chủ doanh nghiệp tư nhân, các thành viên, cổ đông hoặc chủ sở hữu công ty theo tỷ lệ sở hữu phần vốn góp, cổ phần.)

7. The legal representative of the enterprise shall send the petition for dissolution to the business registration authority within 05 working days from the day on which all of the enterprise's debts are settled.

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.)

8. The business registration authority shall update the enterprise's legal status of National Enterprise Registration Database if no opinions or objections from relevant parties are received after 180 days from the day on which the decision on dissolution is receipt as prescribed in Clause 3 of this Article or within 05 working days from the receipt of the petition for dissolution.

(Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều này mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

9. Government shall elaborate the procedures for business dissolution.

(Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp.)

Article 203. Enterprise dissolution upon revocation of Certificate of Business registration or under a Court's decision

(Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án)



The enterprise dissolution mentioned in Point d Clause 1 Article 201 of this Law shall be carried out following the procedures below:

(Việc giải thể doanh nghiệp theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 của Luật này được thực hiện theo trình tự, thủ tục sau đây:)

1. The business registration authority shall post a notification of the status of the enterprise undergoing dissolution process on the National Business Registration Portal concurrently with issuing a decision to revoke the Certificate of Business registration or as soon as receiving an effective decision on dissolution issued by a Court. The notification shall be posted together with the Court's decision to revoke the Certificate of Business registration;

(Cơ quan đăng ký kinh doanh, phải thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp đồng thời với việc ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giải thể của Tòa án đã có hiệu lực thi hành. Kèm theo thông báo phải đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án;)

2. Within 10 days from the receipt of the decision to revoke the Certificate of Business registration or from the effective date of the Court's decision, the enterprise shall convene a meeting to decide the dissolution. The decision on dissolution and copy of the decision to revoke the Certificate of Business registration or the effective Court's decision shall be sent to the business registration authority, tax authority, and employees of the enterprise, and be posted at the enterprise's headquarter and branches. If required by law, the decision shall be posted on at least 03 consecutive issues of a conventional newspaper or online newspapers.

If there are unsettled financial obligations, the decision on dissolution shall be enclosed with the debt settlement plan and sent to the creditors, people with relevant rights, obligations, and interests. The plan must contain the creditors' names and addresses; the amount of debts, deadline, location, and method of payment; method and deadline for settlement of creditors' complaints.

(Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực, doanh nghiệp phải triệu tập họp để quyết định giải thể. Quyết định giải thể và bản sao quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực phải được gửi đến Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan thuế, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh của doanh nghiệp. Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.

Trường hợp doanh nghiệp còn nghĩa vụ tài chính chưa thanh toán thì phải đồng thời gửi kèm theo quyết định giải thể của doanh nghiệp phương án giải quyết nợ đến các chủ nợ, người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.)

3. The enterprise's debts shall be paid in accordance with Clause 5 Article 202 of this Law.

(Việc thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 202 của Luật này.)

4. The legal representative of the enterprise shall send the petition for dissolution to the business registration authority within 05 working days from the day on which all of the enterprise's debts are settled.

(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp gửi đề nghị giải thể cho Cơ quan đăng ký kinh doanh trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp.)

5. The business registration authority shall update the enterprise's legal status of National Enterprise Registration Database if no opinions or objections from relevant parties are received after 180 days from the notification date prescribed in Clause 1 of this Article or within 05 working days from the receipt of the petition for dissolution.

(Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày thông báo tình trạng giải thể doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không nhận phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

6. The company manager is personally responsible for the damage cause by failure to comply with or to completely comply with regulations of this Article.

(Cá nhân người quản lý công ty có liên quan phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại do việc không thực hiện hoặc không thực hiện đúng quy định tại Điều này.)

Article 204. Petition for enterprise dissolution

(Hồ sơ giải thể doanh nghiệp)

1. The petition for dissolution include the following documents:

(Hồ sơ giải thể doanh nghiệp bao gồm giấy tờ sau đây:)

a) A notification of the enterprise dissolution;

(Thông báo về giải thể doanh nghiệp;)

b) A report on liquidation of the enterprise's assets; a list of creditors and paid debts, including tax debts, outstanding social insurance contributions, and debts owed to employees after deciding the dissolution (if any);

(Báo cáo thanh lý tài sản doanh nghiệp; danh sách chủ nợ và số nợ đã thanh toán, gồm cả thanh toán hết các khoản nợ về thuế và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội, người lao động sau khi quyết định giải thể doanh nghiệp (nếu có);)

c) The seal and seal certificate (if any);

(Con dấu và giấy chứng nhận mẫu dấu (nếu có);)

d) The Certificate of Business registration.)

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

2. Members of the Board of Directors of the joint-stock company, members of the Board of members of the limited liability company, the company's owner, the sole proprietorship's owner, the Director/General Director, general partners, legal representative of the enterprise shall be responsible for the truthfulness and accuracy of the petition.

(Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần, thành viên Hội đồng thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn, chủ sở hữu công ty, chủ doanh nghiệp tư nhân, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, thành viên hợp danh, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của hồ sơ giải thể doanh nghiệp.)

3. If the petition are not accurate or fraudulent, the persons mentioned in Clause 2 of this Article are jointly responsible for paying the unpaid debts, taxes, and unsettled employees' benefits, and take



personal responsibility for any consequence that ensue within 05 years from the day on which petition for dissolution is submitted to the business registration authority.

(Trường hợp hồ sơ giải thể không chính xác, giả mạo, những người quy định tại khoản 2 Điều này phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán, số thuế chưa nộp và quyền lợi của người lao động chưa được giải quyết và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm, kể từ ngày nộp hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến Cơ quan đăng ký kinh doanh.)

Article 205. Banned activities as from issuance of decision on dissolution

(Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể)

1. From the issuance of the decision on dissolution, the enterprise and its manager are prohibited to:

(Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau đây:)

a) Hide, illegally liquidate assets; *(Cất giấu, tẩu tán tài sản;)*

b) Renounce or reduce the right to claim debts; *(Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;)*

c) Convert unsecured debts into debts secured on the enterprise's assets;

(Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;)

d) Sign new contracts, except for those serving the enterprise's dissolution;

(Ký kết hợp đồng mới trừ trường hợp để thực hiện giải thể doanh nghiệp;)

dd) Mortgage, pledge, give, lease out assets;

(Cầm cố, thế chấp, tặng cho, cho thuê tài sản;)

e) Terminate effective contracts; *(Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;)*

g) Raise capital in any shape or form. *(Huy động vốn dưới mọi hình thức.)*

2. Depending on the nature and seriousness violations, the individual that commits the violations in Clause 1 of this Article shall face administrative violations or criminal prosecution, and pay compensation for any damage caused.

(Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, cá nhân có hành vi vi phạm khoản 1 Điều này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.)

Article 206. Shut down of branches and representative offices

(Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện)

1. A branch or representative office of an enterprise shall be terminated under a decision of the enterprise or a decision to revoke the Certificate of registration of branch or representative office issued by a competent authority

(Chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp được chấm dứt hoạt động theo quyết định của chính doanh nghiệp đó hoặc theo quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.)

2. Documents for Shut down of a branch or representative office includes:



(Hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện bao gồm:)

a) The decision of the enterprise to shut down the branch or representative office, or the decision to revoke the Certificate of registration of branch or representative office issued by a competent authority;
(Quyết định của doanh nghiệp về chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;)

b) The list of creditors and outstanding debts, including tax debts, of the branch and outstanding social insurance contributions;
(Danh sách chủ nợ và số nợ chưa thanh toán, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và nợ tiền đóng bảo hiểm xã hội;)

c) The list of employees and their corresponding benefits;
(Danh sách người lao động và quyền lợi tương ứng hiện hành của người lao động;)

d) The Certificate of registration of the branch or representative office;
(Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện;)

dd) The seal of the branch or representative office (if any).
(Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện (nếu có))

3. The enterprise's legal representative and the head of the shut down branch or representative office are jointly responsible for the truthfulness and accuracy of the said documents.
(Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện bị giải thể liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.)

4. The enterprise whose branch is shut down is responsible for execution of contracts, payment of debts, including tax debts, of the branch, keep employing the branch's employees or provide them with adequate benefits.
(Doanh nghiệp có chi nhánh đã chấm dứt hoạt động chịu trách nhiệm thực hiện các hợp đồng, thanh toán các khoản nợ, gồm cả nợ thuế của chi nhánh và tiếp tục sử dụng lao động hoặc giải quyết đủ quyền lợi hợp pháp cho người lao động đã làm việc tại chi nhánh theo quy định của pháp luật.)

5. Within 05 working days from the receipt of sufficient documents prescribed in Clause 2 of this Article, the business registration authority shall update the legal status of the branch or representative office on National Enterprise Registration Database.
(Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh quy định tại khoản 2 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.)

Article 207. Bankruptcy *(Phá sản doanh nghiệp)*

Regulations of law on bankruptcy shall apply to bankruptcy of enterprises.
(Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.)

Chapter X
IMPLEMENTATION
(TỔ CHỨC THỰC HIỆN)

Article 208. Responsibilities of regulatory bodies
(Trách nhiệm các cơ quan quản lý nhà nước)

1. The Government shall unify state management of enterprises.
(Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.)
2. Ministers and ministerial agencies are responsible to the government for fulfillment of their duties with regard to state management of enterprises.
(Các bộ, cơ quan ngang bộ chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc thực hiện nhiệm vụ được phân công trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.)
3. Ministers and ministerial agencies, within the scope of their competence, shall direct professional organizations to periodically send the following information to the business registration authorities where the enterprises' headquarters are situated:
(Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công, các bộ, cơ quan ngang bộ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn định kỳ gửi cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính các thông tin sau đây:)
 - a) Information about Business licenses, Certificates of eligibility for business operation, practicing certificates, certifications or written approval for business conditions issued to enterprises, decisions on penalties for administrative violations committed by enterprises;
(Thông tin về giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận hoặc văn bản chấp thuận về điều kiện kinh doanh đã cấp cho doanh nghiệp và quyết định xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính của doanh nghiệp;)
 - b) Information about the operation and tax payment of enterprises derived from enterprises' tax reports;
(Thông tin về tình hình hoạt động và nộp thuế của doanh nghiệp từ báo cáo thuế của doanh nghiệp;)
 - c) Information about enterprises' operation serving improvement of state management effect.
(Phối hợp, chia sẻ thông tin về tình hình hoạt động doanh nghiệp để nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước.)
4. The People's Committees of provinces shall manage local enterprises.
(Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp trong phạm vi địa phương.)
5. The People's Committees of provinces, within the scope of their competence, shall direct affiliated professional organizations and the People's Committees of districts to periodically send the information prescribed in Clause 2 of this Article to the business registration authorities where the enterprises' headquarters are situated.
(Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được phân công chịu trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ gửi cho Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp có trụ sở chính các thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều này.)



6. The Government shall elaborate this Article.
(*Chính phủ quy định chi tiết Điều này.*)

Article 209. Business registration authorities
(*Cơ quan đăng ký kinh doanh*)

1. Every business registration authority has the following duties and entitlements:
(*Cơ quan đăng ký kinh doanh có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*)

a) Process business registration applications and issue Certificates of Business registration as prescribed by law;
(*Giải quyết việc đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;*)

b) Cooperate in developing and managing the National Business Registration Information System; provide information for regulatory bodies, organizations and individuals at their request as prescribed by law;
(*Phối hợp xây dựng, quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có yêu cầu theo quy định của pháp luật;*)

c) Request enterprises to report their conformity to this Law where necessary; urge enterprises to report.
(*Yêu cầu doanh nghiệp báo cáo về việc tuân thủ các quy định của Luật này khi xét thấy cần thiết; đôn đốc việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo của doanh nghiệp;*)

d) Carry out inspections or request competent authorities to carry out inspections according to contents of applications for enterprise registration;
(*Thực tiếp hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp theo những nội dung trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp;*)

dd) Take responsibility for the validity of applications for enterprise registration; Take no responsibility for violations committed by enterprises before and after business registration;
(*Chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không chịu trách nhiệm về những vi phạm của doanh nghiệp xảy ra trước và sau đăng ký doanh nghiệp;*)

e) Deal with violations against regulations on business registration prescribed by law; revoke Certificates of Business registration and request enterprise to follow procedures for dissolution in accordance with this Law;
(*Xử lý vi phạm các quy định về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp làm thủ tục giải thể theo quy định của Luật này;*)

g) Perform other rights and obligations prescribed by this Law and relevant laws.
(*Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.*)

2.. The Government shall provide for organization structure of business registration authorities.
(*Chính phủ quy định hệ thống tổ chức Cơ quan đăng ký kinh doanh.*)



Article 210. Actions against violations

(Xử lý vi phạm)

1. Any organization or individual that commit violations against this Law, depending on the nature and seriousness of the violations, shall face disciplinary actions, administrative penalties, and pay compensation for any damage caused; individuals might also face criminal prosecution as prescribed by law.

(Cơ quan, tổ chức, cá nhân vi phạm quy định của Luật này thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường, cá nhân có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.)

2. The Government shall elaborate penalties for administrative violations against this Law.

(Chính phủ quy định chi tiết về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm những quy định của Luật này.)

Article 211. Revocation of Certificate of Business registration

(Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp)

1. A enterprise shall have its Certificate of Business registration revoked in the following cases:

(Doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:)

a) The information provided in the application for enterprise registration is false;

(Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo;)

b) The enterprise is established by persons banned from enterprise establishment as prescribed in Clause 2 Article 18 of this Law;

(Doanh nghiệp do những người bị cấm thành lập doanh nghiệp theo khoản 2 Điều 18 của Luật này thành lập;)

c) The enterprise's business operation is suspended for 01 year without notifying the business registration authority and tax authority;

(Doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;)

d) The enterprise fails to submit reports as prescribed in Point c Clause 1 Article 209 of this Law to the business registration authority within 06 months from the deadline or from the receipt of a written request;

(Doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định tại Điều 209.1.c của Luật này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo hoặc có yêu cầu bằng văn bản;)

dd) Other cases decided by the Court. *(Trường hợp khác theo quyết định của Tòa án.)*

2. The Government shall elaborate procedures for revocation of the Certificate of Business registration.

(Chính phủ quy định trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.)

Article 212. Effect

(Hiệu lực thi hành)



1. This Law takes effect from July 01, 2015. The Law on Enterprises No. 60/2005/QH11 dated November 29, 2005 and the Law No. 37/2013/QH13 dated June 20, 2013 on Amendments to Article 170 of the Law on Enterprise are null and void from the effective date of this Law, except for the following cases:

(Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015. Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung Điều 170 của Luật doanh nghiệp số 37/2013/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực, trừ các trường hợp sau đây:)

a) With regard to limited liability companies established before this Law takes effect, the company's charter shall apply to deadlines for capital contribution;

(Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực, thời hạn góp vốn thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;)

b) Enterprises of which charter capital is held by the State shall be restructured to ensure conformity with Clause 2 and Clause 3 Article 189 of this Law before July 01, 2017;

(Các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ vốn điều lệ phải thực hiện tái cơ cấu để bảo đảm tuân thủ đúng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 189 của Luật này trước ngày 01 tháng 7 năm 2017;)

c) Clause 2 Article 189 shall not apply to companies whose shares or stakes are held by the State before July 01, 2015, provided the ratio of cross ownership is not increased.

(Các công ty không có cổ phần hoặc phần vốn góp do Nhà nước nắm giữ thực hiện góp vốn, mua cổ phần trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 không phải thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 189 của Luật này nhưng không được tăng tỷ lệ sở hữu chéo.)

2. Every household business that hires 10 regular employees or more must apply for business registration in accordance with this Law. Small-scale household businesses shall apply for business registration and operate in accordance with regulations of the Government.

(Hộ kinh doanh sử dụng thường xuyên từ 10 lao động trở lên phải đăng ký thành lập doanh nghiệp hoạt động theo quy định của Luật này. Hộ kinh doanh có quy mô nhỏ thực hiện đăng ký kinh doanh và hoạt động theo quy định của Chính phủ.)

3. Pursuant to this Law, the Government shall elaborate the organizational structure and operation of state-owned companies directly serving national defense and security or combining business operation with national defense and security.

(Căn cứ vào quy định của Luật này, Chính phủ quy định chi tiết việc tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp nhà nước trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.)

Article 213. Specific regulations

(Quy định chi tiết)

The Government shall elaborate the Articles and Clauses as mentioned above.

This Law is passed by the 13th National Assembly of Socialist Republic of Vietnam during the 8th session on November 26, 2014.

(Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.)



Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014./.)

PRESIDENT OF NATIONAL ASSEMBLY
(CHỦ TỊCH QUỐC HỘI)
(Đã ký)

Nguyen Sinh Hung

